

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
NGÀNH XUẤT BẢN

Mã ngành: 7 320 401

CHUYÊN NGÀNH XUẤT BẢN ĐIỆN TỬ

Quyển 1: Khái kiến thức giáo dục đại cương

Hà Nội, 2024

MỤC LỤC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Trang
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	3
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	11
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	17
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	25
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	31
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	39
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	46
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	52
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học XH&NV	2	61
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	68
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	75
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	82
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	89
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	96
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	103
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	110
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	118
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	125
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	131
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	138
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	157
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	174
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	193
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	207
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	218
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	231
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	242

12/1

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA TRIẾT HỌC

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **Marxist – Leninist Philosophy**

Mã học phần: TM01012.

Loại môn học: Cơ bản - Kiến thức giáo dục đại cương

Số tín chỉ : 03 tín chỉ (1.5 LT; 1.0 TH; 0.5 Tự học)

Số tiết học: 75 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 75 Tiết

Loại học phần: *bắt buộc*.

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1, hoặc 2,3)

Môn học tiên quyết: *Không*.

Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học có máy chiếu.

Bộ môn/Khoa phụ trách: Bộ môn Triết học Mác - Lênin/ Khoa Triết học

Văn phòng khoa: Tầng 5, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn

Điện thoại, email: 0913.828.018; Email: hoan_cbxh@yahoo.com.vn

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. PGS.TS. Nguyễn Minh Hoàn

Điện thoại: 0913.828.018; Email: hoan_cbxh@yahoo.com.vn

2. PGS, TS. Trần Hải Minh

Điện thoại: 0945.718.288; Email: haiminh81uk@gmail.com

3. PGS, TS. Trương Ngọc Nam

Điện thoại: 0983.008.959; Email: truongngocnam59@gmail.com

4. PGS, TS. Ngô Đình Xây

Điện thoại: 0965.819.999; Email: ngodinhxay958@gmail.com

5. TS. Nguyễn Thị Như Huế:

Điện thoại: 0912.661.150; Email: nhuhue1310@gmail.com

6. TS. Vũ Thị Hồng Nhung

Điện thoại: 0972.797.368, Email: binhnhung0711@gmail.com

7. TS. Nguyễn Thị Ngo

Điện thoại: 098.974.6390, Email: nguyenthingo90ajc@gmail.com

8. Trần Thị Thảo Anh

Điện thoại: 098.798.7583, Email: thaoanhvbcct@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực tham gia vào các hoạt động học tập cũng như mong muốn truyền bá tri thức môn học. Vận dụng sáng tạo những kiến thức này vào công tác biên tập, xuất bản, truyền thông đảm bảo đúng quan điểm, đường lối và định hướng của Đảng và Nhà nước ta.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

- *Kỹ năng*: có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện, tư duy logic

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy – học	Hình thức KTĐG
CLO1	Giải thích được đối tượng của triết học, vai trò của triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng trong đời sống xã hội; Trình bày hiểu biết về các nội dung lý luận cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng;	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành, sinh viên thuyết trình nghiên cứu tài liệu, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết hợp tự luận và trắc nghiệm

	vật chất - ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức.		
CLO2	Phân tích, lấy ví dụ minh họa về các nội dung lý luận cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế – xã hội, giai cấp – dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành, sinh viên thuyết trình nghiên cứu tài liệu, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết hợp tự luận và trắc nghiệm
CLO3	Vận dụng lý luận và các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nhận thức và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở đó, người học nhận định, đánh giá một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ triết học.	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành, sinh viên thuyết trình, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết hợp tự luận và trắc nghiệm
CLO4	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện các vấn đề, tư duy sáng tạo, tư duy hệ thống, tư duy logic; Thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu...	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành, sinh viên thuyết trình, nghiên cứu tài liệu, tương tác với giảng viên, thực tế, tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết hợp tự luận và trắc nghiệm
CLO5	Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm + Năng lực tự học, tự nghiên cứu; làm việc độc lập hoặc theo nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân và trước nhóm + Có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành, sinh viên thuyết trình nghiên cứu tài liệu, tương tác với giảng viên, thực tế, tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết hợp tự luận và trắc nghiệm

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

T u ầ n	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
		Lý thuyết		Thực hành				
		Tr. tiếp	Tr tuy ến	PLT	P T H	Thực địa/ trực tuyến		
1	Chương 1. Triết học và vai trò của nó với sự phát triển của xã hội	2	0	3	0	0	5	1,4,5
	Triết học và nguồn gốc của triết học							
	Đối tượng nghiên cứu của triết học							
	Biện chứng và siêu hình							
	Vai trò của triết học trong đời sống XH							
2	Chương 2. Vật chất và ý thức	2	0	3	0	0	5	1,3,4,5
	2.1. Phạm trù vật chất							
	2.2. Phạm trù ý thức							
	2.3. Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức							
3	Chương 3. Phép Biện chứng duy vật	2	2	3	0	0	5	1,3,4,5
	3.1. Khái lược về phép biện chứng							
	3.2. Hai Nguyên lý cơ bản của PBCDV							
	3.3. Những phạm trù cơ bản của phép BCDV							
	3.4. Những quy luật cơ bản của phép BCDV							
4	Chương 4. Lý luận nhận thức	2	0	3	0	0	5	1,3,4,5
	4.1.Nhận thức và thực tiễn							
	4.2. Con đường biện chứng của quá trình nhận thức							
	4.3. Chân lý và tính chất của							

	chân lý							
	4.4. Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn							
5	Hình thái kinh tế - xã hội	2	2	3	0	3	2,5	2,3,4,5
	5.1. Sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất							
	5.2. Quy luật về sự phù hợp giữa QHSX và trình độ của LLSX							
	5.3. Quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT							
	5.4. Sự phát triển các HTKT – XH là quá trình lịch sử - tự nhiên							
6	Giai cấp – Dân tộc	2	0	3	0	0	0	2,3,4,5
	6.1. Những hình thức cộng đồng người trong lịch sử							
	6.2. Giai cấp và đấu tranh giai cấp							
	6.3. Quan hệ giai cấp – dân tộc							
7	Nhà nước và Cách mạng xã hội	2	0	3	0	0	0	2,3,4,5
	7.1. Nhà nước							
	7.2. Cách mạng xã hội							
8	Vấn đề con người trong triết học Mác	2	0	3	0	0	0	2,3,4,5
	7.1. Bản chất con người							
	7.2. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội							
	7.3. Vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử							
9	Ý thức xã hội	2,5	0	0,5	0	2,5	0	2,3,4,5
	9.1. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội							
	9.2. Các hình thái ý thức xã hội							
Tổng		22,5	0	24,5	0	5,5	22,5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (đánh số)

CLOs	PLOs																	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
CLO1																		
CLO2																		
CLO3																		
CLO4																		
CLO5																		
Tổng hợp học phần																		

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thuyết giảng tương tác	x	x	x	x	x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x
1. Giải quyết vấn đề				x	x
2. Nghiên cứu trường hợp					
3. Nhập vai, mô phỏng					
4. Thực hành/thí nghiệm			x	x	x
5. Dự án (Sản phẩm)					
6. Thực tế/thực tập			x	x	x
7. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	
Làm việc nhóm	x	x	x	x	x
Quan sát				x	
Trao đổi với GV	x	x	x	x	x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	
Đặt câu hỏi, phản biện	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x
Học qua dự án			x	x	x
Học qua trải nghiệm			x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Triết học Mác - Lênin			X													

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%

- Quy định về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm kết hợp tự luận

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	Viết bài luận, Thuyết trình, kết quả tự học	30%	1,2,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Thi viết: kết hợp trắc nghiệm và tự luận	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Tích cực tự học, chuẩn bị bài mới, tham gia thảo luận trên lớp.

- Làm bài và nộp bài kiểm tra theo đúng cách thức, thời hạn quy định. Nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 50% điểm/ngày nộp muộn. Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

- Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Tham gia các hoạt động học tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1) Khoa Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2018), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb KHXH, Hà Nội.

2) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1) Hội đồng Lý luận TW (2012), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2) Bùi Thanh Hương - Nguyễn Văn Đại (Chủ biên), (2011), *Khái lược lịch sử triết học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

3) *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam* (từ khóa VI đến khóa XIII), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



PGS, TS. Trần Hải Minh

TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn

2011

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin** (Dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị)

Tên học phần bằng tiếng Anh: **Marxist- Leninist Political Economy**

Mã học phần: **KT01011**

Loại môn học: Khoa học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết, 0,25 tín chỉ thực hành, 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 37,5 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 7,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học)

Số tiết học cá nhân: 62,5 tiết (đọc tài liệu trên thư viện, tại nhà, quan sát thực tế, tự làm bài tập, tự làm dự án...)

Loại học phần: *Bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: TM01012 - *Triết học Mác – Lênin (Dành cho khối không chuyên lý luận chính trị)*.

Các yêu cầu khác đối với học phần: phòng học có máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần.

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa Kinh tế chính trị/bộ môn kinh tế chính trị

Văn phòng khoa: Phòng 705 nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: ThS. Vũ Việt Phương

Điện thoại: 0989.647.161, email: vuvietphuongajc@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Khuyên, ĐT: 0972014626; Email: nguyenkhuyenajc@gmail.com
2. TS. Nguyễn Thị Kim Thu, ĐT: 0989063770 Email: kimthuktct2@gmail.com
3. TS. Trần Thị Ngọc Minh, ĐT: 0915021246; Email: phuongbinh788007@gmail.com
4. Ths. Lê Thị Hiên, ĐT: 0987228155 Email: thuanhien11@gmail.com
5. Ths. Ngô Thị Thu Hà, ĐT: 0912225877 Email: nttha1208@gmail.com
6. TS. Nguyễn Hồng Lâm, ĐT: 0988775796 Email: honglamhcma@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần người học có những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới; Có kỹ năng tư duy, kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế để phân tích các quan hệ kinh

tế; Có ý thức trách nhiệm phù hợp khi tham gia hệ thống kinh tế xã hội. Vận dụng những kiến thức này vào công tác truyền thông xuất bản, đảm bảo đúng chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, Nhà nước ta.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Người học sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị mác-Lênin cần có:

- *Kiến thức*: Nắm được các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản của KTCT Mác - Lênin. Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác – Lênin để lý giải cơ sở khoa học của chủ trương, đường lối và chính sách phát triển kinh tế và thực tiễn phát triển kinh tế xã hội hiện nay.

- *Kỹ năng*: Sinh viên có được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về các vấn đề kinh tế chính trị; Kỹ năng làm việc nhóm, thực hiện nghiên cứu nhỏ về kinh tế chính trị, viết báo khoa học về các vấn đề kinh tế chính trị. Hình thành kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác-Lênin vào thực tiễn, để nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn kinh tế.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: Tích cực tiếp nhận kiến thức, sẵn sàng chia sẻ, hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức của Kinh tế chính trị Mác-Lênin cho người khác. Tích cực đóng góp ý kiến hoàn thiện chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Người học có kiến thức cơ bản về các phạm trù, quy luật kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa nói chung.	Thuyết trình, nêu vấn đề, tranh biện, thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án	Vấn đáp Bài tập nhóm Làm dự án Kiểm tra Trắc nghiệm Viết luận
CLO2	Người học có kiến thức cơ bản về các phạm trù, quy luật kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa	Thuyết trình, nêu vấn đề, tranh biện, thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án	Vấn đáp Bài tập nhóm Làm dự án Kiểm tra Trắc nghiệm

			Viết luận
CLO3:	Người học có kiến thức cơ bản về các phạm trù, quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Thuyết trình, nêu vấn đề, tranh biện, thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án	Vấn đáp Bài tập nhóm Làm dự án Kiểm tra Trắc nghiệm Viết luận
CLO4	Người học có kỹ năng truyền đạt những hiểu biết về kinh tế chính trị cho người khác; có kỹ năng đánh giá tính khoa học của các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế; có kỹ năng đề xuất giải pháp giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường.	Thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án	Vấn đáp Bài tập nhóm Làm dự án Kiểm tra Trắc nghiệm Viết luận
CLO5	Người học có thể làm việc độc lập, phối hợp với các thành viên khác; Chủ động chịu trách nhiệm cá nhân trước nhóm về kết quả làm việc của mình; Tích cực hướng dẫn, giúp đỡ người khác học tập, làm việc; Chủ động tranh biện, bảo vệ quan điểm khoa học và các kết luận rút ra trong kinh tế chính trị.	Tranh biện, thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án	Vấn đáp Bài tập nhóm Làm dự án Kiểm tra Trắc nghiệm Viết luận

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuầ n	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLO s)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		

1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp, chức năng của KTCT Mác Lênin;	2.5		2.5			1.2 5	1,2,3
2	Chương 2:Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường		4			1	2	1,4,5
3	Chương 3: Sản xuất giá trị thặng dư trong nền KTTT	5					2	2,4,5
4	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	3		2			2	2,4,5
5	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở VN	4		1			2	3,4,5
6	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam		4			1	2	3,4,5

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1															
CLO2															
CLO3															
CLO4															
CLO5															
Tổng hợp học phần															

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

6.1. Các phương pháp dạy

Thuyết trình, nêu vấn đề, tranh biện, thảo luận nhóm, dạy học thông qua dự án

6.2. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, nêu vấn đề, tranh biện	x	x	x		
Thảo luận nhóm				x	x
Dạy học thông qua dự án				x	x

7. Phương pháp học

7.1. Các phương pháp dạy học

Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi; Tranh biện, thảo luận, làm việc nhóm; Làm dự án

7.2. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi	x	x	x		
Tranh biện, thảo luận, làm việc nhóm				x	
Làm dự án				x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Hình thức kiểm tra đánh giá học phần: sử dụng kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá:

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x		

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình	Điểm danh Phát biểu xây dựng bài Thuyết trình nhóm Trình bày dự án Bài tập tự học	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận Thuyết trình nhóm Bài tập tự học	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi viết	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham gia trên 80% thời lượng lý thuyết. Tích cực tham gia chuẩn bị bài, tập trung nghiêm túc nghe giảng, ghi chép bài, đặt câu hỏi. Thực hiện đúng nội quy học tập của Học viện.
- Giờ thực hành: Tham gia 100% giờ thực hành. Nộp báo cáo đúng hạn.
- Giờ tự học, giờ học cá nhân: thực hiện đầy đủ 100% giờ tự học và giờ học cá nhân: Nghiên cứu tài liệu, quan sát thực tiễn, soạn bài, củng cố kiến thức, nộp bài tập tự học đúng quy định, thời gian.

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Loan, Nguyễn Thị Khuyên, Vũ Thị Kim Thanh, Đặng Hương Giang (Đồng chủ biên) (2022), Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Bùi Ngọc Quỳnh (2016), Chủ nghĩa tư bản, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Ngô Văn Lương, Vũ, Xuân Lai (Đồng chủ biên) (2005), Kinh tế chính trị Mác-Lênin: phần Kinh tế tư bản chủ nghĩa, NXB Chính trị quốc gia.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tham

GV BIÊN SOẠN

R

TRƯỞNG KHOA

Thường

Nguyễn Thị Khuyên

PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

ThS. Vũ Việt Phương

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **Science socialism**

Mã học phần: CN01001

Loại môn học: Khoa học Mác – Lênin (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương)

Số tín chỉ: 2.0 tín chỉ (2.0 giờ tín chỉ. Trong đó 1.5 giờ tín chỉ lý thuyết, 0.25 giờ tín chỉ thực hành, 0.25 giờ tín chỉ tự học).

Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó tiết lý thuyết 22.5; tiết thực hành 7.5; tiết tự học 11.25)

Số tiết học cá nhân: 58.75 tiết (nghiên cứu, thư viện,...)

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2,3)

Môn học tiên quyết: *TM 01001*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Không*

Bộ môn/Khoa phụ trách: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Văn phòng khoa: Tầng 7, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS.Khuất Thị Thanh Vân

Điện thoại, email: 0988925407, khuatvanbctt@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Bùi Thị Kim Hậu

Điện thoại, email: 0912776985, buikimhau@yahoo.com.vn

2. TS.Khuất Thị Thanh Vân

Điện thoại, email: 0988925407, khuatvanbctt@gmail.com

3. TS. Nguyễn Văn Hạnh

Điện thoại, email: 0978565397, nvhanhbc@gmail.com

4. TS. Đặng Thanh Phương

Điện thoại, email: 0989679266, phuongdtajc@gmail.com

5. TS. Bùi Lệ Quyên

Điện thoại, email: 0913931145, lequyen1810@gamil.com

6. ThS. Vũ Minh Thành

Điện thoại, email: 0913053376, thanhvuminh.ajc@gmail.com

7. ThS. Nguyễn Phương Anh

Điện thoại, email: 0912299595

8. ThS. Phạm Văn Đông

Điện thoại, email: 0981683556

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức của CNXHKH; hiểu được các quy luật và các tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình ra đời, phát triển hình thái kinh tế - xã hội XHCN – CSCN. Bước đầu có kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị xã hội. Từ những hiểu biết đó, sinh viên có thái độ tin tưởng, ủng hộ cũng như tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm góp phần thực hiện thành công cách mạng XHCN – con đường mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Vận dụng những kiến thức này vào công tác báo chí, truyền thông xuất bản đúng với chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Sinh viên trình bày được một cách cơ bản những vấn đề lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ phân tích được các quy luật và tính quy luật trong quá trình ra đời và phát triển hình thái kinh tế xã hội Cộng sản chủ nghĩa.

+ Vận dụng tri thức môn học vào phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề liên quan trong thực tiễn đời sống chính trị - xã hội.

- Kỹ năng

+ Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm

+ Có kỹ năng tư duy, phân tích, phản biện những vấn đề liên quan đến những vấn đề chính trị - xã hội để bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ Có quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

+ Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm

+ Có năng lực tự học tập, nghiên cứu

3. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy – học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu và trình bày được những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội cơ bản trong quá trình vận động, phát triển từ tư bản chủ nghĩa tư bản lên xã hội chủ nghĩa.	Thuyết trình tương tác; Hỏi - đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Sàng lọc; Hướng dẫn tự học; lấy ý kiến ghi bảng	quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, bài tập tự học; thuyết trình nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân; bài viết tự luận
CLO2	Phân tích, đánh giá được những vấn đề chính trị - xã hội có liên quan trong đời sống thực tiễn.	Thuyết trình tương tác; Hỏi -đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Bài tập thực hành; Sàng lọc; tranh biện; Hướng dẫn tự học	Thuyết trình bài thực hành của cá nhân, nhóm; Bài tập tự học; quan sát các hoạt động, thái độ học tập của sinh viên; bài viết tự luận
CLO3	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện về những vấn đề chính trị - xã hội	Thuyết trình tương tác; Hỏi -đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Bài tập thực hành; Sàng lọc; tranh biện;	Thuyết trình bài thực hành của cá nhân, nhóm; Bài tập tự học; quan sát các hoạt động, thái độ học tập của sinh viên; bài viết tự luận
CLO4	Có quan điểm, lập trường tư tưởng, thái độ đúng đắn, cách mạng. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu; có khả năng lập kế hoạch và giải quyết nhiệm vụ học tập; năng lực làm việc và chịu trách nhiệm cá nhân, làm việc nhóm.	Thuyết trình tương tác; Hỏi -đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Bài tập thực hành; tranh biện; Hướng dẫn tự học	Kiểm tra chuyên cần; bài tập cá nhân, nhóm; thuyết trình kết quả học tập có hướng dẫn của cá nhân, nhóm; quan sát thái độ, ý thức học tập của sinh viên; bài viết tự luận

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

T T	Tuầ n	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLO s)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòn g TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học I. Sự ra đời của CNXHKKH II. Các giai đoạn phát triển của CNXHKKH III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	5	0	0	0	0	0	1, 3
2	2	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân I. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. II. GCCN và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay III. Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam hiện nay	2,5	0	2,5	0	0	3	1, 2, 3, 4
3	3	Chương 3: CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH I. Chủ nghĩa xã hội II. Thời kỳ quá độ lên CNXH III. Quá độ lên CNXH ở	0	2,5	0	0	2,5	3	1, 2, 3, 4

		Việt Nam Chương 4: Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN I. Dân chủ và dân chủ XHCN							
4	4	Chương 4: Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN II. Nhà nước XHCN III. Dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam Chương 5: Cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH I. cơ cấu xã hội – giai cấp trong thười kỳ quá độ lên CNXH II. Liên minh gia cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH III. Cơ cấu xh- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên cnxh ở Việt Nam	0	5	0	0	0	3	1, 2, 3, 4
5	5	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH I. Dân tộc trong thời kỳ qua độ lên CNXH II. Tôn giáo trong thời kỳ qua độ lên CNXH III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	5	0	0	0	0	2.2 5	1, 2, 3, 4

6	6	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH III. xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2,5	0	2,5	0	0	0	1, 2, 3, 4
Tổng			15	7.5	5	0	2.5	11.25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO1	4	3		4										
CLO2	3	4		3	4						3	4		
CLO3					3				4	3	4	3		
CLO4	3				4		3				4			

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Giảng lý thuyết	x		x	
Hỏi đáp	x	X	x	x
Phỏng vấn nhanh		X	x	x
Thảo luận nhóm, chuyên đề	x	X	x	x
Giải quyết vấn đề	x	X	x	x
Hướng dẫn tự học	X	X	x	x
Bài tập thực hành	X	X	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghiên cứu tài liệu	X		x	x
Nghe giảng và ghi chép	X		x	
Tự học	x	X	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x	X	x	
Làm việc nhóm/thực hành	x	X	x	X
Giải quyết tình huống	X	X	x	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VĐ	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VĐ	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X								X							

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%

- Quy định về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá:

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4

Đánh giá giữa kỳ	Viết bài luận, Thuyết trình, kết quả tự học	30%	1,2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận viết	50%	1,2,3,4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Tích cực tự học, chuẩn bị bài mới, tham gia thảo luận trên lớp.

- Làm bài và nộp bài kiểm tra theo đúng cách thức, thời hạn quy định. Nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 50% điểm/ngày nộp muộn. Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

- Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho khối sinh viên không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho khối sinh viên chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (khoa CNXHKKH) (2014), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

GV BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

Tham

St

[Signature]

PGS,TS.Nguyễn Thị Trường Giang

TS. Khuất Thị Thanh Vân

PGS.TS Bùi Thị Kim Hậu

4011

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA LỊCH SỬ ĐẢNG

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Tên học phần bằng tiếng Anh: History of the Communist Party of

Mã học phần: **LS01002**

Loại môn học: Khoa học Mác – Lênin

Số tín chỉ: 2.0 tín chỉ (2.0 tín chỉ, trong đó 1.5 tín chỉ lý thuyết, 0.25 tín chỉ thực hành, 0.25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 41.25 tiết (trong đó tiết lý thuyết 22.5; tiết thực hành 7.5; tiết tự học 11.25)

Số tiết học cá nhân: 58.75 tiết (nghiên cứu, trải nghiệm, dự giờ kiểm tra đánh giá...)

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2,3,4)

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Không*

Bộ môn/Khoa phụ trách: Lịch sử Đảng

Văn phòng khoa:

Người phụ trách: TS. Vũ Thị Duyên

Điện thoại, email: 0979809577, duyenvulsd@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. TS. Vũ Thị Duyên

Điện thoại, email: 0979809577, duyenvulsd@gmail.com

2. TS. Vũ Ngọc Lương

Điện thoại, email: 0982848788, luongvu1977ajc@yahoo.com.vn

3. TS. Nguyễn Thị Hào

Điện thoại, email: 0903200443, nguyenthihao.hvbc@gmail.com

4. ThS. Nguyễn Thành Long

Điện thoại, email: 0913021816, longconghvbctt@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến nay. Có nhận thức đúng đắn, khách quan về thực tiễn lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:*

+ Giải thích, tóm tắt được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

+ Vận dụng, chứng minh được những kiến thức đã học về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để phân biện và giải quyết các vấn đề liên quan tới sự lãnh đạo của Đảng trong thực tế;

+ Phân tích, đánh giá được hoàn cảnh lịch sử, quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng qua các giai đoạn lịch sử: (1930-1945); (1945-1954); (1954-1975); (1975-1986); (từ 1986 đến nay)

+ Đề xuất giải pháp góp phần khắc phục những hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay.

- *Kỹ năng*: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo và giải quyết những vấn đề liên quan đến Lịch sử Đảng

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*:

+ Bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yêu nước, có khả năng phản bác các quan điểm sai trái thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

+ Năng lực làm việc độc lập, theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

+ Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Giải thích, tóm tắt được hoàn cảnh lịch sử, quá trình vận động thành lập Đảng và vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.	Thuyết trình; Hỏi đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Giảng dạy trực tuyến; Sàng lọc.	Điểm danh chuyên cần; Thuyết trình; Bài tập nhóm; bài tập tự học.
CLO2	Vận dụng, phân tích được các quan điểm của Đảng về đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, để phản biện và giải quyết các vấn đề liên quan tới sự lãnh đạo của Đảng trong thực tế	Hỏi đáp; Thảo luận; Phỏng vấn nhanh; Bài tập thực hành; Giảng dạy trực tuyến; Sàng lọc	Viết bài luận; Thuyết trình; Bài tập nhóm; Kết quả tự học
CLO3	Đánh giá được quá trình lãnh đạo, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay; Đề xuất giải pháp góp phần giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay.	Hỏi đáp; Thảo luận; Nêu ý kiến ghi lên bảng; Bài tập thực hành; Sàng lọc	Viết bài luận, Thuyết trình; Bài tập nhóm; Vấn đáp; Tự luận.
CLO4	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện, nghiên cứu độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan tới quan điểm, chủ trương, vai trò lãnh đạo và kinh nghiệm của Đảng.	Hỏi đáp; Thảo luận; Nêu ý kiến ghi lên bảng; Bài tập thực hành.	Thuyết trình; Bài tập nhóm; Vấn đáp.
CLO5	Mức tự chủ và trách nhiệm + Tinh thần yêu nước, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có khả năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	Thuyết trình; Hỏi đáp; Thảo luận nhóm; Phỏng vấn nhanh; Giảng dạy trực tuyến; Sàng lọc, Bài tập	Thuyết trình; Bài tập nhóm; Vấn đáp, tự luận, bài tập tự học

	+ Năng lực tự học, nghiên cứu, cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. + Khả năng lập kế hoạch, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu.		
--	--	--	--

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Chương 2. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) 2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)	5					2	1
									1 1,2,3, 4,5
2	2	Chương 2. (tiếp) 2.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)		5				2	1 1,2,3, 4,5
3	3	Chương 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 – 1975) 3.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945-1954)	5					2	1,2,3, 4,5

4	4	Chương 3. (tiếp) 3.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) - Kiểm tra định kỳ					5	2	1,2,3, 4,5
5	5	Chương 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) 4.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986)	5					2	1 1,2,3, 4,5
6	6	Chương 4. (tiếp) 4.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) - Ôn tập	2.5		2.5			1.5	1 1,2,3, 4,5
Tổng			17.5	5	2.5		5	11.25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1															
CLO2															
CLO3															
CLO4															
CLO5															

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình	x				x
Hỏi đáp	x	x	x	x	x
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x

Phòng vấn nhanh	x	x	x	x	x
Nêu ý kiến ghi lên bảng	x	x	x		x
Dạy học thông qua vấn đề	x	x	x		x
Giảng dạy trực tuyến	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x			x
Ghi chép	x	x			x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x		x
Phòng vấn nhanh	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x
Làm việc nhóm	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x
Học qua trải nghiệm	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X				X				X			

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%

- Quy định về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá: Vấn đáp/tự luận

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,5
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, bài tập nhóm, kết quả tự học	30%	1,2,2,3,
Đánh giá cuối kỳ	Vấn đáp/ tự luận	50%	2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự đầy đủ các buổi học, sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ lý thuyết: Dự học đầy đủ, ghi chép bài, tích cực tham gia thảo luận trên lớp. Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Giờ thực hành: Dự học đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia thực hành

- Giờ tự học, giờ học cá nhân: Tích cực chủ động thực hiện bài tập tự học theo yêu cầu của GV. Không vi phạm quy tắc về đạo văn, nộp bài kiểm tra theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn.

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Ban Tuyên giáo Trung ương- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* dùng cho các trường đại học - Hệ chuyên lý luận, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận (2015), *Báo cáo tổng kết Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Vũ Thị Duyên

TRƯỞNG KHOA



TS. Vũ Ngọc Lương

5871

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **Ho Chi Minh Ideology**

Mã học phần: **TH01001**

Loại môn học: Khoa học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức đại cương

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết, 0,25 tín chỉ thực hành, 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 41,25 tiết: 22,5 tiết lý thuyết; 7,5 tiết thực hành; 11,25 tiết tự học (quy đổi tiết tự học 7.5 tiết).

Số tiết học cá nhân: 58.75 tiết (trải nghiệm thực tế, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá...)

Loại học phần: *Bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 3

Môn học tiên quyết: TM01001

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh

Văn phòng khoa: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Người phụ trách: PGS,TS. Doãn Thị Chín

Điện thoại, email: 0974163599; doanthichin68@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy (nếu có)

7. TS. Lê Đình Năm, số điện thoại: 0988757289; Email: namhvbctt1977@gmail.com

8. PGS,TS. Trần Thị Minh Tuyết, số điện thoại: 0913538837; Email: tuyetminh1612@gmail.com

9. TS. Lê Thị Thảo, số điện thoại: 0984898964; Email: lethaohvbctt@gmail.com

10. TS. Vũ Quang Ánh, số điện thoại: 0904619685; Email: vuquanganh2011@gmail.com

11. TS. Nguyễn Thị Minh Thùy, số điện thoại: 0968039069; Email: nguyenminhthuy1181@gmail.com

12. TS. Lê Thị Thúy Bình, số điện thoại: 0964258228; Email: thuybinhbctt25@gmail.com

13. ThS. Nguyễn Thị Mai Lan, số điện thoại: 0914193646; Email: mailantthcm@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng qua các giai đoạn cách mạng. Có kỹ năng phân tích, vận dụng các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh và đánh giá sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công cuộc đổi mới hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng ta trong cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- *Về kỹ năng:* Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức được vai trò, giá trị, tài sản tinh thần vô giá của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc ta; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes)

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Phân tích các sự kiện về cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh qua các tác phẩm, lời nói, hành động thực tiễn của Người và các nguồn tư liệu khác	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Đánh giá quá trình; Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO2	Phân tích được tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết, văn hoá, con người, đạo đức.	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Đánh giá quá trình; Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO3	Vận dụng được hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết, văn hoá, con người, đạo đức.... trong học tập và thực tiễn.	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Đánh giá quá trình; Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO4	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm về các vấn đề về tư tưởng Hồ Chí Minh; Có thái độ tích cực, chủ động, có trách nhiệm và trung thực; Có kỹ năng phân tích, phản biện các vấn đề chính trị - xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh...	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Đánh giá quá trình; Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO5	Có bản lĩnh chính trị vững vàng,	Giảng lý thuyết;	Đánh giá quá

	kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm, với xã hội...	Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	trình; Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
--	---	--	------------------------------------

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh						1	CLO1 CLO4, CLO5
		1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		1.3. Phương pháp nghiên cứu	1						
		1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh						2	CLO1 CLO4, CLO5
		2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
2	2	2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội			1			2	CLO2; CLO3 CLO4, CLO5

		3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc	1						
		3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam	1						
3	3	3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay	1						
		Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân					2	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5	
		4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	2						
		4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	1						
		4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước	1						
4	4	Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế		1			2	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5	
		5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc	1						
		5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	1						
		5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	1						
		Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người					1	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5	
		6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa	1						

5	5	6.3. Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	1						
		Chương 7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức			0,5			1,2 5	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5
		7.1. Hồ Chí Minh và nền đạo đức mới Việt Nam	1						
		7.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	1						
		7.3. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	1,5						
6	6	Thực hành ở thực địa					5		

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
										0	1	2	3	4	5
CLO1															
CLO2															
CLO3															
CLO4															
CLO5															
Tổng hợp học phần															

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x
Thảo luận		x	x		x
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Dạy học thông qua vấn đề		x	x		x
Hỏi đáp	x	x		x	x
Nghiên cứu thực địa	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	X	X	X	X	X
Ghi chép	X	X	X		
Làm việc nhóm	X	X	X	X	
Phỏng vấn nhanh	X	X	X	X	X
Ghi nhớ chủ động	X	X	X	X	X
Đặt câu hỏi phản biện	X	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy	X	X	X		X
Học qua trải nghiệm	X	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	VD	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				X	X										

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá: Thi tự luận

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết quả tự học	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

- Nộp bài kiểm tra, bài tự học theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn.

- Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

- Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho khối chuyên ngành LLCT)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Võ Nguyên Giáp (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, bộ 15 tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

4. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Lê Đình Năm

TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Doãn Thị Chín

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **Introduction to laws**

Mã học phần: **NP01001**

Loại môn học: **Đại cương**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (trong đó: 02 tín chỉ lý thuyết, 0.8 tín chỉ thực hành, 0.2 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 63 tiết (trong đó: 30 tiết lý thuyết, 24 tiết thực hành, 9 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 87 tiết

Loại học phần: **Bắt buộc**

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: TM0100, CN01002.

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa Nhà nước và Pháp luật

Văn phòng khoa: Phòng 610, nhà A1

Người phụ trách: ThS. Bế Văn Niệm

Điện thoại, email: 0964406730, niemnnpl@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Cao Thị Dung; điện thoại 0975456453; Email: dungcaonnpl@gmail.com

2. TS. Huỳnh Thị Chuyên; điện thoại: 0979230673; Email:

Email: hongchuyennnpl@gmail.com

3. ThS. Bế Văn Niệm; điện thoại: 0964406730; Email: niemnnpl@gmail.com

4. TS. Trần Thị Bình; điện thoại: 090431763; Email: tranbinh0607@gmail.com

5. TS. Trần Thái Hà; điện thoại: 0766221221;

Email: tranthaiha221@yahoo.com.vn

6. TS. Đỗ Thu Hiền; điện thoại: 0989383719;

Email: thuhien_baochi@yahoo.com.vn

7. TS. Vũ Thị Thu Quyên; điện thoại: 0912773556

Email: quyenbctt@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận thức rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về phòng, chống tham nhũng; có kiến thức tổng hợp về nhà nước và pháp luật Việt Nam; đánh giá được mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; phát hiện những vấn đề chưa hoàn

thiện của pháp luật Việt Nam với thực tiễn; có thể đề xuất được một số biện pháp cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức của sinh viên về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng và đấu tranh kiên quyết với hành vi vi phạm pháp luật. Vận dụng có hiệu quả vào công tác báo chí, truyền thông và xuất bản, đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước, pháp luật; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- *Kỹ năng:* Hình thành kỹ năng cơ bản sau: nhận biết các văn bản pháp luật; tự nghiên cứu; phân tích các tình huống pháp luật; so sánh, tổng hợp, làm việc nhóm và thảo luận chung.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm:* Củng cố niềm tin, sự say mê và tìm hiểu các vấn đề về nhà nước và pháp luật; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức sống và làm việc theo pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTDG
CLO1	Phân biệt được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật; Giải thích được bản chất của nhà nước, pháp luật nói chung, cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam.	- Giảng lý thuyết; Thảo luận; Thuyết trình; Nghiên cứu trường hợp; Đóng vai, mô phỏng; Dạy học thông qua vấn đề - Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Làm việc nhóm; Quan sát; Trao đổi với giảng viên; Tổng hợp thông tin; Ghi nhớ chủ động; Đặt câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy	- Vấn đáp - Trắc nghiệm ngắn tại giờ học
CLO2	Áp dụng được quy định của pháp luật hiện hành vào một số lĩnh vực đời sống xã hội và trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	- Giảng lý thuyết; Thảo luận; Thuyết trình; Nghiên cứu trường hợp; Đóng vai, mô phỏng; Dạy học thông qua vấn đề; Đóng vai, mô phỏng; Nghiên cứu thực địa, thực tế; - Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Làm việc nhóm; Quan sát; Trao đổi với giảng viên; Tổng hợp thông tin; Ghi nhớ chủ động; Đặt	- Viết đoạn tự luận - Vấn đáp - Trắc nghiệm ngắn tại giờ học

		câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy; Học qua trải nghiệm, thực tế.	
CLO3	Xác định/phân tích được tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam; các tình huống pháp luật trong các lĩnh vực.	- Giảng lý thuyết; Thảo luận; Thuyết trình; Nghiên cứu trường hợp; Đóng vai, mô phỏng; Dạy học thông qua vấn đề; Nghiên cứu thực địa, thực tế; - Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Làm việc nhóm; Quan sát; Trao đổi với giảng viên; Tổng hợp thông tin; Ghi nhớ chủ động; Đặt câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy; Học qua trải nghiệm, thực tế.	- Viết đoạn tự luận - Vấn đáp - Trắc nghiệm ngắn tại giờ học - Tiểu luận
CLO4	Đánh giá được hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	- Giảng lý thuyết; Thảo luận; Thuyết trình; Nghiên cứu trường hợp; Đóng vai, mô phỏng; Dạy học thông qua vấn đề; Đóng vai, mô phỏng; - Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Làm việc nhóm; Quan sát; Trao đổi với giảng viên; Tổng hợp thông tin; Ghi nhớ chủ động; Đặt câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy; Học qua trải nghiệm, thực tế.	- Viết đoạn tự luận - Tiểu luận
CLO5	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình một số vấn đề về nhà nước và pháp luật; xây dựng mối quan hệ tích cực, hợp tác trong làm việc nhóm; có thái độ tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong việc nghiên cứu và phản biện quan điểm sai trái, thù địch về nhà nước và pháp luật.	- Thảo luận; Thuyết trình; Nghiên cứu trường hợp; Đóng vai, mô phỏng; Đóng vai, mô phỏng; - Làm việc nhóm; Quan sát; Trao đổi với giảng viên; Ghi nhớ chủ động; Đặt câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy; Học qua trải nghiệm, thực tế.	- Viết đoạn tự luận - Tiểu luận

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CL Os)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1: Lý luận về nhà nước							
		1.1. Một số vấn đề chung về nhà nước	5	0	0	0	0	0	1,3,5
2	2	1.2. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	0	2	0	0	0	1,3,5
3	3	Chương 2. Lý luận về pháp luật							
		2.1. Một số vấn đề chung về pháp luật							
		2.2. Bản chất, hình thức pháp luật Việt Nam	5	0	0	0	0	0	1,2,4
		2.3. Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật							
4		Tự học có hướng dẫn: Vai trò của pháp luật đối với kinh tế , xã hội ở Việt Nam hiện nay.	0	0	0	0	0	5	1,2,5
5	4	2.4. Hệ thống pháp luật 2.5. Thực hiện pháp luật 2.6. Pháp chế xã hội chủ nghĩa	3	0	2	0	0	0	1,4,5
6	5	Thực hành: Tìm hiểu về thực hiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay và pháp chế xã hội chủ nghĩa	0	0	0	0	5	0	1,3,5
7	6	Chương 3: Luật Hiến pháp	2	0	3	0	0	0	2,4,5
8	7	Chương 4: Luật Hành chính; Chương 5: Luật Dân sự	5	0	0	0	0	0	2,4,5
9	8	Chương 6: Luật Hình sự	2	0	3	0	0	0	2,4,5
10	9	Chương 7: Pháp luật về phòng, chống tham nhũng							
		7.1. Những vấn đề lý luận chung về phòng, chống tham nhũng	5	0	0	0	0	0	2,3,4,5
11	10	Thực hành: Tìm hiểu hành vi, đặc trưng tham nhũng, hậu quả và nguyên nhân của tham nhũng	0	0	0	0	5	0	4,5

12	11	7.2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân trong phòng, chống tham nhũng	0	0	0	0	4	0	2,5
13		Tự học có hướng dẫn: Trách nhiệm của sinh viên trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng	0	0	0	0	0	4	2,5
		Cộng	30	0	10	0	14	9	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		5	5									
CLO2							4					
CLO3			5				4					
CLO4					5							
CLO5												5
Tổng hợp học phần	0	1	2	0	1	0	2	0	0	0	0	1

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần:

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x	x	x	x	
Thảo luận	x	x	x	x	x
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x
Đóng vai, mô phỏng		x	x	x	x
Dạy học thông qua vấn đề	x	x	x	x	x
Nghiên cứu thực địa, thực tế		x	x		x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần:

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Ghi chép	x	x	x	x	
Làm việc nhóm	x	x	x	x	
Quan sát	x	x	x	x	x
Trao đổi với giảng viên	x		x	x	
Tổng hợp thông tin	x	x		x	x
Ghi nhớ chủ động	x		x	x	
Đặt câu hỏi phản biện	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x
Học qua trải nghiệm, thực tế		x	x	x	

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/thi kết thúc học phần như sau: Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua 03 (ba) điểm thành phần. Điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5 điểm. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4. Việc kiểm tra, đánh giá/thi kết thúc học phần thực hiện trực tiếp với các hình thức:

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Pháp luật đại cương	X				X	X										

- Quy định về trọng số điểm và các hình thức thi/kiểm tra, đánh giá như sau:

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình, giờ tự học	Kết hợp một trong các cách thức: - Điểm danh chuyên cần; - Kiểm tra bài tập về nhà, bài tự học có hướng dẫn và các hoạt động chuẩn bị bài; - Kiểm tra trắc nghiệm; kết hợp tự luận với trắc nghiệm 1 đơn vị kiến thức cụ thể tại lớp.	20%	1,2,3,4,5

Đánh giá giữa kỳ	Kết hợp một trong các cách thức: - Viết đoạn tự luận; - Kiểm tra trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm nội dung của một số bài, chương; - Vấn đáp trực tiếp trên lớp; - Viết tiểu luận.	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Tự luận, vấn đáp, tiểu luận	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Chuẩn bị và nghiên cứu học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo theo yêu cầu của giảng viên trước khi lên lớp; tham dự đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động học tập, chuẩn bị bài.

- Giờ thực hành: Tham dự đầy đủ, tích cực các giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu của giảng viên về nội dung thực hành; Nộp bài thực hành (nếu có) và thực hiện các yêu cầu của giảng viên trong giờ thực hành.

- Giờ tự học, giờ học cá nhân: Thực hiện đầy đủ, tích cực các yêu cầu và nội dung hướng dẫn của giảng viên; Tích cực nghiên cứu các tài liệu, các thông tin, tìm hiểu thông qua các sự kiện có liên quan; Nộp sản phẩm đúng hạn (nếu có).

Ngoài ra, sinh viên phải thực hiện nghiêm túc Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; nội quy lớp học và yêu cầu của giảng viên đối với học phần.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Khoa Nhà nước và Pháp luật (2017), *Pháp luật đại cương*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Khoa Nhà nước và Pháp luật (2019), Giáo trình *Lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

2. Khoa Nhà nước và Pháp luật (2018), Giáo trình *Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam - Phần 1*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

3. Khoa Nhà nước và Pháp luật (2018), Giáo trình *Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam - Phần 2*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

4. Vũ Thị Thu Quyên (2023), *Nhà nước và pháp luật*, Giáo trình lưu hành nội bộ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

5. Cao Thị Dung (2019), Tập bài giảng *Phòng, chống tham nhũng trong quản lý*, Lưu hành nội bộ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Bé Văn Niệm

TRƯỞNG KHOA



TS. Vũ Thị Thu Quyên

7/11/11

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA CHÍNH TRỊ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Chính trị học đại cương

Tên học phần bằng tiếng Anh: General political science

Mã học phần: CT01001

Loại môn học: *đại cương*

Số tín chỉ: 02 tín chỉ (trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết, 0,3 tín chỉ thực hành, 0,2 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 40,5 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 9 tiết thực hành, 9 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 59,5 tiết

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1,2

Môn học tiên quyết: *Triết học Mác - Lênin*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *không*

Bộ môn/Khoa phụ trách: Chính trị học

Văn phòng khoa:

Người phụ trách: ghi tên, học hàm học vị: TS. Dương Thị Thục Anh

Điện thoại, email: Duongthucanh1972.cth@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Võ Thị Hoa, số điện thoại:Email: Dunghoa71@yahoo.com

2. TS. Phạm Thị Hoa, số điện thoại: 097727000; Email: Hoaphamhd@gmail.com

3. TS. Trần Thị Hoa Lê, số điện thoại:Email: Tranhoale9@gmail.com

4. ThS. Tô Thị Oanh; Điện thoại, email: 0948182582/tothioanh@ajc.edu.vn

5. ThS. Lưu Văn Thắng; Điện thoại, email: 0988831294/luuvanthang@ajc.edu.vn

6. ThS. Vương Đoàn Đức, Email: vuongduc@hotmail.com.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Chính trị học nâng cao cung cấp những kiến thức cơ bản của chính trị học bao gồm: các tư tưởng chính trị, quyền lực chính trị và hệ thống tổ chức quyền lực chính trị, quan hệ chính trị, văn hóa chính trị, con người chính trị từ đó hình thành kỹ năng, thái độ và quan điểm đúng đắn, khách quan để định hướng hành vi cho người học trước những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính trị thực tiễn. Vận dụng tốt những kiến

thức này vào công tác báo chí, truyền thông và xuất bản đảm bảo đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- Kiến thức:

+ Hiểu những kiến thức tổng quan, cơ bản về chính trị, chính trị học, hệ thống chính trị, con người chính trị, chính trị quốc tế.

+ Vận dụng phương pháp nhất định trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn chính trị.

+ Hiểu được những giá trị chính trị trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có sự so sánh, đối chiếu với các tư tưởng chính trị của các giai đoạn, các xã hội khác nhau trong lịch sử.

+ Hiểu được một cách có hệ thống cơ bản nhất về các lĩnh vực cấu thành cơ bản của đời sống chính trị.

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận.

+ Có khả năng phân tích những hiện tượng, những quá trình chính trị nảy sinh trong nước và trên thế giới; có năng lực và bản lĩnh đấu tranh chống những luận điểm sai trái, bảo vệ quan điểm, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

+ Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

+ Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes)

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy – học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu được những khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng, quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ	Giảng lý thuyết, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, đặt câu hỏi phản biện, tự học	Viết, tiểu luận, vấn đáp

	xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.		
CLO2	Phân tích làm rõ vai trò, chức năng của các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị, các yếu tố cấu thành nền chính trị quốc tế	Giảng lý thuyết, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, đặt câu hỏi phản biện, tự học	Viết, tiểu luận, vấn đáp
CLO3	Phân tích làm rõ vai trò của chủ thể chính trị trong nước và quốc tế	Giảng lý thuyết, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, đặt câu hỏi phản biện, tự học	Viết, tiểu luận, vấn đáp
CLO4	Kỹ năng mềm + Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu + Kỹ năng tư duy hệ thống	Giảng lý thuyết, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, đặt câu hỏi phản biện, tự học	Viết, tiểu luận, vấn đáp
CLO5	Mức độ tự chủ, trách nhiệm + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn; kiên trì, nhiệt tình, say mê sáng tạo. + Trung thực, chính trực; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè; + Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập + Truyền bá tri thức môn học	Giảng lý thuyết, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tài liệu, ghi chép, đặt câu hỏi phản biện, tự học	Viết, tiểu luận, vấn đáp

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tu ần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLO s)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
	1	Chương 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên	1	0				1	1,4,5

		cứu Chính trị học							
	2	Chương 2. Khái lược lịch sử tư tưởng chính trị trước chủ nghĩa Mác	4	0				1	1,4,5
	3	Chương 3. Một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị	3	0				1	1,4,5
	4	Chương 4. Quyền lực chính trị	3	0	1			1	1,4,5
	5	Chương 5. Hệ thống tổ chức quyền lực chính trị	1	2	1			1	1,2,4,5
	6	Chương 6. Thủ lĩnh chính trị	1	1	2			1	1,3,4,5
	7	Chương 7. Quan hệ chính trị với kinh tế	1	0.5	2			1	1,4,5
	8	Chương 8. Văn hóa chính trị	1	2	1			1	1,4,5
	9	Chương 9. Chính trị quốc tế và định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	1	2	1			1	1,3,4,5
		Tổng	15	7.5	9	0	0	9	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	3	3		2									3	3	3
CLO2		3	3	3									3	3	3
CLO3				2											
CLO4								2	2						
CLO5												4		3	3
Tổng hợp học phần	1	2	1	3	0	0	0	1	1	0	0	1	2	3	3

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Phỏng vấn nhanh	x	x			x
Nêu vấn đề, thảo luận, làm việc nhóm		x	x	x	x
Hỏi - đáp	x	x	x	x	x
Tình huống			x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, ghi chép	x	x	x	x	x
Thuyết trình		x	x	x	x
Thảo luận nhóm			x	x	
Lập sơ đồ tư duy	x	x	x		
Tự học, tự nghiên cứu	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần....

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VĐ	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VĐ	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Chính trị học đại cương	X										X					

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học	Đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành nội quy, quy định; ý thức phát biểu xây dựng bài; ý thức tự học và hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	20%	4,5
Đánh giá tiểu luận	Mức độ hoàn thành tiểu luận giữa kì: nộp đúng hạn, chọn chủ đề đúng nội dung môn học, đáp ứng yêu cầu về hình thức, nội dung và phương pháp theo hướng dẫn của giảng viên	30%	2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận: tham gia thi, làm bài thu đầy đủ, đúng theo quy chế, các nội dung phù hợp với đáp án	50%	1,2,3,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: chú ý nghe giảng, chủ động đặt câu hỏi, nêu vấn đề xung quanh những nội dung giảng viên giới thiệu, trả lời các câu hỏi giảng viên đưa ra, trao đổi tranh luận với các ý kiến khác.
- Giờ thực hành: Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên: chuẩn bị nội dung làm việc nhóm theo sự phân công, tích cực, chủ động tham gia thực hành.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Đọc tài liệu, nghiên cứu tài liệu theo các nội dung đã được giảng viên định hướng, báo cáo sản phẩm phản ánh kết quả tự học theo yêu cầu của giảng viên.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Khoa Chính trị học, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền: Chính trị học đại cương, NXB CTQG, H. 2009.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Học viện hành chính quốc gia: Giáo trình chính trị học, NXB Khoa học kỹ thuật, H. 2008.
2. Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên): Hệ thống chính trị Anh, Pháp, Mỹ, Nxb LLCT, H., 2007.
3. Viện Khoa học chính trị, Học viện CTQG Hồ Chí Minh: Tập bài giảng Chính trị học, NXB CTQG, H. 2001.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Phạm Thị Hoa

PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Dương Thị Thục Anh

80/1

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần bằng tiếng Việt: **Xây dựng Đảng**
- Tên học phần bằng tiếng Anh:

Mã học phần: XD01001

- Loại môn học: Cơ bản
- Số tín chỉ: 02 tín chỉ (trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết, 0,25 tín chỉ thực hành, 0,25 tín chỉ tự học)
- Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 7,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học)
- Số tiết học cá nhân: 58,75 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc
- Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Thời gian học: Học kỳ 3, 4
- Môn học tiên quyết: học sau các học phần Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác -Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học có máy chiếu, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần.
- Khoa phụ trách: Khoa Xây dựng Đảng
- Văn phòng khoa: 709 nhà Hành chính A1 Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Người phụ trách: ThS, GVC Trương Thị Duyên
Điện thoại: 0972273232; Email: truonghaiduyen@gmail.com
- Các giảng viên tham gia giảng dạy:
 1. PGS, TS, GVCC Trần Thị Hương
Số điện thoại: 0982364599; Email: tranhuongxdd@gmail.com
 2. TS, GVCC Nguyễn Thị Thu Thủy
Số điện thoại: 0912620320; Email: nguyenthithuthuy@gmail.com
 3. TS, GVC Nguyễn Thị Ngọc Loan,
Số điện thoại: 0904187831; Email: loan.hocvienbaochituyentruyen@gmail.com
 4. TS, GVCC Lê Văn Hội,
Số điện thoại: 0977062667; Email: levanhoi.btctw@gmail.com
 5. TS, GVC Đỗ Minh Tuấn
Số điện thoại: 0912495468; Email: dominhtuanhcm@gmail.com
 6. ThS. Phùng Văn Hải
Số điện thoại: 0943893538; Email: haipv267@gmail.com
 7. ThS. Hoàng Thị Lan Anh

Số điện thoại: 0983907487; Email: namsonajc@gmail.com

8. ThS. Phan Hồng Vân

Số điện thoại: 0987.415.893; Email: hongvanphan11393@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ ghi nhớ được các tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng; vận dụng, phân tích, đánh giá được những vấn đề đó để liên hệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, công tác đảng đặt ra. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức cuộc họp, phân tích và phản biện các vấn đề về xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và trình độ nhận thức, củng cố niềm tin, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch của các thế lực thù địch, xây dựng tổ chức đảng, phấn đấu trở thành đảng viên, đứng trong hàng ngũ của Đảng; Vận dụng những kiến thức này trong công tác xuất bản đảm bảo đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

Ghi nhớ được tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng đảng cộng sản, xây dựng đội ngũ cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận của Đảng

Hiểu được các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và tổ chức bộ máy của Đảng Cộng sản Việt Nam; vai trò, nội dung của xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, công tác dân vận của Đảng; hình thức và phương pháp kiểm tra, giám sát của Đảng.

Phân tích được nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; kiểm tra, giám sát; nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị các các lĩnh vực đời sống xã hội; tiêu chuẩn đảng viên.

Đánh giá được thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận, hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.

- Kỹ năng:

Rèn luyện năng lực tư duy lý luận.

Có kỹ năng vận dụng các tư tưởng, quan điểm của C.Mác-Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.

Cung cấp cho người học phương pháp, kỹ năng lãnh đạo, khả năng tổ chức và tham mưu cho lãnh đạo, làm tốt công tác đảng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

Giúp người học có niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt

Nam, có lập trường chính trị vững vàng trước sự tấn công của các thế lực thù địch, có chính kiến đấu tranh chống lại những tiêu cực trong Đảng và trong xã hội, góp phần xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch, phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Rèn luyện khả năng liên hệ với thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, tổng hợp và thuyết trình kết quả thảo luận.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Ghi nhớ được những tư tưởng, quan điểm của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng Cộng sản.	Giảng lý thuyết, thuyết trình, hỏi đáp	Đánh giá quá trình, bài thi giữa kỳ
CLO2	Phân tích được nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; kiểm tra, giám sát; nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội; tiêu chuẩn đảng viên và vận dụng liên hệ với bản thân trong việc thực hiện các vấn đề này.	Giảng lý thuyết, dạy học thông qua vấn đề	Đánh giá quá trình, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ
CLO 3	Đánh giá được thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận, hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	Giảng lý thuyết, hỏi đáp, dạy học thông qua vấn đề, thảo luận nhóm	Đánh giá quá trình, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ
CLO 4	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về các vấn đề xây dựng Đảng.	Thảo luận nhóm, dạy học thông qua vấn đề, hỏi đáp	Đánh giá quá trình, thảo luận, báo cáo thuyết trình
CLO 5	Xây dựng mối quan hệ tích cực, hợp tác trong làm việc nhóm; có kỹ năng lãnh đạo và dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn; Có thái độ tích cực, chủ động, có trách nhiệm và trung thực, có ý thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch của các thế lực thù địch	Hỏi đáp, thảo luận	Đánh giá quá trình, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1: Nhập môn và những vấn đề chung về xây dựng Đảng	5	0	0	0	0	2	1,4,5
		1.1. Vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học xây dựng Đảng							
		1.2. Quá trình hình thành đảng chính trị trong lịch sử xã hội							
		1.3. Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về xây dựng chính đảng độc lập của giai cấp công nhân							
		1.4. Nguyên lý của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân							
		1.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam							
		1.6. Ý nghĩa của học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng							
2	2	Chương 2: Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức	0	0	0	0	5	2	2,4,5
		2.1. Xây dựng Đảng về chính trị							
		2.2. Xây dựng Đảng về tư tưởng							

		2.3. Xây dựng Đảng về đạo đức							
3	3	Chương 3: Nguyên tắc và hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	5	0	0	0	0	2	1,4,5
		3.1. Các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam							
		3.2. Hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam							
4	4	Chương 4: Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ	0	5	0	0	0	2	2,3,4,5
		4.1. Xây dựng đội ngũ đảng viên							
		4.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ							
5	5	Chương 5: Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật của Đảng và công tác dân vận của Đảng	5	0	0	0	0	2	2,3,4,5
		5.1. Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật của Đảng							
		5.1.1. Kiểm tra, giám sát của Đảng							
		5.1.2. Khen thưởng và kỷ luật của Đảng							
		5.2. Công tác dân vận của Đảng							
		5.2.1. Tính tất yếu công tác dân vận của Đảng							
		5.2.2. Mục tiêu, quan điểm của Đảng về công tác dân vận trong thời							

		kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước							
		5.2.3. Giải pháp công tác dân vận của Đảng							
6	6	Chương 6: Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội	2,5	0	2,5	0	0	1,25	2,3,4,5
		6.1. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị							
		6.1.1. Khái niệm, cấu trúc và đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam							
		6.1.2. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị							
		6.1.3. Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị hiện nay							
		6.2. Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội							
		6.2.1. Khái niệm, yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội							
		6.2.2. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội							
		6.2.3. Nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo một số lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội							
		Tổng	17,5	5	2,5	0	5	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1			2												
CLO2			2												
CLO3			3												
CLO4												3	3		
CLO5														3	3
Tổng hợp học phần			x									x	x	x	x

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy (Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần)

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x		x		
Hỏi đáp	x	x	x	x	x
Phỏng vấn nhanh		x	x	x	x
Thảo luận nhóm, chuyên đề	x	x	x	x	x
Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x
Hướng dẫn tự học	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học (Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần)

STT	Phương pháp học	CLOs				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nghe giảng	x	x	x		
2	Trả lời câu hỏi	x	x	x		x
3	Đặt và giải quyết vấn đề		x	x	x	x
4	Nghiên cứu điển hình		x		x	x
5	Làm việc nhóm, thảo luận nhóm		x	x	x	
6	Bài luyện	x	x	x	x	
7	Tự học, tự nghiên cứu	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Xây dựng Đảng	x				x	x										

Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	Viết bài luận, thuyết trình, kết quả tự học	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận/vấn đáp/tiểu luận	50%	1,2,3,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp, ghi chép lại những nội dung chưa hiểu/còn thắc mắc/có ý kiến khác... để thảo luận khi học trực tiếp trên lớp.

- Tham dự đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, tích cực tham gia chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài tập tự học, nộp bài qua Microsoft Teams đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn.

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

Trần Thị Anh Đào - Nguyễn Minh Tuấn - Nguyễn Thị Ngọc Loan (Đồng chủ biên) (2016), *Giáo trình Xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Xây dựng Đảng (Giáo trình trung cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

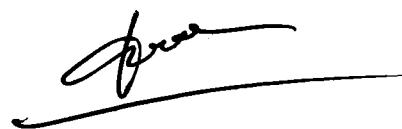
5. Trương Ngọc Nam, Đinh Ngọc Giang (Đồng chủ biên) (2014): *Giáo trình Xây dựng Đảng về tổ chức*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trương Ngọc Nam, Nguyễn Văn Giang (Đồng chủ biên) (2015): *Giáo trình Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Nxb.Lý luận chính trị gia, Hà Nội.
7. Trương Ngọc Nam, Đặng Thị Lương (Đồng chủ biên) (2015): *Giáo trình Công tác dân vận của Đảng*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên) (2018): *Giáo trình Xây dựng Đảng về tư tưởng và đạo đức*, Nxb.Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
9. Trần Thị Anh Đào, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên) (2019), *Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội* (Sách chuyên khảo), Nxb.Lý luận Chính trị, Hà Nội.
10. Nguyễn Thọ Ánh (2015), *Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị* (Giáo trình nội bộ), Khoa Xây dựng Đảng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

GV BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA





PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang ThS.Trương Thị Duyên PGS,TS. Trần Thị Hương

7/11/11

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

Tên học phần bằng tiếng Anh: Methods of Social and human sciences research

Mã học phần: TG01004

Loại môn học: (Cơ sở/Cơ bản/chuyên ngành) Cơ sở

Số tín chỉ : 2 tín chỉ (2 tín chỉ, trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết, 0,25 tín chỉ thực hành, 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 45 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 7,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1,2

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *không*

Bộ môn/Khoa phụ trách: Bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm

Văn phòng khoa: Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm, tầng 6 nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS Phan Thị Thanh Hải

Điện thoại: 0983574454

Email: phanthanhhai.hvbctt@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- Bùi Thị Minh Hải

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên chính

Điện thoại: 0437546966

Email: minhhaiajc@gmail.com

- Lê Thị Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên chính

Điện thoại: 0437546966

Email: lethianhvn@gmail.com

- Lê Thành Khôi

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Điện thoại: 0437546966

Email: lethanhkhoi@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần hướng tới hình thành năng lực và phẩm chất cơ bản cho người học về nghiên cứu khoa học. Vận dụng vào công tác nghiên cứu, xuất bản, đảm bảo đúng chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

Có kiến thức lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu

Kỹ năng

Có kỹ năng xác định một đề tài khoa học. và triển khai nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Có kỹ năng sử dụng các phương pháp thu thập và xử lý thông tin khoa học xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

Chủ động, tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu quá trình đào tạo các chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Hình thành phong cách tư duy và làm việc khoa học.

Có ý thức trách nhiệm trong phát triển khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn và phát triển xã hội

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy – học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu bản chất và đặc điểm của nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói riêng; nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về đề tài khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	Thuyết trình tương tác; Hỏi - đáp; Thảo luận nhóm; Hướng dẫn tự học;	quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, bài tập tự học; thuyết trình nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân;
CLO2	Vận dụng để xác định một đề tài, thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực	Thuyết trình tương tác; Hỏi - đáp; Thảo luận	quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, bài tập tự

	khoa học xã hội và nhân văn; Vận dụng xác định phương pháp luận, lựa chọn thực hiện phương pháp thu thập và xử lý thông tin cho một đề tài khoa học.	nhóm; Hướng dẫn tư học;	học; thuyết trình nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân;
CLO3	Có kỹ năng trình bày, bảo vệ được công trình nghiên cứu khoa học	Thuyết trình tương tác; Hỏi - đáp; Thảo luận nhóm; Hướng dẫn tư học;	quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, bài tập tự học; thuyết trình nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân;
CLO4	Phân tích, tổng hợp và đánh giá một sản phẩm nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	Thuyết trình tương tác; Hỏi - đáp; Thảo luận nhóm; Hướng dẫn tư học;	quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, bài tập tự học; thuyết trình nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân;

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tu ần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CL Os)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyế n	Tại phòng lý thuyết	Tại phòn g thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
	1	Chương 1. Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2. Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học	5					5	1
	2	Chương II Vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu 2.1. Vấn đề nghiên cứu 2.2. Phương pháp xây dung giả thuyết nghiên		5				1,25	1,2

		cứu 2.3. Kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu							
	3	Chương III Đề tài nghiên cứu khoa học 3.1. Cơ sở lựa chọn một đề tài nghiên cứu khoa học 3.2. Xây dựng cơ sở lý thuyết của một đề tài nghiên cứu 3.3. Đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học	5						2, 4
	4	Chương III Đề tài nghiên cứu khoa học (Tiếp) Thực hành Xác định cơ sở lý thuyết của ĐTKH			5				2, 3,4
	5	Chương IV Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học 4.1. Khái niệm phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học 4.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học	5					2	2,4
	6	Chương IV Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học (tiếp) 4.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học		2,5			2,5	3	2, 3,4
		Cộng	15	7,5	5		2,5	11,2 5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình tương tác	X			
Hỏi đáp	X	X	X	
Dạy học nêu và giải quyết tình huống		X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	
Đóng vai			X	X

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghe giảng, trả lời câu hỏi, Sơ đồ tư duy	X			
Giải quyết vấn đề				
làm việc nhóm	X	X	X	
Đóng vai			X	
Tự học	X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần....

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học XH&NV	X						X								X	

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Bài tập (từng phần - trực tiếp và trực tuyến) Mức độ chuyên cần và ý thức tích cực tham gia bài học	20%	3,4
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Bài tập lớn	30%	1,2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Tự luận	50%	1,2,3,4

9. Nhiệm vụ của học viên

- Giờ lý thuyết: Hiểu tri thức lý thuyết cơ bản của môn học
- Giờ thực hành: Có kỹ năng thực hành các nội dung theo yêu cầu môn học
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Tìm kiếm thông tin, tổng hợp kiến thức bổ trợ theo yêu cầu môn học; rèn luyện kỹ năng thông qua làm bài tập và tự thực hành các nội dung môn học

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

- 1) *Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2020)*, giáo trình, Bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- 2) *Bài tập thực hành phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2018)*, tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

10.2. Học liệu tham khảo

- 1) Vương Tất Đạt (chủ biên) [2010], Phương pháp giải các bài tập của logic học, Nhà xuất bản Bách khoa, Hà Nội.
- 2) Đỗ Công Tuấn [2004], Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia quốc gia Sự thật, Hà Nội.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang TS. Phan Thị Thanh Hải TS. Trần Thị Thu Hiền

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA TUYÊN TRUYỀN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Tên học phần bằng tiếng Anh: Vietnamese Culture

Mã học phần: TT01002

Loại môn học: Đại cương

Số tín chỉ: 02 (1,5 tín chỉ lý thuyết; 0,25 tín chỉ thực hành, 0,25 tín chỉ tự học)

Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 7,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học)

Loại học phần: *Tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, CNXH khoa học

Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học có máy chiếu, thư viện có các học liệu liên quan đến học phần.

Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Tuyên truyền

Văn phòng khoa: Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh

Điện thoại, email: 0972089988/ nguyenmylinh83@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Bùi Thị Như Ngọc, SĐT: 0903711063; nhungocajc@gmail.com

2. TS. Lưu Huyền Trang, SĐT: 0976286319; tranghuyenluuhv@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có điều kiện nâng cao hiểu biết chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, có kỹ năng gìn giữ, xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Vận dụng những kiến thức này

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức: Cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa, quá trình hình thành và phát triển, cấu trúc và các thành tố văn hóa; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường; diễn trình lịch sử văn hóa; giao lưu và tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; nội dung các thành tố văn hóa sinh hoạt vật chất và văn hóa sinh hoạt tinh thần trong cấu trúc văn hóa Việt Nam; liên hệ việc xây dựng, gìn giữ và phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn hiện nay.

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng khái quát, phân tích vấn đề, gắn lý luận với thực tiễn, phát huy tính tích cực chủ động của người học.

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ hiểu biết, trân trọng và tự hào những giá trị văn hóa dân tộc, góp phần gìn giữ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu được các vấn đề lý luận chung nhất về văn hóa: khái niệm, cấu trúc, chức năng; phân biệt được khái niệm văn hóa với một số khái niệm liên quan.	Nêu vấn đề, hỏi đáp, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO2	Nhận diện được diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam qua từng giai đoạn cụ thể.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO3	Hiểu, phân tích, so sánh đặc trưng của các loại hình trong cấu trúc của văn hóa; giải thích cơ sở hình thành văn hóa Việt Nam.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập, bài kiểm tra giữa kỳ
CLO4	Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; từ đó liên hệ, đánh giá đặc điểm, giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay; có ý thức trân trọng,	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học

	gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.		tập
CLO5	Có kỹ năng thuyết trình, khai thác thông tin, phân loại, phân tích, lý giải các đặc điểm văn hóa Việt Nam; có thái độ cầu thị, chủ động, trách nhiệm và trung thực; Xây dựng mối quan hệ tích cực, hợp tác trong làm việc nhóm.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Bài kiểm tra cuối kỳ

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần CLOs
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
	1	Chương 1. Nhập môn Cơ sở văn hóa Việt Nam	5	0	0	0	0	0	1,4
		1.1. Đối tượng, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu của môn học							
		1.2. Một số khái niệm cơ bản							
		1.3. Cấu trúc của văn hóa							
		1.4. Chức năng của văn hóa							
		1.5. Cơ sở hình thành văn hóa Việt Nam							
		1.6. Khái quát chung về tình hình nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam							
	2	Chương 2: Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam	5	0	0	0	0	3	2,4,5
		2.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử							
		2.2. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên							

		2.3. Văn hóa Việt Nam thời phong kiến							
		2.4. Văn hóa Việt Nam từ 1858 đến 1945							
		2.5. Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay							
	3	Chương 3: Giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam	5	0	0	0	2	1,25	2,4,5
		3.1. Lý luận chung về giao lưu tiếp biến văn hóa							
		3.2. Một số cuộc giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam							
	4,5	Chương 4: Các thành tố trong cấu trúc văn hóa Việt Nam	5	0	5	0	0	5	3,4,5
		4.1. Văn hóa vật chất							
		4.2. Văn hóa tinh thần							
		4.3. Văn hóa tổ chức xã hội							
	6	Chương 5: Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn hiện nay	2,5	0	2,5	0	0	2	3,4,5
		5.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn hiện nay							
		5.2. Thực trạng xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn hiện nay							
		5.3. Một số giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn hiện nay							
		Tổng	22,5	0	7,5	0	0	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
CLO1	1																	
CLO2		2					2											
CLO3					3	3	3											
CLO4	4	4			4	4	4	4							4		4	
CLO5								5	5	5	5	5			5	5		5
Tổng hợp	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần:

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x	x	x		
Nghiên cứu trường hợp		x	x		
Đóng vai, mô phỏng				x	
Thảo luận	x	x	x	x	x
Thuyết trình của người học			x	x	x
Bài tập thực hành			x	x	
Nghiên cứu thực tế		x	x	x	

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần:

Người học tự đọc tài liệu, tìm kiếm thông tin liên quan đến bài học, nhận xét tài liệu, làm việc nhóm, quan sát thực tế, liên hệ, phân tích, đánh giá các cuộc giao lưu tiếp biến văn hóa.

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Đọc tài liệu					
Tìm kiếm thông tin	x	x	x		
Nhận xét tài liệu	x	x	x	x	
Làm việc nhóm		x	x	x	x
Quan sát thực địa		x	x		
Thực hành kỹ năng nghề nghiệp			x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần :

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X								X							

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Xây dựng đề cương bài phát biểu, Thuyết trình nhóm, kết quả tự học	30%	1,2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập lớn	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Đọc tài liệu trước khi lên lớp, đi học đầy đủ, đúng giờ, tích cực tham gia hoạt động học tập. Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Giờ thực hành: Sinh viên đi học đầy đủ, tích cực tham gia hoạt động học tập. Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2017), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Giáo trình lưu hành nội bộ.
2. Phạm Ngọc Trung (2013), *Giáo trình Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, Nxb Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1990), *Việt Nam văn hoá sử cương*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Hồng (2015), *Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Lao động
3. Phan Ngọc (2005), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh

TRƯỞNG KHOA



TS. Lương Ngọc Vĩnh

11/01/21

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Các loại hình báo chí – truyền thông

Tên học phần bằng tiếng Anh:

Mã học phần: PT02501

Loại môn học: Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn

Số tín chỉ: 2 TC (2 tín chỉ, trong đó 1,0 tín chỉ LT; 0,75 tín chỉ thực hành; 0,25 tín chỉ tự học)

Số tiết học cá nhân: 51,25 tiết

Loại học phần: tự chọn

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: phòng học có máy chiếu, mic, mạng wifi, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Khoa/Bộ môn: Khoa Phát thanh – Truyền hình

Văn phòng khoa: Phòng 807 – toà nhà A1

Người phụ trách: PGS, TS. Đinh Thị Thu Hằng – sdt: 0983.051.751

Email: autumhang@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- TS. Đinh Thị Xuân Hoà - số điện thoại: 0904124942

Email: dingxuanhoa.ajc@gmail.com

- TS. Nguyễn Văn Trường - số điện thoại: 0916661808

Email: sontruongbaochi@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có những kiến thức chung về các loại hình báo chí – truyền thông: khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, thế mạnh, kỹ năng sáng

tạo một số loại hình báo chí - truyền thông ở mức cơ bản; những kiến thức này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: có kiến thức cơ bản, có khả năng nhận biết và giải thích một cách khái quát nhất từng loại hình báo chí – truyền thông; hiểu và có kỹ năng cơ bản thực hiện một số sản phẩm báo chí – truyền thông như báo in, báo phát thanh, báo truyền hình, báo mạng điện tử và một số loại hình truyền thông; biết ứng dụng kiến thức của môn học phục vụ cho các môn học khác

- *Kỹ năng*: có kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào nhận định vấn đề thực tiễn; kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện, tư duy logic

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Trình bày được lịch sử, bối cảnh ra đời của các loại hình báo chí – truyền thông.	Giảng lý thuyết, thuyết trình, hỏi đáp	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài thi cuối kỳ
CLO2	Nhận diện được đặc trưng của từng loại hình báo chí – truyền thông, vị trí, vai trò, chức năng, sự tác động của công nghệ tới sự phát triển của từng loại hình báo chí truyền thông.	Giảng lý thuyết, dạy học thông qua vấn đề	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng các kiến thức của môn học để xây dựng kịch bản, thực hiện một sản phẩm báo chí đơn giản ở mỗi loại hình báo chí.	Giảng lý thuyết, hỏi đáp, thảo luận nhóm	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thi cuối kỳ
CLO4	Biết vận dụng các kiến thức	Thảo luận nhóm, dạy	Đánh giá ý thức

	kiến thức của môn học để xây dựng kịch bản và thực hiện một sản phẩm truyền thông ở mức đơn giản	học thông qua vấn đề, hỏi đáp	học tập và giờ tự học, , bài thi cuối kỳ
CLO5	Có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập	- Thảo luận nhóm - Thực tế	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Bài 1: <i>Khái quát về các loại hình báo chí – truyền thông</i> 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm 1.3. Vị trí, vai trò	5	0	0	0	0	0	1,2,5
2		Tự học có hướng dẫn: Các loại hình TTĐC, thế mạnh, hạn chế	0	0	0	0	0	5	1,2,5
3	2	Bài 2: <i>Loại hình báo in</i> 2.1. Khái niệm 2.2. Lịch sử ra đời, phát triển 2.3. Đặc điểm 2.4. Vị trí, vai trò 2.5. Kỹ năng và yêu cầu cơ bản trong sản xuất sản phẩm báo in	5	0	0	0	0	0	1,2,3,4,5
4		Tự học có hướng dẫn: Đọc các báo in chỉ ra ưu điểm và hạn chế	0	0	0	0	0	5	1,2,5
5	3	Bài 3: <i>Loại hình báo phát thanh</i> 2.1. Khái niệm 2.2. Lịch sử ra đời, phát triển 2.3. Đặc điểm	0	5	0	0	0	0	1,2,3,4,5

		2.4. Vị trí, vai trò 2.5. Kỹ năng và yêu cầu cơ bản trong sản xuất sản phẩm báo phát thanh							
6		Tự học có hướng dẫn: Nghe các chương trình PT chỉ ra ưu điểm và hạn chế	0	0	0	0	0	1,25	1,2,5
7	4	Bài 4: Loại hình báo truyền hình 2.1. Khái niệm 2.2. Lịch sử ra đời, phát triển 2.3. Đặc điểm 2.4. Vị trí, vai trò 2.5. Kỹ năng và yêu cầu cơ bản trong sản xuất sản phẩm báo in.	0	0	5	0	0	0	1,2,3,4,5
9	5	Bài 5: Loại hình báo mạng điện tử 2.1. Khái niệm 2.2. Lịch sử ra đời, phát triển 2.3. Đặc điểm 2.4. Vị trí, vai trò 2.5. Kỹ năng và yêu cầu cơ bản trong sản xuất sản phẩm báo in	0	0	0	5	0	0	1,2,3,4,5
11	6	Đánh giá các tác phẩm báo chí trên các loại hình báo in, phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử	0	0	0	0	5	0	1,2,3,5
12	7	Bài 6: Một số loại hình truyền thông đại chúng 2.1. Sách 2.2. Điện ảnh 2.3. Quảng cáo 2.4. Mạng xã hội ...	0	0	0	0	5	0	1,2,,5
13	8	Phân tích và minh chứng làm rõ sự khác nhau giữa báo chí và các PTTTĐC khác	0	0	0	0	2,5	0	1,2,3,5
	Tổng		10	5	5	5	12,5	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO1		X	X		X						X	X	x
CLO2			X	X							X	X	x
CLO3			X	X							X	X	x
CLO4			X	X							X	X	x
CLO5											x	x	x
Tổng hợp học phần		x	x	x	x				x		x	x	x

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Các phương pháp cơ bản dùng trong giảng dạy học phần là thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm, thực hành thực tế, đóng vai, sinh viên thuyết trình....

Phương pháp dạy	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x
3. Giải quyết vấn đề				x	x
4. Nghiên cứu trường hợp					
5. Dạy học trải nghiệm			x	x	
6. Nhập vai, mô phỏng	x	x			x
7. Thực hành/thí nghiệm					x
8. Dự án (Sản phẩm)					
9. Thực tế/thực tập					
10. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Các phương pháp học cơ bản được dùng trong học tập học phần là nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm, lập sơ đồ tư duy, thực tế, thuyết trình...

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Làm việc nhóm	x	x	x	x	x
Quan sát			x	x	x
Trao đổi với GV	x	x	x	x	x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x
Đặt câu hỏi, phản biện	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x				
Học qua dự án					
Học qua trải nghiệm			x		x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Xã hội học đại cương

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Các loại hình báo chí – truyền thông							x									

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình	Điểm danh, bài tập về nhà, bài tập nhóm, phát biểu	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	Bài tập nhóm, Thuyết trình	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập lớn	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đủ số tiết học theo quy định và tập trung vào nội dung bài giảng.

- Giờ thực hành: Tham gia các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên
- Giờ tự học: Chủ động, tích cực các nội dung, yêu cầu của môn học theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia kỳ thi cuối học phần.
- Tuân thủ các quy định khác theo Quy chế đào tạo của Học viện.

10. Học liệu

10.1 Học liệu Bắt buộc

1. Nguyễn Văn Dũng (2020), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Thông tin và Truyền thông
2. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10.2 Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Dũng, (2021), *Báo chí truyền thông hiện đại (từ hàn lâm đến đời thường)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Nguyễn Thị Trường Giang (2017), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Đỗ Thị Thu Hằng (2022), *Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, NXB Thông tin và Truyền thông
4. Nguyễn Trí Nhiệm (2015), *Báo chí truyền thông – Những vấn đề đương đại*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
5. Vũ Tiến Phúc, Trần Ngọc Châu, Lý Xuân Thu (2005), sách dịch, *Quảng cáo thoái vị, Pr lên ngôi*, Nxb Trẻ.
6. Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm

GV BIÊN SOẠN

Uhu

VIỆN TRƯỞNG

Phan

PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang

Đinh Thị Thu Hằng

Đinh Thị Xuân Hoà

Nguyễn Văn Trường

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA QUAN HỆ QUỐC TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Địa- chính trị thế giới đại cương

Tên học phần bằng tiếng Anh: Global-geopolitics

Mã học phần: QT 02560

Loại môn học: Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn

Số tín chỉ: 2 TC (trong đó 1,5 tín chỉ LT; 0,25 tín chỉ thực hành; 0.25 tín chỉ tự học)

Số tiết học: 41,25 tiết (22,5 tiết lý thuyết; 7,5 tiết thực hành; 11.25 tiết tự học)

Số tiết học cá nhân: 58,75tiết.

Loại học phần: *tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: phòng học có máy chiếu, mic, mạng wifi, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Khoa/Bộ môn: Khoa Quan hệ quốc tế

Văn phòng khoa: Phòng 602– A1

Người phụ trách: GVC. Ngô Thị Thúy Hiền

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- PGS, TS. Nguyễn Thị Quế, số điện thoại: 0913301848, Email: canhqueqhqh@yahoo.com.vn
- GVC. Ngô Thị Thúy Hiền, số điện thoại: 0359966399, email: phuocthinh1610@yahoo.com.vn
- ThS. Đỗ Thanh Hà, số điện thoại: 0948017456, email: thanhha89.do.vie@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu chung của môn học

Sau khi học xong môn học sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về địa chính trị thế giới: khái niệm, các quan điểm địa-chính trị, đặc điểm địa - trị thế giới; Hiểu rõ

các đặc điểm địa –chính trị ở các châu lục, khu vực. Hiểu rõ sự tác động của các đặc điểm địa-chính trị đến quan hệ quốc tế; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển của quốc gia, khu vực. Có khả năng tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị dựa trên nền của các yếu tố địa lý, hình thành khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề quốc tế, ở các khía cạnh khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức này vào công tác báo chí, truyền thông và xuất bản đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: Hiểu rõ kiến thức cơ bản về địa-chính trị thế giới, có khả năng nhận biết và vận dụng, giải thích các sự kiện vấn đề tác động đến quá trình phát triển của các quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới. Trên cơ sở sự tương tác giữa yếu tố địa lý và các quyết sách chính trị người học có thể phân tích, đưa ra những đánh giá, nhận xét về quá trình phát triển của một quốc gia, khu vực, châu lục làm nền tảng cho các môn học khác

- *Kỹ năng*: Có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp trong nghiên cứu địa-chính trị vào giải thích, phân tích, cơ sở đưa ra những luận điểm, nhận định vấn đề về địa-chính trị của quốc gia, khu vực, châu lục đang diễn ra trong thực tiễn. Có kỹ năng phân tích, trình bày, thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện, tư duy logic

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, trung thực, động cơ học tập trong sáng và tự chịu trách nhiệm

3. Chuẩn đầu ra (CLOs: Course learning outcomes)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Trình bày và hiểu được bản chất và các khái niệm cơ bản về địa – chính trị thế giới, các đặc điểm địa - chính trị, hệ thống địa – chính trị, quá trình vận động địa – chính trị	Thuyết giảng tương tác - Thảo luận nhóm -Thuyết trình -Mô phỏng	- Kiểm tra chuyên cần - Yêu cầu đọc tài liệu trước ở nhà - Hỏi đáp trên lớp
CLO2	Hiểu rõ quá trình phát triển của khoa học địa-chính trị, các đặc điểm địa – chính trị châu lục, khu vực trên thế	Thuyết giảng tương tác - Bài tập nhóm -Thảo luận	- Kiểm tra chuyên cần - Bài tập về nhà

	giới: Đặc điểm vị trí địa lý-tự nhiên, đặc điểm lịch sử chính trị, đặc điểm kinh tế, đặc điểm văn hóa xã hội; Hiểu, phân tích tác động qua lại giữa các đặc điểm địa – chính trị	-Tình huống	- Thuyết trình trước lớp - Hỏi đáp trên lớp
CLO3	Vận dụng các kiến thức về địa chính trị phân tích, đánh giá quá trình vận động địa – chính trị các khu vực, châu lục từ 1945 đến nay. Trên cơ sở đó chỉ ra sự tương tác giữ yếu tố địa lý và chính trị đối với hòa bình, an ninh, sự phát triển nhằm hiểu rõ về quốc gia, khu vực theo mục đích nghiên cứu	Thuyết giảng tương tác - Bài tập nhóm -Thảo luận - Làm việc nhóm	- Kiểm tra chuyên cần, - Bài tập về nhà, -Thuyết trình bài tập nhóm - Hỏi đáp trên lớp
CLO4	Có khả năng làm việc nhóm, tích cực có trách nhiệm, trung thực, chủ động hợp tác, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, bình luận trong quá trình học tập	Thuyết giảng tương tác - Bài tập nhóm -Thảo luận nhóm -Thuyết trình	- Kiểm tra chuyên cần, - Bài tập về nhà - Thuyết trình bài tập nhóm - Hỏi đáp trên lớp
CLO5	Có khả năng làm việc nhóm, tích cực có trách nhiệm, trung thực, chủ động hợp tác, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, bình luận trong quá trình học tập	- Kiểm tra chuyên cần, - Bài tập về nhà, - Hỏi đáp trên lớp	-Thuyết giảng tương tác -Thảo luận nhóm -Thuyết trình - Bài tập

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
		Lý thuyết		Thực hành				
		Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1.	- Giới thiệu môn học - Quá trình phát triển của hệ thống địa – chính trị thế giới qua các thời kỳ lịch sử	3					2	CLO 1,2,3,4
2.	-Địa – chính trị châu Á	2	1	1			2	CLO

Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
		Lý thuyết		Thực hành				
		Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
								1,2,3,4,5
3.	- Địa chính trị Đông Nam Á	2		1				CLO 1,2,3,4,5
4.	-Địa - chính trị Việt Nam	1,5	1					CLO 1,2,3,4,5
5.	-Địa chính trị châu Phi, Trung Đông	2	1	1,5			2	CLO 1,2,3,4,5
6.	-Địa - chính trị châu Âu	2	1	1			2	CLO 1,2,3,4,5
7.	-Địa - chính trị châu Mỹ	2		2			2	CLO 1,2,3,4,5
8.	-Địa chính trị biển và đại dương	2		1			0,5	CLO 1,2,3,4,5
9.	-Đại chính trị châu đại dương	1	1				1	CLO 1,2,3,4,5
Tổng		17,5	5	7,5	0	0	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO1	1	2											
CLO2			3		2								3
CLO3			3		3								3

CLO4			3		3								3
CLO5			3		3								3
Tổng hợp học phần	1	1	4		4								4

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Các phương pháp cơ bản dùng trong giảng dạy học phần là thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, thực hành trên lớp, sinh viên thuyết trình, nghiên cứu thực tế....

Phương pháp dạy	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x
3. Giải quyết vấn đề				x	x
4. Nghiên cứu trường hợp				x	x
5. Dạy học trải nghiệm			x	x	
6.. Nhập vai, mô phỏng	x	x			x
7. Thực hành/thí nghiệm					x
8. Dự án (Sản phẩm)					
9. Thực tế/thực tập					
10. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Các phương pháp học cơ bản được dùng trong học tập học phần là nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm, lập sơ đồ tư duy, thực tế, thuyết trình...

Phương pháp học	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Làm việc nhóm	x	x	x	x	x
Quan sát			x	x	x
Trao đổi với GV	x	x	x	x	x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x

Đặt câu hỏi, phản biện	X	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy	X				
Học qua dự án					
Học qua trải nghiệm			X		X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Địa chính trị thế giới

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Địa chính trị thế giới đại cương		X				X										

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	CLO1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Bài tập nhóm, thuyết trình, kết quả tự học	30%	CLO1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	Tiểu luận	50%	CLO1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

+ Lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

+ Thực hành: Tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

+ Tự học, giờ học cá nhân: Nộp bài kiểm tra, bài tự học theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn.

10. Học liệu

10.1 Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Quế, ThS. Ngô Thị Thúy Hiền (2022), Địa – chính trị thế giới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Dân (Chủ biên) (2014). Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
3. Maridôn Tuareno (1996). Sự đảo lộn của thế giới địa – chính trị thế kỷ XXI. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.

10.2 Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2005) Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội
2. R. Kaplan (2017), Sự minh định của địa lý, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội
3. Lương Văn Kế (2013), Một số vấn đề lý thuyết củ địa chính trị (lý luận cơ bản và thực tiễn Việt Nam), Nxb Đại học Quốc gia
4. A.Mahan (2018), Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử (1660-1783), Nxb Tri Thức

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

GV BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang

TS. Ngô Thị Thúy Hiền

PGS,TS. Nguyễn Ngọc Oanh

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ NGHIỆP
VỤ SỰ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Tâm lý học dạy học đại học

Tên học phần bằng tiếng Anh: Psychology of University Teaching

Mã học phần: TG 01025

Loại môn học: Cơ bản

Số tín chỉ: 2.0 tín chỉ (trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết; 0,25 tín chỉ thực hành; 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết; 7,5 tiết thực hành; 11,25 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 58,75 tiết

Loại học phần: Tự chọn

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2)

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: Tâm lý học và Nghiệp vụ sư phạm/Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm.

Văn phòng khoa: Tầng 6, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Lý Thị Minh Hằng

Điện thoại, email:

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. TS. Lý Thị Minh Hằng- 0913378728; email: hanglyminh73@gmail.com

2. ThS. Vũ Thuỳ Hương- 0909310778- email: vuthuyhuong.ajc@gmail.com

3. ThS. Đậu Vĩnh Phương Uyên -0914676362-
email:phuongguyen3105@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người, bản chất tâm lý của hoạt động dạy học đại học.

+ Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các đặc điểm tâm lý của sinh viên.

- Kỹ năng

+ Thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp với đặc điểm tâm lý sinh viên.

+ Xác định được phương hướng rèn luyện nhân cách, dần hình thành các phẩm chất và năng lực cần thiết của người giảng viên.

+ Có kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích- tổng hợp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ Có thái độ đúng đắn, tích cực, coi trọng việc hình thành và hoàn thiện nhân cách người giảng viên.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người, bản chất tâm lý của hoạt động dạy học đại học.	Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn
CLO2	Thiết kế được các hoạt động dạy và học phù hợp với đặc điểm tâm lý sinh viên.	Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn
CLO3	Hình thành các phẩm chất và năng lực của người giảng viên.	Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn

CLO4	Nghiêm túc, tích cực trong việc hoàn thiện nhân cách để trở thành giảng viên.	Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tu ần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐ R học phầ n
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	PLT	PT H	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1. Khái quát về Tâm lý học dạy học đại học 1.1. Một số vấn đề cơ bản của khoa học tâm lý 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học dạy học đại học 1.3. Mối quan hệ và ý nghĩa của Tâm lý học dạy học đại học	5	0	0	0	0	2	1, 4
2	2	Chương 2. Tâm lý lứa tuổi sinh viên 2.1. Những điều kiện phát triển của sinh viên 2.2. Những đặc điểm tâm lý cơ bản của sinh viên 2.3. Tập thể sinh viên và các kiểu nhân cách sinh viên	0	5	0	0	0	2	2, 4
3	3	Chương 3. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học 3.1. Hoạt động dạy học đại học 3.2. Cơ chế tâm lý của sự hình thành hoạt động học ở sinh viên	2,5	0	2,5	0	0	2	2, 3, 4
4	4	Chương 3. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học (tiếp) 3.3. Dạy học và vấn đề tích cực hoá hoạt động nhận	0	2,5	0	0	2,5	2	2,3,4

		thức của sinh viên							
5	5	Chương 4. Nhân cách người giảng viên 4.1. Khái niệm nhân cách người giảng viên 4.2. Đặc điểm lao động sư phạm của giảng viên 4.3. Cấu trúc nhân cách người giảng viên (phẩm chất và năng lực) 4.4. Uy tín của giảng viên	5	0	0	0	0	2	3, 4
6	6	Chương 5. Giao tiếp sư phạm trong dạy học đại học 5.1. Khái quát về giao tiếp sư phạm 5.2. Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm 5.3. Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm cho giảng viên	2,5	0	2,5	0	0	1,2 5	3, 4
Tổng			15	7,5	5	0	2,5	11, 25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO1														
CLO2														
CLO3														
CLO4														
Tổng hợp học phần														

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình	X			X
Hỏi- đáp	X	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X	X
Dạy học bằng tình huống	X	X	X	X
Hướng dẫn tự học	X	X	X	X
Bài tập thực hành	X	X	X	X

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghiên cứu tài liệu	X	X	X	X
Nghe giảng và ghi chép	X	X		
Tự học	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy	X	X	X	
Làm việc nhóm	X	X	X	X
Giải quyết tình huống	X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Tâm lý học dạy học đại học	X						X									

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình, giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4
Đánh giá giữa kỳ	Bài tự luận cá nhân, bài tập nhóm	30%	2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập lớn	50%	1,2,3,4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học và chủ động tích cực trong giờ học, nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ thực hành: Tham dự đầy đủ các buổi học và chủ động, tích cực trong giờ học, vắng các tiết học thực hành sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ tự học, giờ học cá nhân: Tích cực tự học, chuẩn bị bài mới, làm bài và nộp bài tập theo đúng cách thức, thời hạn quy định. Nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 50% điểm/ngày nộp muộn. Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Tâm lý học dạy học đại học, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2023.

2. Nguyễn Thạc- Phạm Thành Nghị (2008), *Tâm lý học Sư phạm Đại học*, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Tâm lý học Sư phạm đại học*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Xuân Thúc (2007), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Lý Thị Minh Hằng (2023), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

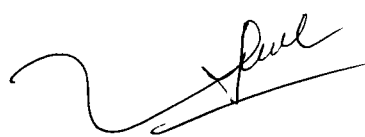
**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang TS. Lý Thị Minh Hằng TS. Trần Thị Thu Hiền

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Tâm lý học xã hội

Tên học phần bằng tiếng Anh: Social Psychology

Mã học phần: TG 01007

Loại môn học: Cơ bản

Số tín chỉ: 2.0 tín chỉ (2 tín chỉ, trong đó 1,5 tín chỉ lý thuyết; 0,25 tín chỉ thực hành; 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết; 7,5 tiết thực hành; 11,25 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 58,75 tiết

Loại học phần: Tự chọn

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2)

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: Tâm lý học và Nghiệp vụ sư phạm/Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm.

Văn phòng khoa: Tầng 6, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Lý Thị Minh Hằng

Điện thoại, email: 0913378728; email: hanglyminh73@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy

4. TS. Lý Thị Minh Hằng- 0913378728- email: hanglyminh73@gmail.com

5. ThS. Vũ Thuỳ Hương- 0909310778- email: vuthuyhuong.ajc@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có

hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai, ứng dụng hiệu quả vào việc tìm hiểu nhu cầu thị trường, nhu cầu bạn đọc, công tác xuất bản.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Xác định được bản chất hiện tượng tâm lý; các quy luật, cơ chế hình thành, phát triển các hiện tượng tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội.

+ Giải thích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp xã hội, ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội, sự xâm kích.

- Kỹ năng

+ Nhận diện, phân tích, đánh giá các yếu tố tâm lý xã hội và sự ảnh hưởng của nó trong các hoạt động thực tiễn của đời sống xã hội.

+ Đánh giá được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích- tổng hợp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ Có ý thức trong việc xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp; Có mong muốn áp dụng những tri thức tâm lý trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp tương lai.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Giải thích được bản chất của hiện tượng tâm lý và các cơ chế, quy luật hình thành và phát triển của hiện tượng tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội.	Thuyết trình, hỏi-đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn
CLO2	Nhận diện, phân tích, đánh giá được các yếu tố tâm lý xã hội và ảnh hưởng của nó trong hoạt động thực tiễn của đời sống xã hội.	Thuyết trình, hỏi-đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn
CLO3	Đánh giá được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình	Thuyết trình, hỏi-đáp, Làm việc	Tự luận, bài tập lớn

	thành và phát triển nhân cách.	nhóm, Dạy học bằng tình huống	
CLO4	Có ý thức áp dụng những tri thức tâm lý trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp tương lai.	Thuyết trình, hỏi-đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống	Tự luận, bài tập lớn

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuầ n	Nội dung	Số tiết					Tự học	CD R học phầ n
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trự c tiếp	Trực tuyến	PLT	PTH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1. Nhập môn Tâm lý học xã hội 1.1. Một số vấn đề cơ bản của Tâm lý học 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 1.3. Ý nghĩa của Tâm lý học xã hội trong đời sống	5	0	0	0	0	2	1, 4
2	2	Chương 2. Cơ chế và quy luật hình thành, phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội 2.1. Cơ chế hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội 2.2. Quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội	2,5	0	2,5	0	0	2	1, 2, 4
3	3	Chương 3. Nhóm xã hội 3.1. Khái quát về nhóm xã hội 3.2. Liên hệ xã hội	0	5	0	0	0	2	2,4

		3.3. Sự cố kết nhóm							
4	4	Chương 4. Giao tiếp xã hội 4.1. Khái niệm giao tiếp xã hội 4.2. Chức năng của giao tiếp xã hội 4.3. Các hình thức giao tiếp xã hội 4.4. Ấn tượng ban đầu và quy gán xã hội	5	0	0	0	0	2	2, 4
5	5	Chương 5. Ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội và hành vi xâm kích 5.1. Ảnh hưởng xã hội 5.2. Định kiến xã hội 5.3. Hành vi xâm kích	0	2,5	0	0	2,5	2	2, 4
6	6	Chương 6. Nhân cách trong Tâm lý học xã hội 6.1. Khái quát về nhân cách 6.2. Sự xã hội hoá cá nhân 6.3. Quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách	2,5	0	2,5	0	0	1,25	3, 4
Tổng			15	7,5	5	0	2,5	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO1														
CLO2														
CLO3														
CLO4														
Tổng hợp học phần														

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình	X	X		X
Hỏi- đáp	X	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X	X
Dạy học bằng tình huống	X	X	X	X
Hướng dẫn tự học	X	X	X	X
Bài tập thực hành	X	X	X	X

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghiên cứu tài liệu	X	X	X	X
Nghe giảng và ghi chép	X	X		
Tự học	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy	X	X	X	
Làm việc nhóm	X	X	X	X
Giải quyết tình huống	X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Tâm lý học dạy học đại học	X						X									

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình, giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4
Đánh giá giữa kỳ	Bài tự luận cá nhân, bài tập nhóm	30%	2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập lớn	50%	1,2,3,4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học và chủ động tích cực trong giờ học, nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ thực hành: Tham dự đầy đủ các buổi học và chủ động, tích cực trong giờ học, vắng các tiết học thực hành sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ tự học, giờ học cá nhân: Tích cực tự học, chuẩn bị bài mới, làm bài và nộp bài tập theo đúng cách thức, thời hạn quy định. Nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 50% điểm/ngày nộp muộn. Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Tâm lý học xã hội (2016), Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

2. Nguyễn Xuân Thức (2007), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

10.2. Học liệu tham khảo

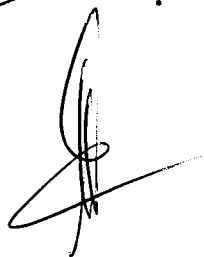
1. Lê Văn Hào (2010), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Từ điển Bách khoa.
2. Trần Quốc Thành (2014), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Phạm Văn Tư (2014), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Lý Thị Minh Hằng

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Thu Hiền

15/03/2023

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA XUẤT BẢN

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Tên học phần bằng tiếng Anh: Pratical Vietnamese

Mã học phần: **XB01101**

Loại môn học: *Cơ bản*

Số tín chỉ: 02 tín chỉ (trong đó: 1,5 TC lý thuyết, 0,25 TC thực hành, 0,25 TC tự học).

Số tiết học: 41,25 tiết (trong đó: 22,5 tiết lý thuyết, 7,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 41,25 tiết.

Loại học phần: *Tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: Lớp học trang bị máy chiếu, màn hình, loa, micro trợ giảng; thư viện có đầy đủ học liệu liên quan đến học phần.

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa Xuất bản

Văn phòng khoa: Phòng 801 Nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Vũ Thuỳ Dương

Điện thoại, email: 0988793334; Email: vuthuyduong@ajc.edu.vn

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Hà Văn Hậu; Điện thoại, email: 0913556399;

Email: havanhau2008@gmail.com

2. TS. Đặng Mỹ Hạnh, số điện thoại: 0983968769;

Email: dangmyhanhajc@gmail.com

3. TS. Trần Thị Hồng Hoa, số điện thoại: 0912273967;

Email: honghoa6067@gmail.com

4. TS. Phạm Thị Thùy Linh, số điện thoại: 0989502045;

Email: thuylinh.hnue@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng.

- *Kỹ năng:* Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng khai thác từ ngữ dân tộc trong giao tiếp và công việc; kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm:* Học phần giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc, chủ động; ý thức giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ quốc gia.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Trình bày được bản chất, các khái niệm và các nguyên tắc cơ bản về văn bản, chủ đề, đoạn văn, lập luận, từ, câu, chính tả; các cách phân loại lập luận, từ, câu; bản chất và nguyên tắc chữa lỗi về ngôn ngữ ở các cấp độ khác nhau (từ, câu, đoạn văn) với các mức độ/ yêu cầu sửa, chữa lỗi về ngôn từ khác nhau.	- Phương pháp thuyết trình, giảng lý thuyết - Phương pháp vấn đáp - Phương pháp làm việc, thảo luận nhóm;	- Điểm danh chuyên cần. - Kiểm tra bài tập về nhà. - Hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, tự học, tự nghiên cứu.
CLO2	Hiểu được kiến thức về từ, câu, văn bản để chỉnh sửa lỗi cho văn bản ở các cấp độ ngôn ngữ và chữa lỗi ở các loại hình văn bản khác nhau.		
CLO3	Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ lập	- Nghiên cứu	- Bài tập nhóm

	đề cương cho văn bản; hoàn thiện văn bản; kỹ năng sửa, chữa lỗi ngôn ngữ; kỹ năng sửa và hoàn thiện phương diện ngôn ngữ cho các loại văn bản.	tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện,...	(Khảo sát các hiện tượng sử dụng tiếng Việt)
CLO4	So sánh và phân biệt được sự khác biệt trong giao tiếp bằng ngôn ngữ nói/ đời thường và ngôn ngữ viết/ thành văn để có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình khi làm việc	- Tự học, tự nghiên cứu.	- Thi viết (tự luận)
CLO5	Có năng lực tự chủ, tư duy độc lập, có trách nhiệm và trung thực; hợp tác trong làm việc nhóm; có ý thức tôn trọng, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.		

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1: Ngữ âm, chính tả và sự chuẩn hóa trong tiếng Việt	5					3	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
		1.1.Những vấn đề cơ bản về ngữ âm và kĩ năng phát âm 1.2. Những vấn đề cơ bản về chữ viết, chính tả và kĩ năng viết đúng chính tả. 1.3. Một số vấn đề chung về sự trong sáng của tiếng Việt, sự thiếu chuẩn mực khi sử dụng.							

		1.4. Kỹ năng sửa sai phát âm, sai chính tả 1.5. Một số dạng bài tập thực hành.							
2	2 - 3	Chương 2: Từ vựng tiếng Việt và kỹ năng dùng từ	7,5		2,5			3	CLO2
		2.1. Những vấn đề cơ bản về từ vựng tiếng Việt 2.2. Kỹ năng dùng từ tiếng Việt 2.3. Kỹ năng sửa chữa từ dùng sai 2.4. Một số dạng bài tập thực hành							
3	4 - 5	Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt và kỹ năng đặt câu	5		5			3	CLO3 CLO5
		3.1. Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt 3.2. Kỹ năng tạo câu tiếng Việt 3.3. Kỹ năng sửa câu tiếng Việt 3.4. Một số dạng bài tập thực hành.							
4	6	Chương 4: Văn bản và kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản tiếng Việt		5				2.2 5	CLO3 CLO5
		4.1. Những vấn đề cơ bản về đoạn văn, văn bản tiếng Việt 4.2. Kỹ năng dựng đoạn văn 4.3. Kỹ năng phân tích và sửa đoạn văn, văn bản							

		4.4. Một số vấn đề chung về ngữ dụng học và kỹ năng vận dụng ngữ dụng học. 4.5. Một số dạng bài tập thực hành. 4.6. Tổng kết, ôn tập							
		Tổng	17,5	5	7.5	0	0	11.25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO1	2				5	5	5	4	4	4			
CLO2		2			5	5	5	4	4	4			
CLO3			2		5	5	5	4	4	4			
CLO4				3	5	5	5	4	4	4			
CLO5											4	4	4
Tổng hợp học phần	2	2	2		5	5	5	4	4	4	4	4	4

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

6. Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Phương pháp thuyết trình	x	x	x	x	x
PP dạy học thông qua vấn đề, tình huống			x	x	x
Phương pháp vấn đáp	x	x	x	x	x
Phương pháp thảo luận nhóm			x	x	x
Phương pháp nghiên cứu thực tế	x	x	x	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần:

Sinh viên vận dụng, rèn luyện và hình thành kỹ năng tự tìm kiếm, đọc, tổng hợp tài liệu; tập trung nghe giảng và ghi chép đầy đủ; tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp theo hướng dẫn của giảng viên; chủ động sắp xếp, ghi nhớ và vận dụng các tài liệu và kiến thức đã học. Cụ thể, gồm các phương pháp sau: Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép, tổng hợp, phân tích; Thảo luận, làm việc nhóm; Phỏng vấn nhanh; Ghi nhớ chủ động; Đặt câu hỏi phản biện; Lập sơ đồ tư duy, so sánh; Học qua trải nghiệm; Thực hành...

Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm: Chủ động, tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm; Có kỹ năng tổng hợp tài liệu, thuyết trình hiệu quả và sáng tạo các kết quả nghiên cứu của nhóm.

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Ghi chép, tổng hợp, phân tích	x	x	x		
Thảo luận, làm việc nhóm			x	x	x
Phỏng vấn nhanh	x	x	x	x	x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x		
Đặt câu hỏi phản biện	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy, so sánh,	x	x	x		
Học qua trải nghiệm	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Tiếng Việt thực hành	x															

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	PLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát, kiểm tra các hoạt động học tập, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	20%	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Bài tập nhóm (Khảo sát các hiện tượng sử dụng tiếng Việt); hoặc làm bài kiểm tra.	30%	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13
Đánh giá cuối kỳ	Thi viết (tự luận)	50%	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Sinh viên đi học đầy đủ, tích cực chủ động tham gia các hoạt động học tập, chuẩn bị bài, làm bài tập về nhà.
- Giờ thực hành: Tham gia tích cực, chủ động trong thực hành, có thái độ hợp tác, có trách nhiệm, có kỹ năng làm việc nhóm.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Có thái độ trung thực, có trách nhiệm; có ý thức tự học, tự nghiên cứu, thể hiện nỗ lực và sự tham gia tích cực trong hoạt động.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Hoàng Anh (chủ biên), Phạm Văn Thấu, *Tiếng Việt thực hành*, NXB Chính trị - Hành chính, H.2010.
2. Đặng Thị Hảo Tâm (chủ biên), *Giáo trình tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHSP, H. 2022.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga, *Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHSP, H.2017.
2. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG HN, H.2001.
3. Hoàng Kim Ngọc (chủ biên), *Giáo trình tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG, H, 2021.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Hà Văn Hậu

TRƯỞNG KHOA



TS. Vũ Thùy Dương

16/11/17

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA QUAN HỆ CÔNG CHÚNG VÀ QUẢNG CÁO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo

Tên học phần bằng tiếng Anh: PP and creative media

Mã học phần: QQ42001

Loại môn học: Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn

Số tín chỉ: 2 TC (2 tín chỉ, trong đó 1.5 tín chỉ lý thuyết; 0,25 tín chỉ thực hành; 0.25 tín chỉ tự học)

Số tiết học: 41.25 tiết: 22.5 tiết lý thuyết; 7.5 tiết thực hành; 11.25 tiết tự học

Số tiết học cá nhân: 58.75 tiết (trải nghiệm thực tế, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá...)

Loại học phần: *tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: phòng học có máy chiếu, mic, mạng wifi, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Khoa/Bộ môn: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

Văn phòng khoa: Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Phòng 701 – A1

Người phụ trách: TS. Vũ Tuấn Hà

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- TS Nguyễn Hoàng Yến, số điện thoại: 0988839638, email: hoangyenbk0705@gmail.com

- ThS. Tào Thanh Huyền, số điện thoại: 0974707074, email: huyentt7589@gmail.com

- ThS Vũ Hạnh Ngân, số điện thoại: 0339001830, email: vungan1102@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu chung của môn học

Sau khi học xong môn học này sinh viên có thể có những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền

thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: có kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, có khả năng nhận biết và giải thích đặc trưng của các phương tiện truyền thông và biết ứng dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong các hoạt động chiến lược quan hệ công chúng. Đồng thời là kiến thức nền để phục vụ cho các môn học khác

- *Kỹ năng*: có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp khoa học vào nhận định vấn đề thực tiễn trong mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo; kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện, tư duy logic

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Phân tích khái niệm, chức năng, các hoạt động, quan hệ công chúng tiêu biểu như: truyền thông nội bộ, quan hệ báo chí, chiến lược quan hệ công chúng,,	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO2	Phân tích khái niệm và đặc trưng về các phương tiện truyền thông như: các phương tiện truyền thông truyền thống; các phương tiện truyền thông mới.	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Viết; Tiểu luận; Vấn đáp...
CLO3	Vận dụng các đặc trưng của các phương tiện truyền	-Thuyết giảng tương tác -Thảo luận nhóm	Viết; Tiểu luận; Vấn

	thông một cách sáng tạo trong các hoạt động tiêu biểu quan hệ công chúng	-Nghiên cứu trường hợp -Bài tập thực hành/Tình huống	đáp...
CLO4	Vận dụng các xu thế phát triển của các phương tiện truyền thông sáng tạo vào kế hoạch quan hệ công chúng	Giảng lý thuyết; Thảo luận; Hỏi đáp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện; Tự học...	Viết; luận; đáp... Tiểu Vấn
CLO5	Có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập	-Thảo luận nhóm -Nghiên cứu trường hợp -Bài tập thực hành -Tình huống -Đóng vai mô phỏng	Viết; luận; đáp... Tiểu Vấn

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1. Khái niệm, chức năng, các hoạt động quan hệ công chúng						2,5	CLO1 CLO4, CLO5
		1.1 Khái niệm quan hệ công chúng	1						
		1.2. Chức năng quan hệ công chúng	1						
		1.3.Các hoạt động quan hệ công chúng	1						
		1.4. Ý nghĩa của quan hệ công chúng	1						
	2	Chương 2. Khái niệm và đặc trưng các phương tiện truyền thông					2	3	CLO2; CLO3 CLO4, CLO5

2		2.1 Khái niệm các phương tiện truyền thông	1						
		2.2. Đặc trưng các phương tiện truyền thông truyền thống...	2						
		2.3. Đặc trưng các phương tiện truyền thông mới	2						
		2.4. Mối quan hệ giữa phương tiện truyền thông với các hoạt động quan hệ công chúng	1						
3	3	Vận dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng cơ bản					2	3	CLO2; CLO3 CLO4, CLO5
		3.1. Phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động truyền thông nội bộ	1						
		3.2. Phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động tổ chức sự kiện	1						
		3.3. Phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ với báo giới	1						
		3.4 Phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động xử lý khủng hoảng truyền thông	1						
4	4	Vận dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động chiến lược quan hệ công chúng						1,5	CLO2; CLO3 CLO4, CLO5
		4.1. Khái niệm chiến lược quan hệ công chúng	1						
		4.2. Các giai đoạn	2						

CLO4						3				2							
CLO5								2	2				3	2			
Tổng hợp học phần		1	2	1	2	1		1	1	1			1	1			

7. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x
Thảo luận		x	x		x
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Dạy học thông qua vấn đề		x	x		x
Hỏi đáp	x	x		x	x
Nghiên cứu thực địa	x	x	x	x	x

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm: từ mức 1 đến mức 5

7. Ma trận giữa phương pháp học v chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Ghi chép	x	x	x		
Làm việc nhóm	x	x	x	x	
Phỏng vấn nhanh	x	x	x	x	x
Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x
Đặt câu hỏi phản biện	x	x	x	x	x
Lập sơ đồ tư duy	x	x	x		x
Học qua trải nghiệm	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Tự luận

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận

và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	TN	Tự luận + TN	Tự luận, TN, VD	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Pr và các phương tiện truyền thông sáng tạo	X				X	X										

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá: Thi tự luận

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	CLO1 CLO2 CLO4, CLO5
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Viết bài luận, Thuyết trình, kết quả tự học	30%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4, CLO5
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận	50%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4, CLO5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- **Giờ lý thuyết:** Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- **Giờ thực hành:** Tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

- **Giờ tự học, giờ cá nhân:** Nộp bài kiểm tra, bài tự học theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn; Thực hiện tự giác, nghiêm túc giờ học cá nhân; Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

10. Học liệu

10.1 Học liệu Bắt buộc

1. Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên) (2015), PR lý luận và ứng dụng, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
2. Vũ Tuấn Hà (2019), Các phương tiện truyền thông, Định hướng giáo trình, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

10.2 Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Trường Giang (2015), Báo chí và truyền thông đa phương tiện, NXBDHQG.
2. Alison Theaker, Heather Yaxley (Biên dịch: Vũ Thanh Vân và Hà Mai Thùy Giang) (2018), Bộ công cụ chiến lược Quan hệ công chúng, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
3. Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên) (2010), Ngành PR tại Việt Nam, NXB Lao động xã hội, Hà Nội,.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Vũ Tuấn Hà

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Minh Hiền

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
VIỆN BÁO CHÍ**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Truyền thông đa phương tiện

Tên học phần bằng tiếng Anh: Multimedia Communication

Mã học phần: BC02235

Loại môn học: Khoa học xã hội và nhân văn

Số tín chỉ: 02 tín chỉ (1 lý thuyết, 0.75 thực hành, 0.25 tự học).

Số tiết học: 60 tiết (trong đó 15 tiết lý thuyết, 22,5 tiết thực hành, 11,25 tiết tự học)

Số tiết học cá nhân: 40 tiết

Loại học phần: Tự chọn

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết:

Các yêu cầu khác đối với học phần:

Bộ môn/Khoa phụ trách: Truyền thông đa phương tiện/Viện Báo chí

Văn phòng khoa: Tầng 5 Nhà A1

Người phụ trách: TS. Nguyễn Thị Hằng Thu

Điện thoại: 0942166996, email: hangthubc@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy (nếu có):

1. PGS, TS. Đỗ Thị Thu Hằng

Điện thoại: 0984405568, email: dothuh@gmail.com

2. TS. Lê Thu Hà.

Điện thoại: 0989 288 993, email: hale2882@gmail.com

3. ThS. Đinh Ngọc Sơn

Điện thoại: 097719196, email:

4. ThS. Lương Thị Phương Diệp

Điện thoại: 0912420688, email: luongphuongdiep@gmail.com

5. ThS. Dương Quốc Bình

Điện thoại: 0977890025, email: jamesduongphoto@gmail.com

6. ThS. Phạm Thị Mai Liên

Điện thoại: 0987511085, email: phamthimailien.ajc@gmail.com

7. ThS Nguyễn Văn Hào

Điện thoại: 0977935435; Email: haona.ajc@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Môn học này giới thiệu với sinh viên về truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa truyền thông đa phương tiện và báo chí.

+ Sinh viên nắm được những yếu tố cấu thành và kỹ năng sáng tạo các sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên cũng hiểu được những yêu cầu về năng lực, phẩm chất, kỹ năng của nhà truyền thông đa phương tiện.

- Kỹ năng

+ Sinh viên biết sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện (máy ảnh, máy quay, điện thoại di động...)

+ Sinh viên được tăng cường khả năng làm việc theo nhóm thông qua các bài tập nhóm, khả năng làm việc độc lập thông qua các bài tập cá nhân.

+ Sinh viên được tăng cường khả năng thuyết trình.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà truyền thông;

+ Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

+ Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

+ Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu biết cơ bản về truyền thông đa phương tiện, các khái niệm cơ bản, các tính chất và mục tiêu của truyền thông đa	Nên vấn đề, hỏi đáp, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, hỏi - đáp, quan sát các

	phương tiện, biết các phân loại sản phẩm đa phương tiện.		hoạt động học tập
CLO2	Nhận diện được các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO3	Phân tích được các kiến thức và kỹ năng của nhà báo, nhà truyền thông đa phương tiện, nguyên tắc trong ứng dụng sản phẩm.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập, bài kiểm tra giữa kỳ
CLO4	Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng của nhà báo, nhà truyền thông đa phương tiện, nguyên tắc trong ứng dụng sản phẩm.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập. Bài kiểm tra cuối kỳ
CLO5	Có kỹ năng thuyết trình, khai thác thông tin; có thái độ cầu thị, chủ động, trách nhiệm và trung thực; Xây dựng mối quan hệ tích cực, hợp tác trong làm việc nhóm.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Các bài kiểm tra chuyên cần, giữa và cuối kỳ

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
		Lý thuyết		Thực hành				
		Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	Chương 1. Những vấn đề chung về truyền thông đa phương tiện 1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò 1.2. Lịch sử ra đời	3		2				1,4,5
2	1.3. Mô hình và hệ sinh thái TTĐPT	2		3			5	1,4,5
3	Chương 2. Sáng tạo nội dung và sản xuất SPTTĐPT 2.1. Tổng quan					2.5	5	2,3,4,5
4	2.2. Các yếu tố nội dung và phương thức kể chuyện	3		2				2,3,4,5
5	2.3. Quy trình tổ chức sản xuất	2		3			2.5	2,3,4,4
6	Chương 3. Ứng dụng, phát triển truyền thông đa phương tiện 3.1 Ứng dụng ĐPT và TTĐPT	3				2	5	2,3,4,5
7	3.2. Phát triển dự án TTĐPT	2				3	5	2,3,4,5
8	Tổng kết môn học					5		1,2,3,4,5

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1			2			3	5								
CLO2			2			4	5								
CLO3								2		2	3	5		2	2
CLO4								2		2	5	3		2	2
CLO5								2	2	2	2	2	2	5	5
Tổng hợp học phần	0	0	0	0	2	2	2	3	1	3	3	3	1	3	3

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và năng lực: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết, thảo luận	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x
Nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x
Thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation)	x	x	x	x	
Bài tập thực hành	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tài liệu – Dạy học trực quan	x	x	x	x	x
Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập	x				x
Dạy học thông qua vấn đề	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thảo luận	x				x
Nghe giảng	x	x	x	x	x

Nghiên cứu tài liệu	X		X	X	
Hỏi đáp	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X	X	X	X	
Học tập thông qua dự án	X	X	X	X	X
Viết thu hoạch, báo cáo	X	X	X		
Thực hành	X	X	X	X	X
Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập		X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần....

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Truyền thông đa phương tiện							X									

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá:

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học.	20%	1,2
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Đánh giá thuyết trình, kết quả bài tập thực hành, kết quả tự học.	30%	1,2,3
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập lớn	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- **Giờ lý thuyết:** Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- **Giờ thực hành:** Tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

- **Giờ tự học, giờ cá nhân:** Nộp bài kiểm tra, bài tự học theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn; Thực hiện tự giác, nghiêm túc giờ học cá nhân; Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS, TS. Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên) (2022), *Nhập môn Truyền thông đa phương tiện*, NXB Thông tin và Truyền thông
2. PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang (2017), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo

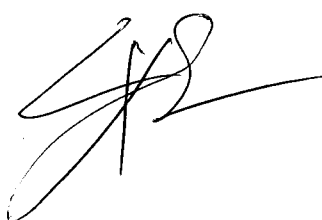
1. David Kirkpatrick (2010), *Hiệu ứng Facebook và cuộc cách mạng toàn cầu của mạng xã hội (sách dịch)*, Nxb Thế giới.
2. Trần Hữu Luyến, Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái.H. Đại học Quốc gia Hà Nội, (2015), *Mạng xã hội với sinh viên (Sách chuyên khảo)*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. USA, Social Media Policy Database, <http://socialmediagovernance.com/policies/>

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hằng Thu

VIỆN TRƯỞNG



18/11/11

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA XÃ HỘI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Xã hội học đại cương

Tên học phần bằng tiếng Anh: Introduction to sociology

Mã học phần: XH01001

Loại môn học: Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn

Số tín chỉ: 2 TC (2 tín chỉ, trong đó 1.5 tín chỉ LT; 0,25 tín chỉ thực hành; 0.25 tín chỉ tự học)

Số tiết học: 41,25 tiết (22.5 tiết lý thuyết; 7.5 tiết thực hành; 11,25 tiết tự học)

Số tiết học cá nhân: 58,75 tiết (trải nghiệm thực tế, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá...)

Loại học phần: *tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: phòng học có máy chiếu, mic, mạng wifi, thư viện có đầy đủ các học liệu liên quan đến học phần

Khoa/Bộ môn: Khoa Xã hội học và Phát triển

Văn phòng khoa: Phòng 904 – A1

Người phụ trách: TS. Nguyễn Thị Thúy Mai

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- TS Dương Thị Thu Hương, số điện thoại: 0986907421, email: duonghuong_xhh@yahoo.com
- TS. Phạm Võ Quỳnh Hạnh, số điện thoại: 0912789513, email: hanhhvbc@gmail.com
- ThS Đỗ Đức Long, số điện thoại: 0906221272, email: kenny_mos@yahoo.com
- ThS Phó Thanh Hương, số điện thoại: 0932310189, email: pho.thanh.huong@gmail.com.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu chung của môn học

Sau khi học xong môn học này sinh viên có thể có những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm, phương pháp nghiên cứu. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về môn học xã hội học làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: có kiến thức cơ bản, có khả năng nhận biết và giải thích các vấn đề xã hội và biết ứng dụng kiến thức xã hội học phục vụ cho các môn học khác

- *Kỹ năng*: có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp xã hội học vào nhận định vấn đề thực tiễn; kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện, tư duy logic

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes)

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Trình bày được bối cảnh ra đời, những người sáng lập, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học, các khái niệm cơ bản	- Thuyết giảng tương tác - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Đóng vai	- Kiểm tra chuyên cần - Giao bài tập về nhà - Hỏi đáp - Tự học, tự nghiên cứu tài liệu
CLO2	Nhận diện được các phương pháp nghiên cứu xã hội học và vận dụng để phân tích hiện tượng quá trình xã hội, vận dụng các phương pháp trong thu thập thông tin	- Thuyết giảng tương tác - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Thuyết trình - Bài tập - Làm việc nhóm
CLO3	Vận dụng các kiến thức của môn học để thiết kế một đề cương nghiên cứu xã hội học	- Thuyết giảng tương tác - Thảo luận nhóm	- Quan sát làm việc nhóm - Bài luận - Tự học, nghiên cứu tài liệu
CLO4	Có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập	- Thảo luận nhóm - Thực tế	- Thuyết trình - Bài luận - Quan sát làm việc nhóm - Tự học

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
		Lý thuyết		Thực hành				
		Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	5					2.5	CLO1 CLO2 CLO4
2	Sự ra đời và phát triển của xã hội học	5					2.5	CLO1 CLO4
3	Các khái niệm cơ bản của xã hội học: - Cơ cấu xã hội - Vị thế, vai trò - Nhóm xã hội - Văn hóa - Thiết chế xã hội - Hành động xã hội và tương tác xã hội - Xã hội hóa	5		2.5			2.5	CLO1 CLO4
7	Phương pháp nghiên cứu xã hội học - Khái niệm phương pháp nghiên cứu - Phương pháp định tính - Phương pháp định lượng - Các bước thực hiện nghiên cứu - Xây dựng đề cương nghiên cứu - Ứng dụng PP nghiên cứu trong việc lựa chọn chủ đề nghiên cứu: nông thôn, đô thị, gia đình, truyền thông	5	2.5	2.5		2.5	3.75	CLO 3 CLO4
Tổng		20	2.5	5	0	2.5	11,25	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		X	X		X						X	X
CLO2			X	X							X	X
CLO3			X	X							X	X
CLO4			X	X							X	X
Tổng hợp học phần		x	x		x						x	x

6. Phương pháp dạy

Các phương pháp cơ bản dùng trong giảng dạy học phần là thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm, thực hành thực tế, đóng vai, sinh viên thuyết trình....

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x
3. Giải quyết vấn đề				x
4. Nghiên cứu trường hợp				
5. Dạy học trải nghiệm			x	x
6. Nhập vai, mô phỏng	x	x		
7. Thực hành/thí nghiệm				
8. Dự án (Sản phẩm)				
9. Thực tế/thực tập				
10. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x

7. Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Các phương pháp học cơ bản được dùng trong học tập học phần là nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm, lập sơ đồ tư duy, thực tế, thuyết trình...

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x
Làm việc nhóm	x	x	x	x

Quan sát			X	X
Trao đổi với GV	X	X	X	X
Ghi nhớ chủ động	X	X	X	X
Đặt câu hỏi, phản biện	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy	X			
Học qua dự án				
Học qua trải nghiệm			X	

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Xã hội học đại cương

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Xã hội học đại cương			X													

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	CLOs
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	CLO1 CLO2 CLO4
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Bài tập nhóm, Thuyết trình, kiểm tra cá nhân, tự học	30%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Đánh giá cuối kỳ	Tự luận + Trắc nghiệm	50%	2,3,4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Thực hiện đúng theo yêu cầu của giảng viên: tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài; Nộp bài kiểm tra, tự học theo đúng thời gian; Tuân thủ theo các quy định trong quy chế đào tạo của Học viện)

- Giờ thực hành: Tham gia các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên (tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, thảo luận, làm bài tập nhóm; Nộp bài kiểm tra, tự học theo đúng thời gian; Tuân thủ theo các quy định trong quy chế đào tạo của Học viện)

- Giờ tự học, giờ cá nhân: Chủ động, tích cực các nội dung, yêu cầu của môn học theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên.

10. Học liệu

10.1 Học liệu Bắt buộc

1. Vũ Hào Quang, Lưu Hồng Minh (2014), Giáo trình Nhập môn xã hội học, NXB Lý luận Chính trị.

2. Lưu Hồng Minh (2014), Hỏi và đáp Xã hội học đại cương, Nxb Chính trị Hành chính.

10.2 Học liệu tham khảo

1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2012), Phương pháp nghiên cứu xã hội học, Nxb ĐHQG HN.

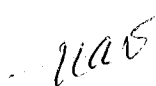
2. Bùi Quang Dũng, Lê Ngọc Hùng, (2005) Lịch sử Xã hội học, Nhà xuất bản Lý luận chính trị

3. Tonja r. Conerly và cộng sự (2022), Introduction to Sociology, Openstax – Rice University, American.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang TS. Nguyễn Thị Thúy Mai PGS,TS. Phạm Hương Trà

1971

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Tin học ứng dụng

Tên học phần bằng tiếng Anh: Applied Informatics

Mã học phần: ĐC01005

Loại môn học: Cơ sở

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành; 1 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (15 tiết lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 60 tiết.

2. Mục tiêu của học phần:

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2,3,4)

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: Có phòng máy tính/ máy tính cá nhân để minh họa giờ lý thuyết; thực hành nội dung thực hành; Tự học.

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa GDĐC & NVSP

Văn phòng khoa: Phòng 613, A1, Học viện BCTT

Người phụ trách: Ts. Trần Thị Thu Hiền

Điện thoại, email: 0912445299; tranthuhienajc@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy (nếu có):

1. TS. Trần Thị Thu Hiền

Điện thoại, email: 0912445299; tranthuhienajc@gmail.com

2. TS. Lữ Đăng Nhạc

Điện thoại, email: 0913538618; nhacld@gmail.com

3. TS. Lê Văn Hiếu

Điện thoại, email: 0912476242; hieuthaohh@gmail.com

4. Ths. Phạm Văn Bằng

Điện thoại, email: 0914265647; bangpv88@gmail.com

2.1. Mục tiêu chung

Người học sau khi hoàn thành khóa học sẽ có những hiểu biết về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể. Vận dụng hiệu quả vào công tác biên tập, xuất bản.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức: Có kiến thức, hiểu biết về công nghệ thông tin, những chỉ lệnh về hệ điều hành, chương trình soạn thảo văn bản, bảng tính, trình chiếu, và hệ quản trị cơ sở dữ liệu, có hiểu biết về hệ thống Internet, các lĩnh vực và ứng dụng từ Internet.

- Kỹ năng: Có kỹ năng thực hành công việc trên máy tính và một số ứng dụng về công nghệ thông tin, soạn thảo, định dạng tốt các loại văn bản. Lập bảng tính, tính toán thống kê tự động những nghiệp vụ cụ thể, lập báo cáo và có những thống kê cho bài toán quản lý. Tạo trình chiếu trong phục vụ công tác. Xây dựng cơ sở dữ liệu về một bài toán quản lý cụ thể, nhập và truy xuất dữ liệu theo yêu cầu, lập báo cáo thống kê công việc.

- Thái độ: Có tinh thần, thái độ nghiêm túc trong công việc, ứng dụng sự tích cực của công nghệ thông tin vào thực tiễn cuộc sống. Bảo vệ và xây dựng hệ thống công nghệ thông tin của tập thể, đơn vị nơi công tác.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTDG
CLO1	Hiểu một số kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, hệ thống máy tính, hệ điều hành, các tiện ích ứng dụng văn phòng, hệ thống kết nối mạng và các ứng dụng cơ bản dựa trên nền tảng mạng Internet; Sử dụng tốt các thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông sử dụng máy tính, mạng máy tính	- Thuyết trình - Vấn đáp - Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề	- Trắc nghiệm - Vấn đáp
CLO2	Sử dụng thành thạo ứng dụng Microsoft word trong soạn thảo	- Thuyết trình - Vấn đáp	- Vấn đáp - Thực hành

	vấn bản	- Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề - Thực hành	
CLO3	Sử dụng thành thạo ứng dụng Microsoft Powerpoint trong soạn thảo trình chiếu	- Thuyết trình - Vấn đáp - Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề - Thực hành	- Vấn đáp - Thực hành
CLO4	Sử dụng ứng dụng Microsoft Excel trong giải quyết các bài toán quản lý	- Thuyết trình - Vấn đáp - Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề - Thực hành	- Vấn đáp - Thực hành
CLO5	Có quan điểm, lập trường tư tưởng, thái độ đúng đắn, cách mạng trước các vấn đề về CNTT, vấn đề về chính trị xã hội trong đời sống thực tiễn.	- Thuyết trình - Vấn đáp - Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề - Thực hành	- Vấn đáp - Thực hành

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
	1	Chương 1. Tổng quan về Tin học I. Hiểu biết chung về máy tính điện tử II. Phần mềm và hệ điều hành. III. Mạng máy tính	5					5	1; 5

	2	Chương 2. Ứng dụng Microsoft Word I. Giới thiệu chung II. Soạn và định dạng văn bản				5		5	1;2;5
	3	III. Các đối tượng trong word IV. Các tính năng mở rộng trong Microsoft word					5	5	1;2;5
	4	Chương 3: Ứng dụng Microsoft PowerPoint I. Giới thiệu chung II. Soạn và định dạng bài trình chiếu	5					5	1;3;5
	5	III. Hiệu ứng trong MS PowerPoint IV. Một số tính năng mở rộng trên Powerpoint					5	5	1;3;5
	6	Chương 4: Ứng dụng Microsoft Excel II. Giới thiệu chung II. Soạn thảo và định dạng bảng tính III. Các nhóm hàm cơ bản trong Excel (1)	5					5	1;4;5
	7	III. Các nhóm hàm cơ bản trong Excel (2)				5		5	1;4;5
	8	IV. Cơ sở dữ liệu trong Excel V. Ứng dụng Excel trong các bài toán quản lý				5		5	1;4;5
	9	Chương 5. Ứng dụng biên tập đa phương tiện cơ bản - Ôn tập kiểm tra				5		5	1;2;3;4;5
Tổng số			15			20	10	45	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	x									
CLO2			x							
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

Lưu ý: Kiến thức: từ mức 1 đến mức 6

Kỹ năng và năng lực: từ mức 1 đến mức 5

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Giảng lý thuyết	x	x	x	x	
Hỏi đáp	x	x	x		x
Phỏng vấn nhanh	x				
Thảo luận nhóm, chuyên đề	x		x	x	x
Giải quyết vấn đề	x	x	x		
Hướng dẫn tự học	x	x	x	x	
Bài tập thực hành		x	x	x	

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Nghe giảng, ghi chép	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x

Lập sơ đồ tư duy		x	x	x	
Làm việc nhóm	x	x	x	x	
Giải quyết tình huống	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%

TT	Tên học phần	Trực tiếp
		Vấn đáp + Thực hành
1	Tin học ứng dụng	x

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá:

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số	CLOS
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Vấn đáp + Thực hành	30%	2,3,4
Đánh giá cuối kỳ	Vấn đáp + Thực hành	50%	2,3,4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học. Thời gian học bắt buộc theo quy định hiện hành của Học viện. Làm bài và nộp bài kiểm tra theo đúng cách thức

Thực hành: Tham dự đầy đủ các buổi học. Tích cực và hoàn thiện nhiệm vụ tự học, chuẩn bị bài mới, tham gia thảo luận trên lớp. Làm bài và nộp bài kiểm tra theo đúng cách thức

Tự học, giờ cá nhân: Làm bài và nộp bài kiểm tra theo đúng cách thức, thời hạn quy định. Nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn, vi phạm quy chế đạo văn sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Trần Thị Thu Hiền (2013), *Giáo trình Tin học ứng dụng*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Lữ Đăng Nhạc (2015); *Bài tập Tin học ứng dụng*; Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

2. Tài liệu theo giáo trình Microsoft Office Specialist (MOS): Word 2010 – Excel 2010 – PowerPoint 2010

3. CCI Learning Solutions Inc (2012), IC3 – Internet and Computing Core Certification Guide, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

10.2. Học liệu tham khảo

1. <https://support.office.com/en-ie/article/download-office-2010-training-7f477c0f-d72f-4848-b960-98bf08d779ab>

2. Đỗ Mạnh Dũng, Thủ thuật trong Sử dụng Internet, Nxb Văn hóa Thông tin

3. Hồ Trọng Long, Nguyễn Phước Đại, Nguyễn Duy Hoàng Mỹ, Nhập môn Microsoft Access, Nhà XB Thống kê

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



Lữ Đăng Nhạc

TRƯỞNG KHOA



Trần Thị Thu Hiền

2017

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 1**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **General English 1**

Mã học phần: **NN01015**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: **ThS. Dương Thị Hào**

Điện thoại, email: **0985573743 – haoduong27475@gmail.com**

Các giảng viên tham gia giảng dạy: **Đội ngũ giảng viên tiếng Anh Khoa Ngoại ngữ. (23 giảng viên có danh sách phần Phụ lục)**

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2- Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở bậc sơ cấp dùng trong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ **Ngữ âm:** Trang bị kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh (gồm trọng âm từ, diên xđạt thông tin quan trọng, phụ âm ngắn và dài /i/ and /i:/, /ʌ/, /æ/ and /ɑ:/; âm – (ed), sự thay đổi âm trong lời nói nhanh, các từ bắt đầu bằng phụ âm /p/ and /b/, phụ âm /f/ and /v/, dạng phát âm yếu của giới từ, mạo từ, viết tắt của động từ tự).

+ **Ngữ pháp:** Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc sơ cấp trong khung năng lực ngoại ngữ (gồm các thời động từ thường xuyên được sử dụng trong giao tiếp (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành với ever và never, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, Tương lai đơn, Tương lai gần (be going to), câu điều kiện loại 0 và loại 1, will và won't dùng cho diễn đạt lời hứa, lời mời, các quyết định tức thời, cấu trúc của động từ (-ing và to + infinitive) .

+ **Từ vựng:** Trang bị từ vựng liên quan đến các chủ đề thường gặp trong giao tiếp hằng ngày như tính từ chỉ tính cách, vật dụng, đồ ăn, mục tiêu, tham vọng, tính từ cự đoan (không phân mức), du lịch. đại từ (nhân xưng, sở hữu, chỉ định, chỉ lượng, bất định, quan hệ), mạo từ, tính từ chỉ tần suất, giới từ, từ nối đơn giản.

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa, giao thoa văn hóa có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ thể hiện các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

- **Kỹ năng**

+ **Đọc hiểu:** Có thể đọc lướt tìm thông tin chung, hiểu được thông qua nhận dạng từ đồng nghĩa, đại từ xác định và đại từ bất định, hiểu được cấu trúc của bài viết, đọc tìm thông tin chi tiết, tìm được nghĩa thông qua ngữ cảnh, trong các văn bản về các chủ đề quen thuộc (bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.)

+ **Nghe hiểu:** Có thể nghe hiểu được ý kiến các nhân, xử lý được khi gặp các từ không quen thuộc, nghe nhận diện lý do, các yếu tố thêm vào trong lời nói, nghe hiểu ý chính, nghe hiểu có sử dụng trải nghiệm bản thân, hoặc những hiểu biết có sẵn.

+ **Viết:** Có thể viết được sơ lược thông tin bản thân với phong cách viết khác nhau, viết đưa ra lý do, đưa ra được những hướng dẫn ngắn một cách rõ ràng, thể hiện được sự thân thiện và rõ ràng trong viết các tin nhắn trên Internet, viết thư ngắn sử dụng ngôn ngữ trang trọng hoặc thân tình.

+ **Nói:** Có thể giao tiếp tương đối thành công và phù hợp về văn hoá với những người gặp lần đầu, thể hiện sự hứng thú khi giao tiếp, đưa ra lý do, và phản hồi mang tính khuyến khích trong giao tiếp, thể hiện sự uyển chuyển trong giao tiếp về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực trong cuộc sống hằng ngày như học tập, du lịch, nơi chốn, mơ ước, đồ ăn, kế hoạch, ước mơ, hoài bão,...

+ **Kỹ năng tư duy phản biện:** Hình thành, phát triển kỹ năng tư duy phản biện với công cụ ngôn ngữ Tiếng Anh trong phân tích, đánh giá, nhận diện được mục đích, ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong giao tiếp, nhận diện thái độ, phân tích lựa chọn thông tin trong văn bản.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Hình thành ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Anh như đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Nhận diện và ghi nhớ các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp thuộc bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A1 Khung CEFR)	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Hiểu được các cấu trúc câu, cấu trúc văn bản, cách sử dụng của các cấu trúc ngữ pháp được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản về các chủ đề quen thuộc (các thông tin về gia đình, bản thân, học tập, ...).	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, diễn đạt bản thân như viết notes, email, đoạn văn có liên kết, và trong tương tác với người nói tiếng Anh một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.	Bài tập tình huống, cho người học đóng vai, Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO4	Phân tích, đánh giá được mục đích, ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong giao tiếp, phân tích lựa chọn thông tin trong tình huống giao tiếp và trong văn bản đơn giản, quen thuộc.	Bài tập tình huống, cho người học đóng vai, luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO5	Hình thành ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, hoạt động tự học, tự rèn	Luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự

	luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Anh như đọc, nghe tiếng Anh, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, chủ động tra cứu kiến thức, tìm hiểu thông tin phục vụ môn học, có kỹ năng làm việc nhóm, cặp.	cá nhân, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	học
--	--	--	-----

3. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	PLT	PTH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	COURSE INTRODUCTION AND PRE-TEST	0		5			0	
2	2	UNIT 1 (5 tiết) - All about me • Unit opener • 1 A: Knowing you knowing me • 1 B: How often do you go out? Language knowledge: - Grammar: adverbs of frequency - Vocabulary: personality adjectives Skills: - Reading: Skimming - Critical thinking: recognizing the purpose of a text - Listening: an explorer talks about her personality; - Communication skill: talking about personalities, asking	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		how often, talking about regular activities Self-study: Spark platform unit 1: Video 1 + Reading 1 +2 + Grammar 1,2 + Progress check 1,2,3,4						
3	3	UNIT 1 (5 tiết) - All about me (cont) • 1C: My best self • 1 D: Talking to people you don't know • 1 E: Me in a few words Language knowledge: - Pronunciation: stressing words to express strong opinions, saying long and short sounds (1): /i:/ and /ɪ/ - Grammar: present simple and present continuous Skills: - Listening: Listening for opinions in an interview - Speaking: talking about personality characteristics, talking about present situations, learn strategies for talking to people you don't know, expressing agreement and disagreement - Writing: Recognizing different writing styles, writing a personal profile; adapting your writing	2	3			1.5	1,2,3,5

		style Self-study: Spark platform unit 1: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 1,2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9						
4	4	UNIT 2 (5 tiết) - Memory • Unit opener • 2 A: Knowing you knowing me • 2 B: How often do you go out? Language knowledge: - Pronunciation: saying past form endings (-ed) - Grammar: past simple Skills: - Reading: a blog post about memory, understanding reference (1): recognizing synonyms - Critical thinking: thinking about the quality of information - Communication skill: Talking about the past Self-study: Spark platform unit 2: Video 1 + Reading 1 +2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4	2		3	1.5	1,2,3,5	

5	5	UNIT 2 (5 tiết) - Memory (cont) • 2 C: How to remember new things • 2 D: Showing interest when listening • 2 E: Happy memory Language knowledge: - Pronunciation: understanding fast speech: how words change - Grammar: making questions with 'be' and 'do' - Vocabulary: school subjects Skills: - Reading: a blog post about memory, understanding reference (1): recognizing synonyms - Listening: an explorer talks about how she remembered things at school, dealing with unfamiliar vocabulary - Writing: Write a story; giving reasons - Critical thinking: thinking about the quality of information - Communication skill: showing interest when listening, responding actively in conversation Self-study: Spark platform unit 2:	2.5	2.5	1.5	1,2,3,4,5
---	---	--	-----	-----	-----	-----------

		Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9						
6	6	UNIT 3 (5 tiết) - Food for thought • Unit opener • 3 A: Favourite dishes • 3 B: A recipe for disaster Language knowledge: - Pronunciation: understanding weak forms (1): was and were; - Vocabulary: food - Grammar: past simple and past continuous Skills: - Reading: an article about where foods come from; understanding how a text is organized - Critical thinking: recognizing direct and indirect ideas; solving possible problems - Communication skill: Planning a special meal Self-study: Spark platform unit 3: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4	2		3	1.5	1,2,3,5	

7	7	UNIT 3 (5 tiết) - Food for thought (cont) • 3 C: Eating out • 3 D: Making your reasons clear • 3 E: Comfort food recipe Language knowledge: - Pronunciation: stressing words to express meaning - Vocabulary: Vocabulary for eating at a restaurant - Grammar: indefinite pronouns Skills: - Listening: an interview with a restaurant owner; listening for reasons - Writing: Writing a recipe; giving clear instructions - Critical thinking: recognizing direct and indirect ideas; - Communication skill: Talking about restaurant experiences, making your reasons clear Self-study: Spark platform unit 3: video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9	2.5	2.5		1.5	1,2,3,4,5	
8	8	UNIT 4 (5 tiết) - Goals and ambition • Unit opener • 4 A: Achieving		2		3	1.5	1,2,3,5

		your ambitions • 4 B: Setting goals Language knowledge: - Pronunciation: understanding weak forms (2): prepositions and articles; - Vocabulary: food - Grammar: future plans: 'going to' and 'present continuous' for future plans Skills: - Reading: an online article about a climber; scanning - Critical thinking: categorizing - Listening: Listen to people talking about their goals - Communication skill: Talking about ambitions Self-study: Spark platform unit 4: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4							
9	9	UNIT 4 (5 tiết) - Goals and ambition (cont) • 4 C: What motivates you? • 4 D: Giving encouraging feedback • 4 E: Language learning goals Language knowledge: - Pronunciation: saying words beginning with /p/	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		and /b/ - Vocabulary: Vocabulary for motivation - Grammar: will and won't for promises, offers and spontaneous decisions Skills: - Reading: an online forum - Listening: a podcast about motivation; recognizing files - Writing: an online forum; using apostrophes, writing about language learning goals - Critical thinking: recognizing direct and indirect ideas; - Communication skill: Talking about motivations, giving encouraging feedback Self-study: Spark platform unit 4: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
10	10	ÔN TẬP + KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4			1.5	
11	11	UNIT 5 (5 tiết) - Home and away • Unit opener • 5 A: A tidy house makes a calm home • 5 B: If you are in town, call me! Language		2			3	1.5	1,2,3,5

		knowledge: - Pronunciation: understanding contractions of auxiliary verbs - Vocabulary: food - Grammar: future plans: 'going to' and 'present continuous' for future plans Skills: - Reading: a review of a TV series; finding meaning (1): using context - Critical thinking: identifying a writer's opinion; Communication skill: Discussing the advantages and disadvantages of being tidy Self-study: Spark platform unit 5: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4						
12	12	UNIT 5 (5 tiết) - Home and away (cont) • 5 C: That was the weirdest place! • 5 D: Showing flexibility • 5 E: We're looking forward to our stay Language knowledge: - Pronunciation: saying /f/ and /v/ - Vocabulary: extreme adjectives, phrases to show you are a flexible guest - Grammar:	2.5	2.5			1.5	1,2,3,4,5

		comparatives and superlatives Skills: - Listening: explorers talk about memorable places they have stayed; understanding the key points - Critical thinking: prioritizing - Communication skill: showing flexibility, talking about experiences of being a guest - Writing: online messages; being clear and friendly in messages Self-study: Spark platform unit 5: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9						
13	13	UNIT 6 (5 tiết) - Journeys • 6 C: • 6 D: Daily journeys • 6 E: The most memorable journey I've ever made Language knowledge: - Pronunciation: saying long and short sounds (2): /ɑ:/, /ʌ/ and /æ/; - Grammar: present perfect with ever/never Skills: - Reading: an article	2.5	2.5			1.5	1,2,3,5

		about unusual ways to get to work; understanding reference (2): pronouns and determiners - Listening: a bird expert talking about bird journeys; - Critical thinking: choosing the best option - Communication skill: Using present perfect to talk about experiences Self-study: Spark platform unit 6: Video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4						
14	14	UNIT 6 (5 tiết) - Journeys (cont) • Unit opener • 6 A: Daily journeys • 6 B: The most memorable journey I've ever made Language knowledge: - Pronunciation: noticing difficult consonant sounds - Vocabulary: air travel - Grammar: verb patterns: -ing and to + infinitive Skills: - Reading: an article about unusual ways to get to work; understanding reference (2): pronouns and determiners		2			3	1.5 1,2,3,4,5

		- Listening: using information you already know - Critical thinking: choosing the best option - Communication skill: understanding other English speakers, checking understanding - Writing: an email to a travel company; writing online messages, choosing informal or more formal language in emails Self-study: Spark platform unit 6: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
15	15	REVIEW UNIT 1 -6 - SELF-STUDY FOR EXAMS (TOPICS FOR SPEAKING AND WRITING ARE GIVEN)	2		3			3	1,2,3,4,5
		TỔNG	20	10	30		15	22,5	

4. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										

CLO5										
Tổng hợp học phần										

5. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin	x	x			
Dạy theo tình huống, cho người học đóng vai	x	x	x	x	
Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược	x	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành cá nhân ở nhà, chữa và nhận xét	x	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x	x

4. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x	x

5. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 1:
 - + Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp – hình thức trực tiếp
 - + Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số

1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 1

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9..Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập về nhà theo đúng thời hạn quy định theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- Emily Bryson & Christien Lee, 2022, *Voices - Pre-Intermediate (Vietnam Edition) – Student's Book & Workbook*. National Geographic Learning.

10.2. Học liệu tham khảo

- Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles, 2008. *Destination B1 Grammar & Vocabulary*, Macmillan
- McCarthy, M. & O'Dell, F, 1999. *English Vocabulary in Use –Intermediate*. Cambridge: CUP
- Raymond Murphy, 2017. *English Grammar in Use 4th Edition*, Cambridge: CUP.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context Basic, 7th editon*, National Geographic Learning.

- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 1*, 7th editon, *National Geographic Learning*.
- Stuart Redman. 2017. *English vocabulary in use Pre-Intermediate 4th edition*, Cambridge: CUP

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

Dương Thị Thúy Hằng

Nguyễn Thị Việt Nga

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY TIẾNG ANH HỌC
PHẦN 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, GVC	0904226044	nguyenthivietnga.ajc@gmail.com
2.	Dương Thị Hào (PK)	ThS, GVC	0985573743	duonghao75@gmail.com
3.	Nguyễn Thị Hương (PK)	TS, GV	0903430786	huongnguyen041281@gmail.com
4.	Lương Bá Phương	TS, GVC	0912656717	ltphuong2012@gmail.com
5.	Hoàng Thị Minh Ánh	ThS, GV	0987063355	anh.hn.vn@gmail.com
6.	Nguyễn Thị Thúy Huệ	ThS, GV	0987805985	nguyenthuyhue.9285@gmail.com
7.	Thân Văn Thanh	ThS, GVC	0936296899	thanhta88@gmail.com
8.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS, GV	0969858911	hongnhung.nguyen1109@gmail.com
9.	Phạm Thị Hà	ThS, GV	0963576468	phamha031090@gmail.com
10.	Nguyễn Thùy Linh	ThS, GV	0973348927	reinguyen.kum90@gmail.com
11.	Chu Thị Bích Liên	ThS, GVC	0989331668	bichlienqtt@gmail.com
12.	Trương Thủy Chung	ThS, GV	01289108269	chungtt82@gmail.com
13.	Dương Thị Thúy Hằng	ThS, GVC	0978406207	lamcdgt@gmail.com
14.	Lê Thị Phụng	ThS, GVC	0984353169	ltphuong96@gmail.com
15.	Trịnh Thị Thu Hiền	ThS, GV	0989196885	huyhienminh@yahoo.com
16.	Vũ Ngọc Long	ThS, GV	0974840391	vnlong.teacher@gmail.com
17.	Lê Ngọc Oanh	ThS, GV	0987069868	ngocoanh.le@gmail.com
18.	Phạm Thu Giang	ThS, GV	0983831884	phamthugiang888@gmail.com
19.	Trần Thị Vân Thùy	ThS, GV	0983230159	tranvanthuy0712@gmail.com
20.	Đỗ Quang Khang	ThS, GV	0983311966	doquangkhang28@gmail.com
21.	Nguyễn Hữu Hoàng	ThS, GV	0972252155	huuhoang309@gmail.com
22.	Hoàng Thị Dung	ThS, GV	0945975891	hoangdung.hulis@gmail.com
23.	Nguyễn Tuấn Anh	ThS, GV	0912838728	tuananh.nguyen2106@gmail.com

24/11/2023

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 2**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **General English 2**

Mã học phần: **NN01016**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: **Tiếng Anh cơ bản 1**

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: **ThS. Dương Thị Hào**

Điện thoại, email: **0985573743 – haoduong27475@gmail.com**

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Anh Khoa Ngoại ngữ. (23 giảng viên có danh sách phần Phụ lục)*

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2 cao và bậc 3 thấp, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với mức A2+, B1- Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR). Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện 4 kỹ năng. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, sức khỏe, giải trí; công nghệ, trải nghiệm, có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

• **Kiến thức**

+ **Ngữ âm:** Hiểu được sự khác biệt về giọng nói, kết nối trong bài nói, các âm cuối /-s, /g/, /k/, /w/, /j/, nguyên âm /tj/ và /dʒ/, nguyên âm ngắn và dài ((3):, /ɔ:/ và /o/), từ bắt đầu bằng /str/.

+ **Ngữ pháp:** Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc sơ cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ (mệnh đề quan hệ, so sánh quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, câu trực tiếp – gián tiếp, câu bị động, động từ khuyết thiếu dùng cho phỏng đoán và khả năng, câu điều kiện loại 2)

+ **Từ vựng:** Trang bị từ vựng ở bậc sơ cấp thấp như danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ nối đơn giản liên quan đến các chủ đề môi trường, nghề nghiệp, sức khỏe, film ảnh, truyền hình, công nghệ, các tính từ miêu tả cảm xúc.

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa, phục vụ giao tiếp liên quan đến việc thuyết phục, gây thiện cảm trong phỏng vấn, nói “không” lịch sự trong tình huống giao tiếp, thể hiện sự tôn trọng với người khác, hay sử dụng ngôn ngữ tìm kiếm sự giúp đỡ.

• **Kỹ năng:**

+ **Kỹ năng đọc:** Đọc hiểu tìm kiếm thông tin sử dụng định nghĩa, hiểu được văn bản cấu trúc nguyên nhân – kết quả, nhận diện được ví dụ minh họa, bổ sung cho ý chính, hiểu được diễn tiến của câu chuyện, nhận diện được loại văn bản và thông điệp, nhận biết được cách diễn giả.

+ **Kỹ năng nghe:** Có thể nghe đoán nội dung hội thoại, tạo bản đồ tư duy khi nghe, hiểu được ý chính trong văn bản, ghi chép trong khi nghe, các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng; có thể nghe một đoạn độc thoại hay một cuộc phỏng vấn dài hơn để nhận diện và hiểu thông tin chi tiết.

+ **Kỹ năng viết:** Có thể viết bài đăng trên blog; CV, nhật ký cuốn hút sự chú ý của người đọc, đưa ra ý kiến cá nhân trong bài đánh giá, biết viết đoạn văn và câu chủ đề, hiệu đính và kiểm tra thông tin, đưa ra các thông tin thực tế trong báo cáo, trình bày các thông tin cần thiết trong các phúc đáp bằng văn bản trên mạng.

+ **Kỹ năng nói:** Có thể diễn đạt bày tỏ quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn; có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích thuyết phục, từ chối vấn đề nảy sinh.

+ **Kỹ năng tư duy phản biện:** Tìm kiếm sự kết nối, đánh giá, phân tích và kết hợp được các nguồn thông tin khác nhau, thể hiện, phản ánh những tác động đến cảm xúc trong giao tiếp, tìm kiếm những điểm tích cực trong ngữ cảnh tình huống tiêu cực, nhận diện những giá trị, kết nối chủ đề với ý kiến cá nhân và những trải nghiệm, đưa ra kết luận, nhận định.

• **Mức tự chủ và trách nhiệm**

Chủ động tham gia các hoạt động học tập, thể hiện ý thức và trách nhiệm, sự tự chủ trong các hoạt động nhóm, cặp, có ý thức tự nghiên cứu và tự học, chủ động tiếp cận khai thác tài liệu, chủ động, tích cực tiếp xúc với ngôn ngữ ngoài giờ học nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng, hình thành tư duy phản biện.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Ghi nhớ các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp thuộc bậc 2 cao và bậc 3 thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương bậc A2 ⁺ - B1 ⁻ Khung CEFR)	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Hiểu được ý chính của các văn bản, các thông báo ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản, các ý chính của các văn bản chuẩn mực, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng.	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ ở bậc sơ cấp thấp để giao tiếp không cần chuẩn bị trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi tôi sinh sống liên quan đến sở thích cá nhân, cuộc sống hoặc thời sự hàng ngày (gia đình, sở thích, công việc, du lịch, và các sự kiện đang diễn ra, viết một lá thư cá nhân rất đơn giản, notes, email, bài viết về những chủ đề trên.	Dạy học theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO4	Phân tích, đánh giá các tình huống giao tiếp, các văn bản bằng Tiếng Anh để kết hợp được các nguồn thông tin khác nhau, những tác động đến cảm xúc trong	Dạy học theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

	giao tiếp, tìm kiếm những điểm tích cực trong những tình huống tiêu cực, những giá trị, ý kiến cá nhân và những trải nghiệm, đưa ra kết luận, nhận định.	phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	
CLO5	Thể hiện ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Anh như đọc, nghe tiếng Anh, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, thông qua kết quả của các hoạt động tự học.	Lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự học

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

Nội dung học phần và hình thức giảng dạy									
TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	COURSE INTRODUCTION AND PRE-TEST	0		5			0	
2	2	UNIT 7– Inspiration for change (5 tiết) • Unit opener • 7A Reading and speaking use definitions to find meaning in a text; find connections between pieces of information; talk about invention • 7B Listening and grammar, pronunciation, speaking listen to people talking about things that inspire them; use	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		defining relative clauses to describe a person, place or thing; understand different accents Self-study: Spark platform unit 7: A,B, Progress check 1,2,3,4							
3	3	UNIT 7 - Inspiration for change (cont) • 7C Listening, vocabulary, grammar, pronunciation and speaking listen and predict the content of a conversation; talk about protecting the environment; talk about past habits with <i>used to</i> ; understand elision in fast speech • 7D Speaking understand different ways to persuade people and practise persuading someone • 7E Writing use paragraphs and topic sentences; practise ways of introducing topics; write about an inspiring role model Self-study: Spark platform unit 7: C, D, E, Progress check 5,6,7,8,9	2		3			1.5	1,2,3,4,5
4	4	UNIT 8 - The world of work • Unit opener • 8A Reading and speaking understand cause and effect in an article; combine information		2			3	1.5	1,2,3,5

		from different sources to decide on your opinion; talk about how the world of work is changing • 8B Reading and grammar, pronunciation and speaking understand an article about living without money; use the present perfect to talk about past experiences; practise saying /n/ at the end of a word Self-study: Spark platform unit 8: A,B, Progress check 1,2,3,4							
5	5	UNIT 8 - The world of work (cont) • 8C Vocabulary, listening, grammar and speaking talk about jobs; make a mind map to help understand an interview; use <i>yet</i>, <i>just</i> and <i>already</i> with the present perfect • 8D Speaking and reading, pronunciation and speaking • practise making a good impression in an interview; use positive language in an interview; understand linking sounds • 8E Writing • practise proofreading and checking information; learn how to write about your skills and experience; write a CV	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		Self-study: Spark platform unit 8: C, D, E, Progress check 5,6,7,8,9							
6	6	UNIT - Health and happiness • Unit opener • 9A Reading and speaking understand an article about experiencing no pain; identify supporting examples; reflect on our emotional reactions to a text; talk about aches and pains and how to treat them • 9B Reading and grammar, speaking understand the main points of a blog post; use second conditionals; talk about what you would do in imagined situation Self-study: Spark platform unit 9: A,B, Progress check 1,2,3,4		2			3	1.5	1,2,3,5
7	7	UNIT 9 - Health and happiness (cont) • 9C Speaking and reading, listening, vocabulary, grammar, pronunciation use words and phrases to talk about health; follow the main points of a monologue and follow tips to stay positive when you don't understand everything you hear; use <i>must</i> , <i>have to</i> and <i>should</i> to talk about rules and advice; pronounce long and	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		short sounds /ɔ:/ and /ɒ/ • 9D Speaking and pronunciation practise saying 'no' when you need to; give reasons, ask for more time or suggest other solutions to say 'no' politely; understand negative auxiliaries in speech • 9E Writing write an online gratitude diary; keep readers interested by keeping posts short, adding interesting details, sharing feelings and giving reasons, writing about senses and fiding the positive in negative situations Self-study: Spark platform unit 9: C, D, E Progress check 5,6,7,8,9							
8	8	UNIT 10 - Entertainment • Unit opener • 10A Reading and speaking understand sequence and identify the moral in two traditional folk tales • 10B Listening and grammar, pronunciation, speaking understand people talking about their experiences of performing; use the past perfect to talk about things that		2			3	1.5	1,2,3,5

		happened before another past event; hear and understand the contracted 'd sound when using past perfect Self-study: Spark platform unit 10: A, B, Progress check 1,2,3,4							
9	9	UNIT 10 - Entertainment (cont) • 10C Listening, vocabulary, grammar, speaking listen for general meaning in a conversation or interview; talk about favourite books, films and TV series; use articles correctly (<i>a, an, the</i> , no article) • 10D Speaking and pronunciation use language to show a relationship is important to you; say words starting with /str/ • 10E Writing write a review of a show or performance; give your opinion, describe the story and give recommendations Self-study: Spark platform unit 10 C, D, E, Progress check 5,6,7,8,9	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5
10	10	ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4			1.5	
11	11	UNIT 11 - Challenges • Unit opener • 11A Reading and speaking recognize genre and message in a text and connect a topic		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		to personal experience; discuss ideas for social media challenges • 11B Reading and grammar, pronunciation, speaking understand an article about a personal challenge; report what other people have said; understand the way speakers pronounce <i>told</i> in connected speech Self-study: Spark platform unit 11 A,B,C, Progress check 1,2,3,4							
12	12	UNIT 11 - Challenges (cont) • 11C Reading, listening, vocabulary, grammar and speaking listen for signposts in an interview; describe emotions; talk about things that you know how to do, that you're allowed to do and that are possible. • 11D Speaking and pronunciation practise ways of asking for help; clearly pronounce voiced /tʃ/ and /dʒ/ at the end of words; roleplay situations in which you get help • 11E Writing write a report about classroom challenges; learn how to introduce	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		a report, order tasks, state facts and conclude a report Self-study: Spark platform unit 11: C, D, E, Progress check 4,6,7,8,9							
13	13	UNIT 12 – Technology (5 tiết) • Unit opener • 12A Reading and speaking understand an article about upcycling old devices to make art; recognize paraphrase in a text; draw conclusions from a text; talk about upcycling and what you do with old technological items • 12B Listening and grammar, pronunciation and speaking understand a talk about how technology has changed our world; understand and use the passive voice correctly; say –s sounds at the ends of words; talk about how robots could help humans in the future Self-study: Spark platform unit 12: A, B, Progress check 1,2,3,4	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5
14	14	UNIT 12 - Technology (cont) • 12C Vocabulary, listening, grammar, pronunciation and speaking use words and phrases related to technology; take notes when listening to an		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		interview; make predictions about the future using modals of prediction and possibility; practise saying /g/ and /k/ sounds • 12D Speaking learn how to take turns on a group video call; learn useful language for managing a group video call; practise having a group discussion • 12E Writing complete an online returns form; describe a problem and include only necessary information when you write Self-study: Spark platform unit 12: C,D,E Progress check 5,6,7,8,9							
15	15	COURSE REVIEW UNIT SELF-STUDY FOR EXAMS (PROGRESS CHECK & TESTS)	2		3			3	1,2,3,5
		TỔNG	20	10	30		15	22,5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

6. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin	x	x			
Dạy theo tình huống, cho người học đóng vai,	x	x	x	x	
Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược	x	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành cá nhân ở nhà, chữa và nhận xét	x	x	x	x	x
Giao các chủ đề giao tiếp dựa vào bài học để người học quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Rèn luyện, thực hành các kiến thức, kỹ năng TA giao tiếp cơ bản, tiến hành quay video dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 2:
- + Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp – hình thức trực tiếp
- + Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 10 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số

1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 2

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập về nhà theo đúng thời hạn quy định theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

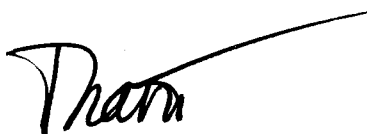
- Emily Bryson & Christien Lee, 2022, *Voices - Pre-Intermediate (Vietnam Edition) – Student's Book & Workbook*. National Geographic Learning.

10.2. Học liệu tham khảo

- Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles, 2008. *Destination B1 Grammar & Vocabulary*, Macmillan
- McCarthy, M. & O'Dell, F, 1999. *English Vocabulary in Use –Intermediate*. Cambridge: CUP
- Raymond Murphy, 2017. *English Grammar in Use 4th Edition*, Cambridge: CUP.

- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context Basic*, 7th editon, National Geographic Learning.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 1*, 7th editon, National Geographic Learning.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 2*, 7th editon, National Geographic Learning.
- Stuart Redman. 2017. *English vocabulary in use Pre-Intermediate 4th edition*, Cambridge: CUP

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



Dương Thị Hào

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Việt Nga



PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIÁNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY
TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, GVC	0904226044	nguyenthivietnga.ajc@gmail.com
2.	Dương Thị Hào (PK)	ThS, GVC	0985573743	duonghao75@gmail.com
3.	Nguyễn Thị Hương (PK)	TS, GV	0903430786	huongnguyen041281@gmail.com
4.	Lương Bá Phương	TS, GVC	0912656717	ltphuong2012@gmail.com
5.	Hoàng Thị Minh Ánh	ThS, GV	0987063355	anh.hn.vn@gmail.com
6.	Nguyễn Thị Thúy Huệ	ThS, GV	0987805985	nguyenthuyhue.9285@gmail.com
7.	Thân Văn Thanh	ThS, GVC	0936296899	thanhta88@gmail.com
8.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS, GV	0969858911	hongnhung.nguyen1109@gmail.com
9.	Phạm Thị Hà	ThS, GV	0963576468	phamha031090@gmail.com
10	Nguyễn Thùy Linh	ThS, GV	0973348927	reinguyen.kum90@gmail.com
11	Chu Thị Bích Liên	ThS, GVC	0989331668	bichlienkqt@gmail.com
12	Trương Thủy Chung	ThS, GV	01289108269	chungtt82@gmail.com
13	Dương Thị Thúy Hằng	ThS, GVC	0978406207	lamcdgt@gmail.com
14	Lê Thị Phượng	ThS, GVC	0984353169	ltphuong96@gmail.com
15	Trịnh Thị Thu Hiền	ThS, GV	0989196885	huyhienminh@yahoo.com
16	Vũ Ngọc Long	ThS, GV	0974840391	vnlong.teacher@gmail.com
17	Lê Ngọc Oanh	ThS, GV	0987069868	ngocoanh.le@gmail.com
18	Phạm Thu Giang	ThS, GV	0983831884	phamthugiang888@gmail.com
19	Trần Thị Vân Thùy	ThS, GV	0983230159	tranvanthuy0712@gmail.com

24.	Đỗ Quang Khang	ThS, GV	0983311966	doquangkhang28@gmail.com
25.	Nguyễn Hữu Hoàng	ThS, GV	0972252155	huuhoang309@gmail.com
26.	Hoàng Thị Dung	ThS, GV	0945975891	hoangdung.hulis@gmail.com
27.	Nguyễn Tuấn Anh	ThS, GV	0912838728	tuananh.nguyen2106@gmail.com

82.ĐTV

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 3**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **General English 3**

Mã học phần: **NN01017**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 3

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1 & 2

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: **ThS. Dương Thị Hào**

Điện thoại, email: **0985573743 – haoduong27475@gmail.com**

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Anh Khoa Ngoại ngữ. (23 giảng viên có danh sách phần Phụ lục)*

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như nét nhận diện bản thân, sự thành công, làm việc cùng nhau, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương bậc B1 Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp

hàng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, công việc, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán..

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ **Ngữ âm:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm Tiếng Anh (gồm các nguyên âm ngắn và dài, các phụ âm, nguyên âm đôi, trọng âm câu, âm cuối, nhóm nguyên âm, các nguyên âm hữu thanh và vô thanh, nối âm và phát âm dạng yếu)

+ **Ngữ pháp:** Trang bị cho sinh viên kiến thức các hiện tượng ngữ pháp và cấu trúc ở bậc trung cấp (Như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các thì ở quá khứ, câu điều kiện loại 0,1 và 2, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, cấu trúc với used to, would, have to, must, make và let, lượng từ, và tính từ đuôi -ed và đuôi -ing)

+ **Từ vựng:** Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống (như tính từ chỉ tính cách, cụm từ liên quan đến công việc, động từ ghép – cụm động từ, giới từ phụ thuộc, tính từ miêu tả cảm xúc và các từ miêu tả về thị trấn và thành phố)

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa, giao thoa văn hóa của các nước nói tiếng Anh có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh) thể hiện các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.

- Kỹ năng

+ **Đọc hiểu:** Có thể đọc hiểu ở mức chấp nhận các văn bản (thư từ, câu truyện, đoạn văn, mẫu thông tin) chứa đựng thông tin hiển ngôn về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích của mình; xác định thứ tự được diễn đạt trong văn bản, cách kết nối thông tin nhỏ trong bài thành một khối ý nghĩa, nhận dạng các ví dụ hỗ trợ, tóm tắt đoạn, nhận diện từ đồng nghĩa.

+ **Nghe hiểu:** Có thể nghe hiểu được các bài nói về các chủ đề liên quan đến đời sống cá nhân, xã hội, học tập, nghề nghiệp khi ngôn bản được diễn đạt một cách rõ ràng bằng tiếng Anh chuẩn; xác định được sự thay đổi về mặt thời gian, nhận diện được thứ tự diễn đạt, hiểu ý chính và nghe hiểu được thông tin hỗ trợ trong các bài nói về các đề tài thường gặp trong đời sống, công việc, học tập được trình bày rõ ràng bằng tiếng Anh chuẩn, lắng nghe và nhận biết sự khác biệt, sự đối lập hoặc sự tương phản trong thông tin được truyền đạt, tóm tắt nội dung của phần nghe, và cách xử lý khi gặp những từ/ cụm từ mới)

+ **Viết:** Có thể nhận biết đặc điểm chung và cấu tạo một đoạn văn, nhận biết một đoạn văn hiệu quả; tìm ý và triển khai một đoạn văn cơ bản và một đoạn văn miêu tả; sử dụng tính từ, từ nối trong bài viết; viết bài miêu tả bản thân,; viết văn kể chuyện; viết một viết tương tác (thư xin lỗi) và xử lý văn bản với phạm vi từ vựng và mức độ kiểm soát từ vựng, ngữ pháp và chính tả tương đối.

+ **Nói:** Có khả năng miêu tả tranh về các chủ đề quen thuộc (như miêu tả bản thân), xây dựng lòng tin trong giao tiếp và tìm những điểm chung, giải quyết các tranh cãi trong cuộc sống, Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc có tính lặp lại

hoặc không lặp lại liên quan đến sở thích và chuyên môn của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, nhận biết sự khác biệt về phong cách giao tiếp, xây dựng niềm tin, xử lý xung đột trong giao tiếp, xử lý các hiểu lầm có thể có từ việc sử dụng sai ngữ điệu trong giao tiếp, xử trí các tình huống ít lặp lại và giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể thể hiện suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng, có tính văn hóa hơn như là sự thành công, nghệ thuật, v.v.

+ **Kỹ năng tư duy phản biện:** Hình thành, phát triển kỹ năng tư duy phản biện với công cụ ngôn ngữ Tiếng Anh trong việc đánh giá các luận điểm, giải thích biểu đồ đường, phản ánh các ý tưởng, áp dụng kiến thức vào tình huống mới, phân tích bằng chứng: trích dẫn hỗ trợ; giải thích biểu đồ bong bóng.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện ý thức tự học và luyện tập cao, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Anh như đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Nhận biết và ghi nhớ kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Hiểu được các thông tin và suy nghĩ đơn giản, các ý chính của một bài phát biểu hay đoạn văn (thư từ, hoặc bài báo) về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, thể thao, giải trí, v.v... khi những thông tin này được diễn đạt rõ ràng bằng tiếng Anh chuẩn mực.	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Áp dụng kiến thức ngôn ngữ để giao tiếp không cần chuẩn bị về các chủ đề quen thuộc liên quan đến cá nhân, công việc, sự thành công, các thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán, viết thư xin lỗi hoặc thư ngắn	Bài tập tình huống, cho người học đóng vai, Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành cá	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

	diễn đạt thói quen hàng ngày; viết thư mô tả một sự kiện hoặc kế hoạch đi du lịch.	nhân, tra cứu thông tin thực hành tự luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	
CLO4	Phân tích, đánh giá, diễn giải được tranh luận, các bằng chứng thông qua các trích dẫn, xử lý được các tình huống giao tiếp mới.	Dạy học theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO5	Thể hiện kỹ năng tự học (tính chủ động, độc lập và sự yêu thích môn học, thực hành tiếng Anh) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học môn tiếng Anh.	Lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự học

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

T T	Tuần	Nội dung	Số tiết						CĐ R học phầ n (CL Os)
			Lý thuyết		Thực hành			Tự họ c	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	COURSE INTRODUCTION AND PRE-TEST	0		5			0	
2	2	UNIT 1 (5 tiết) - Identity • Unit opener • 1 A: One true identity? • 1 B: I'm teaching splitboarding	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		Language knowledge: - Grammar: present simple and present continuous; - Vocabulary: character adjectives Skills: - Reading: an article about online identities; previewing the text - Critical thinking: evaluating arguments - Listening: people talking about their character in the past and present; understanding sequence: noticing time change - Communication skill: understanding different communication styles Self-study: Spark platform unit 1: Video 1 + Reading 1 +2 + Grammar 1,2 + Progress check 1,2,3,4							
3	3	UNIT 1 (5 tiết) - Identity (cont) • 1C: I didn't use to be adventurous • 1 D: I didn't use to be adventurous • 1 E: I collect rare records Language knowledge: - Pronunciation: Short /ɜ/ and long /u:/ - Grammar: Used to and would	2		3			1.5	1,2,3,4,5

		Skills: - Listening: Another main aim is for students to practise paying attention to verb tenses, used to and time expressions in order to understand sequence in a story - Writing: describe past habits and situations that have changed; guide students to produce an online self-introduction. The reading text provides a model. Students practise proofreading their writing before posting online Self-study: Spark platform unit 1: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 1,2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
4	4	UNIT 2 (5 tiết) - Success • Unit opener • 2 A: Success stories • 2 B: I've practised for years Language knowledge: - Pronunciation: practise saying consonant sounds together. - Grammar: the present perfect and		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		past simple Skills: - Reading: notice chunks when reading an article about success stories, notice words in groups helps make reading more fluent, and practise interpreting line graphs - Speaking: discuss the nature of success, and talk about practising something to be successful and making suggestions on ways to improve. They talk about past actions with present consequences.- - Critical thinking: thinking about the quality of information Self-study: Spark platform unit 2: Video 1 + Reading 1 +2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4							
5	5	UNIT 2 (5 tiết) - Success (cont) • 2 C: You must be prepared • 2 D: Building trust • 2 E: Secrets of success Language knowledge: - Pronunciation: practise saying words with the sounds /ə/ and /ɜ:/; - Grammar: have	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		to, must, don't have to and mustn't to talk about obligation, necessity, permission and recommendations - Vocabulary: A further main aim is for students to learn collocations to talk about work Skills: - Listening: practise summarizing a conversation by taking bullet-pointed notes - Writing: write a how-to article - Speaking: practise different ways of building trust in relationships in different situations by showing abilities and trust, being open with information, being reliable, and finding things in common. Self-study: Spark platform unit 2: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
6	6	UNIT 3 (5 tiết) - Working together • Unit opener • 3 A: Do we need competition? • 3 B: He helped me reach my goals Language knowledge:		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		- Pronunciation saying this combination of letters when pronounced /ɪə/ or /ɜː/; - Vocabulary: food - Grammar: past tenses (the past simple, past continuous and past perfect simple) Skills: - Reading: identify supporting examples when reading an online discussion - Speaking: reflect on the value of competition Self-study: Spark platform unit 3: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4							
7	7	UNIT 3 (5 tiết) - (cont) Working together • 3 C: Part of the team • 3 D: Managing conflict • 3 E: I'm so sorry Language knowledge: - Pronunciation: saying words with the sounds /aʊ/, /əʊ/ and /oʊ/ - Vocabulary: multi-word verbs in the context of teamwork. - Grammar: make and let Skills: - Listening: a news report about a	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		Team protecting animals - Writing: write an email of apology - Critical thinking: recognizing direct and indirect ideas; - Speaking: talk about how teamwork helps solve particular problems; roleplay situations in which they have to work out what to say and how to respond in conflict situations. Self-study: Spark platform unit 3: video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
8	8	UNIT 4 (5 tiết) - Routines • Unit opener • 4 A: The power of daily routines • 4 B: If they shake my hand ... Language knowledge: - Pronunciation saying the voiced and unvoiced consonants /p/, /b/, /k/ and /g/. prepositions and articles; - Grammar: the zero and first conditional Skills: - Reading: an article about routines; finding meaning: using		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		affixes - Speaking: discuss different ways of greeting people. Self-study: Spark platform unit 4: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4							
9	9	UNIT 4 (5 tiết) - Routines (cont) • 4 C: Get plenty of fresh air! • 4 D: Dealing with uncertainty • 4 E: While we're away Language knowledge: - Pronunciation: understand connected speech - Vocabulary: phrases with dependent prepositions - Grammar: quantifiers like too much/many, a tiny bit, enough Skills: - Listening: understand a conversation about building good habits, and practise using contextual clues to work out words they don't understand - Speaking: talk about what they need to be happy, what they don't get enough of, and how they reward themselves; 0	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		– Communication skills: avoid uncertainty - Writing: write a note for a house guest about household routines Self-study: Spark platform unit 4: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
10	10	ÔN TẬP + KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4			1.5	
11	11	UNIT 5 (5 tiết) - Art • Unit opener • 5 A: What is art? • 5 B: If I had five more years Language knowledge: - Pronunciation: understanding contractions of auxiliary verbs - Vocabulary: food - Grammar: the second conditional Skills: - Reading: summarize an article about what art really is - Speaking: discuss what art is by saying which quotations about art they agree with and why; talk about possibilities in the future Self-study: Spark platform unit 5: video		2			3	1.5	1,2,3,5

		1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4							
12	12	UNIT 5 (5 tiết) - Art (cont) • 5 C: It was incredibly exciting • 5 D: Understanding intonation • 5 E: Your evening starts with a tour Language knowledge: - Pronunciation: saying voiced and unvoiced final consonants - Vocabulary: adjectives to describe things and how they feel about them - Grammar: -ed and -ing adjectives Skills: - Listening: listen for contrast by recognizing contrast expressions; students understand explorers talking about art. - Critical thinking: prioritizing - Communication skill: act out situations in which they have to use language to avoid intonation misunderstandings - Writing: write a description of an event Self-study: Spark platform unit 5: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
13	13	UNIT 6 (5 tiết) - Where I'm from • Unit opener• 6 A: City life • 6 B: I've been living in Mexico journey I've ever made Language knowledge: - Pronunciation: recognize weak auxiliary verbs in continuous speech - Grammar: present perfect continuous Skills: - Reading: an article about a temporary city called Kumbh Mela tent city - Speaking: discuss their response to information in the text, and talk about their own experiences of large gatherings; talk about their preferences for living in the city or the countryside, and the advantages and disadvantages of working from home wherever people want Self-study: Spark platform unit 6: Video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		1,2,3,4							
14	14	UNIT 6 (5 tiết) - Where I'm from (cont) • 6 C: I lived in a suburb • 6 D: Managing group conversations • 6 E: You're coming to my home town! Language knowledge: - Pronunciation: saying words with /l/ and /r/. - Vocabulary: words that describe places in cities - Grammar: describing movement using the structures verb + adverb, verb + preposition and verb + adverb + reposition Skills: - Listening: listen for signposts in childhood stories - Speaking: describe a journey they used to take when they were a child - Communication skills: roleplay to practise using language to show unfamiliarity with the topic, link to a familiar topic and involve others - Writing: write a suggested travel plan. Self-study: Spark platform unit 6: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, +	2			3	1.5	1,2,3,4,5	

		Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
15	15	REVIEW UNIT 1 -6 - SELF-STUDY FOR EXAMS	2		3			3	1,2,3,4,5
		TỔNG	20	10	30		15	22, 5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

6. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin	x	x			
Dạy theo tình huống, cho người học đóng vai,	x	x	x	x	
Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược	x	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành cá nhân ở nhà, chữa và nhận xét	x	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, giao bài tập quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 3:

+ Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp – hình thức trực tiếp

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và TT.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 3

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập về nhà theo đúng thời hạn quy định theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- Emily Bryson & Christien Lee, 2022, *Voices - Pre-Intermediate (Vietnam Edition) – Student's Book & Workbook*. National Geographic Learning.

10.2. Học liệu tham khảo

- Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles, 2008. *Destination B1 Grammar & Vocabulary*, Macmillan
- McCarthy, M. & O'Dell, F, 1999. *English Vocabulary in Use –Intermediate*. Cambridge: CUP
- Raymond Murphy, 2017. *English Grammar in Use 4th Edition*, Cambridge: CUP.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context Basic, 7th editon*, National Geographic Learning.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 1, 7th editon*, National Geographic Learning.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 2, 7th editon*, National Geographic Learning.
- Stuart Redman. 2017. *English vocabulary in use Pre-Intermediate 4th edition*, Cambridge: CUP

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GV BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS.Nguyễn Thị Trường Giang Nguyễn Thị Hồng Nhung Nguyễn Thị Việt Nga

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY
TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, GVC	0904226044	nguyenthivietnga.ajc@gmail.com
2.	Dương Thị Hào (PK)	ThS, GVC	0985573743	duonghao75@gmail.com
3.	Nguyễn Thị Hương (PK)	TS, GV	0903430786	huongnguyen041281@gmail.com
4.	Lương Bá Phương	TS, GVC	0912656717	ltphuong2012@gmail.com
5.	Hoàng Thị Minh Ánh	ThS, GV	0987063355	anh.hn.vn@gmail.com
6.	Nguyễn Thị Thúy Huệ	ThS, GV	0987805985	nguyenthuyhuc.9285@gmail.com
7.	Thân Văn Thanh	ThS, GVC	0936296899	thanhta88@gmail.com
8.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS, GV	0969858911	hongnhung.nguyen1109@gmail.com
9.	Phạm Thị Hà	ThS, GV	0963576468	phamha031090@gmail.com
10.	Nguyễn Thùy Linh	ThS, GV	0973348927	reinguyen.kum90@gmail.com
11.	Chu Thị Bích Liên	ThS, GVC	0989331668	bichlienqat@gmail.com
12.	Trương Thủy Chung	ThS, GV	01289108269	chungtt82@gmail.com
13.	Dương Thị Thúy Hằng	ThS, GVC	0978406207	lamcdgt@gmail.com
14.	Lê Thị Phụng	ThS, GVC	0984353169	ltphuong96@gmail.com
15.	Trịnh Thị Thu Hiền	ThS, GV	0989196885	huyhienminh@yahoo.com
16.	Vũ Ngọc Long	ThS, GV	0974840391	vnlong.teacher@gmail.com
17.	Lê Ngọc Oanh	ThS, GV	0987069868	ngocoanh.le@gmail.com
18.	Phạm Thu Giang	ThS, GV	0983831884	phamthugiang888@gmail.com
19.	Trần Thị Vân Thùy	ThS, GV	0983230159	tranvanthuy0712@gmail.com
20.	Đỗ Quang Khang	ThS, GV	0983311966	doquangkhang28@gmail.com
21.	Nguyễn Hữu Hoàng	ThS, GV	0972252155	huuhoang309@gmail.com
22.	Hoàng Thị Dung	ThS, GV	0945975891	hoangdung.hulis@gmail.com
23.	Nguyễn Tuấn Anh	ThS, GV	0912838728	tuananh.nguyen2106@gmail.com

92/07/1

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

6. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 4**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **General English 4**

Mã học phần: **NN01018**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (trong đó 1.5 tín chỉ lý thuyết, 1 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 67,5 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 1, 2, 3

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: **ThS. Dương Thị Hào**

Điện thoại, email: **0985573743 – haoduong27475@gmail.com**

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Anh Khoa Ngoại ngữ. (23 giảng viên có danh sách phần Phụ lục)*

7. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 4/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân, có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ **Ngữ âm:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm Tiếng Anh ở bậc 4 (bao gồm trọng âm câu, trọng âm các từ quan trọng, phát âm chữ cái “r”, hiện tượng nuốt âm trong các từ có chữ “th”, phân biệt /i/ và /i:/, phát âm âm bật hơi /p/, /t/, /k/, phát âm cụm phụ âm, cách nhận diện các âm khó, sửa lỗi phát âm,...

+ **Ngữ pháp:** Trang bị cho sinh viên kiến thức các hiện tượng ngữ pháp và cấu trúc ở bậc 4 (Các thì tương lai diễn đạt kế hoạch, cấu trúc động từ dạng to verb và verb-ing, mệnh đề quan hệ xác định và không xác định, so sánh hơn, câu điều kiện loại 3, câu bị động, cách nói dự đoán, cấu trúc đưa lời khuyên,...)

+ **Từ vựng:** Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống (như đồ ăn, tiền, du lịch, công nghệ, các giác quan), bao gồm danh từ, tính từ (dùng trong miêu tả), cụm danh từ, trạng từ,

- **Kỹ năng:**

+ **Đọc hiểu:** Có thể đọc một cách tương đối độc lập, có tốc độ đọc tùy thuộc vào từng chủ đề và từng dạng văn bản. Có đủ và đa dạng lượng từ vựng để hiểu bài đọc ở đa dạng các chủ đề (cân bằng cuộc sống và công việc, những vấn đề thiết yếu trong cuộc sống, thời gian rảnh rỗi, và các giác quan). Còn gặp khó khăn với các thành ngữ ít xuất hiện. Có thể phân loại các ý tưởng tìm thấy về chủ đề “cân bằng cuộc sống và công việc” và xác định được các ý hỗ trợ trong văn bản. Có thể liên kết thông tin trong bài đọc với thực tế cuộc sống; nhận diện được hiện tượng tình lược trong văn bản, hiểu được sự đối lập giữa các ý, thông tin được biểu đạt dưới dạng biểu đồ cột, hiểu cách diễn giải lại ý trong văn bản.

+ **Nghe hiểu:** Có thể nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng, hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ, được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn mực về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng (bao gồm cả những cuộc thảo luận mang tính kỹ thuật). Có thể nghe các bài có sử dụng các dạng cấu trúc tương lai (be going to, hiện tại tiếp diễn, và will) để nói về các kế hoạch và dự định tương lai, sự sắp xếp, dự đoán, quyết định tức thời, hiểu các bài nói có đồ họa thông tin. Có thể nghe cách người nói sử dụng thông tin hỗ trợ khi đưa ra lời khẳng định. Có thể nghe hiểu thông tin chi tiết trong các đoạn hội thoại chủ đề đa dạng (ngôn ngữ, màu sắc, kỳ nghỉ, đồ ăn, kế hoạch dự định,...)

+ **Viết:** Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, có thể tổng hợp thông tin, lập luận từ một số nguồn khác nhau. Có thể sử dụng đề cương bài luận và luyện tập tư duy nhìn nhận về một chủ đề từ nhiều góc độ, có thể viết bài luận về thuận lợi và bất lợi của một vấn đề, bài đăng blog, sử dụng ngôn ngữ phù hợp để nói về điều gì quan trọng, sử dụng ngôn ngữ để trình bày lời phàn nàn và chọn thông tin phù hợp để viết một email khiếu nại. Có thể sử dụng được các từ và cụm từ chỉ thời gian khi viết về các giai thoại. Có thể sử dụng các thông tin cảm nhận bởi các giác quan để làm câu chuyện trở nên thú vị hơn.

+ **Nói:** Có thể giao tiếp độc lập về các chủ đề đa dạng (nhu cầu cá nhân, tài chính, lập kế hoạch, sắp xếp, dự đoán, quần áo, món ăn, công nghệ, kỳ nghỉ, địa điểm...). Có thể đưa ra lập luận và cấu trúc mạch lạc, có sự kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Có thể hỏi thông tin mà không làm gián đoạn lời nói trong các cuộc hội thoại, chia sẻ thông tin với người khác, đưa ra lời khuyên và lời gợi ý

+ **Kỹ năng tư duy phản biện:** Có khả năng phân loại và cá nhân hóa các thông tin khác nhau dùng trong ngôn ngữ nói hoặc viết, phân tích và đánh giá thông tin được thể hiện trên biểu đồ cột và sơ đồ quá trình.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện ý thức tự học và luyện tập cao, đặc biệt là tinh thần chủ động tự trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Chủ động tiếp cận nguồn tài liệu hình thành thói quen tự học chủ động thông qua việc đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, nâng cao kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm.

8. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Hiểu và nhận diện được nội dung chính, chi tiết trong các bài phát biểu, bài nói hoặc hội thoại dài có lập luận tương đối phức tạp với các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, nhận diện được các thông tin bổ trợ. Có thể hiểu được các bài báo thuộc các chủ đề đa dạng trong đời sống hàng ngày, sử dụng ngôn ngữ chuẩn, và nhận diện được quan điểm của người viết.	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Nhớ được kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để viết bài luận về lợi và bất lợi, một bài đăng trên blog thể hiện hiểu biết về các kỹ năng quan trọng, thể hiện quan điểm cá nhân, viết thư điện tử với mục đích phản nàn. Vận dụng được các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học để có thể	Bài tập tình huống, cho người học đóng vai, Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin thực hành tự luyện	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

	dẫn dắt các cuộc trò chuyện nhóm, xử lý thông tin, đưa và nhận feedback một cách tự nhiên, hiệu quả.	kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	
CLO4	Phân tích, và đánh giá, phân loại, và cá nhân hóa thông tin, sử dụng trải nghiệm bản thân trong xử lý các thông tin thuộc các chủ đề khác nhau trong ngôn ngữ nói hoặc các văn bản.	Dạy học theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO5	Thể hiện ý thức tự học và luyện tập cao, đặc biệt là tinh thần chủ động tự trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Chủ động tiếp cận nguồn tài liệu, chủ động học tập thông qua việc đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, nâng cao kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm.	Lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự học

9. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuầ n	Nội dung	Số tiết					Tự học	CBR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	COURSE INTRODUCTION AND PRE-TEST	0		5				
2	2	<u>UNIT 7</u> (5 tiết) - Balance • Unit opener • 7A: Balancing time • 7B: It's going to be a lot of fun	3		2			2. 5	1,2,3,5

		Language knowledge: - Grammar: Future forms (be going to, the present continuous, and will) - Pronunciation: Using stressing important words Skills: - Reading: Identifying supporting reasons - Critical thinking: Categorizing ideas about work-life balance - Listening: two explorers talk about future plans - Communication skill: Discussing response to information in the text, giving reasons, talking about future plans Self-study: Spark platform Unit 7: Video + Reading 1,2 + Grammar 1,2 Progress check 1,2,3,4							
3	3	UNIT 7 (5 tiết) - Balance (cont) • 7C: A balanced budget • 7D: Understanding ways of processing information • 7E: Pros and cons Language knowledge: - Pronunciation: Practicing the sound /r/ in words - Grammar: Using verb patterns with to-Verb or V-ing - Vocabulary: money Skills: - Listening: Listening for supporting information when making a claim - Speaking: Talking about needs, luxuries, and to give tips for saving money - Writing: Using essay outline as a guide to write, thinking about a topic from different points of view Self-study: Spark platform		2			3	2.5	1,2,3,4,5

		unit 1: Video + Grammar 3,4 + Pronunciation 1,2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
4	4	UNIT 8 (5 tiết) - Essentials • Unit opener • 8 A: I really missed good coffee • 8 B: Clothes that we don't need Language knowledge: - Pronunciation: Noticing elision in words with /th/ - Grammar: Relative clauses, non-defining relative clauses Skills: - Reading: Recognizing ellipsis in a magazine article about what astronauts miss when working on the ISS - Listening: Listening to an explorer describing an infographic about clothing waste - Critical thinking: Understanding information in a text more deeply by personalizing it and relating it to personal experience - Communication skill: Discussing clothing waste Self-study: Spark platform unit 2: Video 1 + Reading 1 +2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4	2.5		2.5			2.5	1,2,3,5
5	5	UNIT 8 (5 tiết) - Essentials (cont) • 8 C: Food that you can't live without • 8 D: Giving and receiving feedback	3		2			2.5	1,2,3,5

		• 8 E: Smiling is essential Language knowledge: - Pronunciation: Practising saying words with the sounds /i/ and /i:/ - Grammar: Using comparatives: with adverbs, with much / a lot / a little / slightly, with more or less the same, and with not as + adjective + as - Vocabulary: food Skills: - Listening: Listening to a talk about food people can't live without - Writing: Writing a blog post about essential skills. - Communication skill: Talking about dishes they like or dislike Self-study: Spark platform unit 2: Video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
6	6	UNIT 9 (5 tiết) - Taking a break • Unit opener • 9 A: Days off work • 9 B: If I had known Language knowledge: - Pronunciation: Saying aspirated /p/, /t/, and /k/ - Grammar: third conditionals; use could or might instead of would to reduce the certainty of the result Skills: - Reading: Understanding contrast in an article about time off from work; practising interpreting		2			3	2.5	1,2,3,4,5

		bar charts; the holiday regrets of an Explorer - Critical thinking: Interpreting bar charts - Communication skill: Discussing taking time off from work; talk about holiday regrets. Self-study: Spark platform unit 3: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4						
7	7	UNIT 9 (5 tiết) - Taking a break (cont) • 9 C: I would just go camping • 9 D: Dealing with unexpected behaviors • 9 E: My stay was very unpleasant Language knowledge: - Pronunciation: Saying consonant groups - Vocabulary: holiday vocabulary - Grammar: Giving advice with should / ought to, If I were you, I'd ...; suggest/ recommend + ing and that + clause Skills: - Listening: Listening for specific information in a conversation about holiday advice. - Writing: Writing an email of complaint to express unhappiness with a product or service that they receive - Critical thinking: Interpreting bar charts - Communication skill: Creating and comparing a list of top ten travel tips. Self-study: Spark platform unit 3: video 2 + Grammar 3,4 + Pronunciation 2,	3	2			2.5	1,2,3,4,5

		Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
10	10	ÔN TẬP + KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4				
8	8	UNIT 10 (5 tiết) - The senses • Unit opener • 10 A: Most tastes of toast • 10 B: Seeing blue Language knowledge: - Pronunciation: Noticing challenging sounds that they personally find difficult to say. - Grammar: Passive voice Skills: - Reading: Learning how to paraphrase to explain the ideas in a text about senses - Critical thinking: Interpreting a diagram. - Listening: - Communication skill: Discussing an experiment to show how synaesthesia works; talking about language and colour; asking and answering about famous buildings. Self-study: Spark platform unit 10: video 1 + Reading 1,2 + Grammar 1,2 + Pronunciation 1 + Progress check 1,2,3,4	3		2			2. 5	1,2,3,5
9	9	UNIT 10 (5 tiết) - The senses (cont) • 10 C: The internet of senses • 10 D: Listening to people's problems • 10 E: that's when I saw the leopard Language knowledge: - Pronunciation:		2			3	2. 5	1,2,3,4,5

		Reflecting on correcting pronunciation mistakes - Vocabulary: Vocabulary for technology and the senses - Grammar: Using modal verbs, that clauses, could, may, might; will not; it's possible/unlikely that ... Skills: - Listening: Listening when taking notes; listening to a talk about the internet and senses - Writing: Writing an anecdote - Communication skill: Talking about future technology and the senses Self-study: Spark platform unit 10: Video + Grammar 3,4 + Pronunciation 2, Listening 1,2, + Vocabulary 1,2,3,4 + Communication 1,2,3 + Writing 1,2,3 + Progress check 5,6,7,8,9							
11	11	COURSE REVIEW SELF-STUDY FOR EXAMS	1		1.5			2.5	1,2,3,4 5
		TỔNG	16.5	6	21		9	2.5	

10. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

11. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin	x	x			
Dạy theo tình huống, cho người học đóng vai,	x	x	x	x	
Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược	x	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành cá nhân ở nhà, chữa và nhận xét	x	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, giao bài tập quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	x	x	x	x	x

12. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	x	x	x	x	x

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 4:
 - + Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp – hình thức trực tiếp
 - + Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số

1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 4

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

14. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập về nhà theo đúng thời hạn quy định theo đúng thời hạn quy định

15. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- Emily Bryson & Christien Lee, 2022, *Voices - Intermediate (Vietnam Edition)* – *Student's Book & Workbook*. National Geographic Learning.

10.2. Học liệu tham khảo

- Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles, 2008. *Destination B1 Grammar & Vocabulary*, Macmillan
- McCarthy, M. & O'Dell, F, 1999. *English Vocabulary in Use –Intermediate*. Cambridge: CUP
- Raymond Murphy, 2017. *English Grammar in Use 4th Edition*, Cambridge: CUP.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context Basic, 7th editon*, National Geographic Learning.

- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 1*, 7th editon, *National Geographic Learning*.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 2*, 7th editon, *National Geographic Learning*.
- Sandra N. Elbaum, 2021, *Grammar in Context 3*, 7th editon, *National Geographic Learning*.
- Stuart Redman. 2017, *English vocabulary in use Pre-Intermediate 4th edition*, Cambridge: CUP

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

Hoàng Thị Dung

Nguyễn Thị Việt Nga

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY
TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, GVC	0904226044	nguyenthivietnga.ajc@gmail.com
2	Dương Thị Hào (PK)	ThS, GVC	0985573743	duonghao75@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hương (PK)	TS, GV	0903430786	huongnguyen041281@gmail.com
4	Lương Bá Phương	TS, GVC	0912656717	ltphuong2012@gmail.com
5	Hoàng Thị Minh Ánh	ThS, GV	0987063355	anh.hn.vn@gmail.com
6	Nguyễn Thị Thúy Huệ	ThS, GV	0987805985	nguyenthuyhue.9285@gmail.com
7	Thân Văn Thanh	ThS, GVC	0936296899	thanhta88@gmail.com
8	Nguyễn Thị Hồng Nhưng	ThS, GV	0969858911	hongnhung.nguyen1109@gmail.com
9	Phạm Thị Hà	ThS, GV	0963576468	phamha031090@gmail.com
10	Nguyễn Thùy Linh	ThS, GV	0973348927	reinguyen.kum90@gmail.com
11	Chu Thị Bích Liên	ThS, GVC	0989331668	bichlienqkt@gmail.com
12	Trương Thủy Chung	ThS, GV	01289108269	chungtt82@gmail.com
13	Dương Thị Thúy Hằng	ThS, GVC	0978406207	lamcdgt@gmail.com
14	Lê Thị Phụng	ThS, GVC	0984353169	ltphuong96@gmail.com
15	Trịnh Thị Thu Hiền	ThS, GV	0989196885	huyhienminh@yahoo.com
16	Vũ Ngọc Long	ThS, GV	0974840391	vnlong.teacher@gmail.com
17	Lê Ngọc Oanh	ThS, GV	0987069868	ngocoanh.le@gmail.com
18	Phạm Thu Giang	ThS, GV	0983831884	phamthugiang888@gmail.com
19	Trần Thị Vân Thùy	ThS, GV	0983230159	tranvanthuy0712@gmail.com
20	Đỗ Quang Khang	ThS, GV	0983311966	doquangkhang28@gmail.com
21	Nguyễn Hữu Hoàng	ThS, GV	0972252155	huuhoang309@gmail.com
22	Hoàng Thị Dung	ThS, GV	0945975891	hoangdung.hulis@gmail.com
23	Nguyễn Tuấn Anh	ThS, GV	0912838728	tuananh.nguyen2106@gmail.com

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG TRUNG CƠ BẢN HỌC PHẦN 1**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **GENERAL CHINESE 1**

Mã học phần: **NN01019**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: Trần Thị Thanh Huyền, Thạc sĩ

Điện thoại: 0983445866, Email: tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ.*

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS, GVC	0382355235	xiang51073@yahoo.com
2	Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GVC	0983445866	tthuyenthanh@gmail.com
3	Nguyễn Hồng Thủy	ThS, GV	0989326549	hongthuyajc@gmail.com
4	Trịnh Thị Diệu Huyền	ThS, GV	01673651665	huyen.hocvien@gmail.com
5	Nguyễn Thanh Phương	ThS, GV	0912880642	phanhatkhanganh@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc sơ cấp thấp tương đương với HSK1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, nắm được cách viết chữ Hán, các quy tắc ngữ pháp, từ vựng cũng như có kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ sơ cấp thấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, thời gian, nơi chốn, trường học, mua bán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ **Ngữ âm:** Có kiến thức cơ bản về phát âm trong tiếng Trung (gồm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, trọng âm và ngữ điệu).

+ **Ngữ pháp:** Trang bị kiến thức ngữ pháp gồm câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi dùng trợ từ ngữ khí 吗, các câu vị ngữ động từ, tính từ..., liên quan đến các chủ đề thường gặp trong giao tiếp hằng ngày.

+ **Từ vựng:** Trang bị từ vựng (khoảng 300 từ) liên quan đến các chủ đề thường gặp trong giao tiếp hằng ngày như danh từ chỉ nơi chốn, chỉ người thân, thời gian, vật dụng gia đình, các đại từ nhân xưng, tính từ và động từ đơn giản thường gặp.

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa của người Trung Quốc liên quan và ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) thể hiện trong các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

- Kỹ năng

+ **Đọc hiểu:** Có thể đọc hiểu nội dung các câu đơn giản, hiểu ý chính của một đoạn văn ngắn liên quan đến các chủ đề thuộc các lĩnh vực như cá nhân, học tập, nơi chốn, đồ vật, mua bán và các giao tiếp thiết yếu hàng ngày.

+ **Nghe hiểu:** Có thể nghe hiểu các phát ngôn ngắn, với tốc độ tương đối chậm, và được nhắc lại liên quan đến các chủ đề thuộc các lĩnh vực như cá nhân, học tập, nơi chốn, đồ vật.

+ **Viết:** Có thể viết các nét chữ Hán, nắm được các bộ và quy tắc viết chữ Hán. Có thể viết được các câu đơn ở mức độ tương đối đơn giản, các đoạn văn ngắn, trình bày một vấn đề đơn giản liên quan đến các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nơi chốn, mua sắm đơn giản.

+ **Nói:** Có thể tương tác tương đối thành công và phù hợp về văn hoá với bằng tiếng Trung Quốc về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực trong cuộc sống hằng ngày như học tập, nơi chốn, gia đình, mua sắm.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Hình thành ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Ghi nhớ được cách viết chữ Hán, các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp thấp tương đương HSK 1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi	Thuyết trình, giải thích Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

	(汉语水平考试).	Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	
CLO2	Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản liên quan đến các giao tiếp thiết yếu hàng ngày (gia đình, bản thân, mua sắm, hỏi đường, v.v.)	Thuyết trình, giải thích Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, diễn đạt bản thân như viết đoạn văn ngắn và đơn giản, tương tác bằng tiếng Trung một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày như mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh.	Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO4	Hình thành ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe tiếng Trung, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ lên lớp, thông qua kết quả của các hoạt động tự học.	Bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

4. Nội dung chi tiết học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết						CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Bài 1: 你好 - Ngữ âm: +Thanh mẫu: b,p,m,f,d,t,n,l,g,k,h + Vận mẫu: a,o,e,i,u,ai,ei,ao,ou + Thanh điệu: 1,2,3,4 - Cách viết chữ Hán: + Các nét cơ bản và quy tắc viết chữ Hán TỰ HỌC : Viết các nét cơ bản, từ mới bài 1. Đọc và ghi âm phần ngữ âm và học từ mới bài 1.	0		5			0	
2	2	Bài 2 : 汉语不太难 - Ngữ âm: + Vận mẫu: an, en ang ,eng, ong - Từ vựng: các từ chỉ người trong gia đình TỰ HỌC : Học thuộc từ chủ đề gia đình Đọc và ghi âm phần ngữ âm và từ mới bài 2.	2.5		2.5			1.5	1,2,3
3	3	Bài 3 : 明天见 - Ngữ âm: + Thanh mẫu: j, q, x + Vận mẫu: ia, ie, iao, iou,ian, in,iang, ing - Từ vựng: Các từ chỉ số đếm TỰ HỌC : Sinh viên đọc và ghi	2		3			1.5	1,2,34

		âm lại phần ngữ âm và từ mới bài 1,2,3							
4	4	Bài 4: 你去哪儿 - Ngữ âm: + Thanh mẫu: z,c,s + Vận mẫu: er,ua,uo,uai,uei,uan,u en,uang,ueng - Từ vựng: các từ chỉ thứ trong tuần TỰ HỌC : Viết từ mới bài 4 Đọc và ghi âm phần ngữ âm, từ mới và bài khóa bài 4	2			3	1.5	1,2,3,4	
5	5	Bài 5: 这是王老师 - Ngữ âm: + Thanh mẫu: zh,ch,sh,r + Vận mẫu: -i - Từ vựng: Các từ mời, chào TỰ HỌC: Sinh viên đọc và ghi âm lại phần ngữ âm và từ mới bài 4, 5	2.5	2.5			1.5	1,2,3,4	
6	6	Bài 6: 我学习汉语 + Các từ vựng liên quan đến họ tên, quốc gia, và một số đồ vật. + Cách nói họ tên người Trung Quốc. + Luyện cách hỏi và trả lời họ tên, quốc tịch TỰ HỌC : Viết từ mới và bài khóa bài 6. Đọc và ghi âm từ mới và bài khóa bài 6. Làm bài tập bài 6.	2			3	1.5	1,2,3,4	
7	7	Bài 7: 你吃什么 * Từ vựng: Các từ liên quan đến đồ ăn, uống Biến điệu của “一” Cách dùng lượng từ “个” * Luyện tập cách gọi đồ ăn, uống	2.5	2.5			1.5	1,2,3,4	

		TỰ HỌC : Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 6 và 7 Tự làm bài tập bài 6, 7 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 8							
8	8	Chữa bài tập bài 7 Bài 8: 苹果一斤多少钱 - Từ vựng: Các từ liên quan tới mua bán và tên các từ chỉ hoa quả Trợ từ ngữ khí “了”、“吧” Cách dùng 2 và 两 + số lượng từ Cách nói tiền Trung Quốc - Luyện tập mua bán đơn giản TỰ HỌC : Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 8 Tự làm bài tập bài 8 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 9	2			3	1.5	1,2,3,4	
9	9	Chữa bài tập bài 8 Bài 9: 我换人民币 Các từ liên qua đến tiền, ngân hàng Cách biểu đạt yêu cầu, cảm ơn và đáp lại lời cảm ơn Luyện cách đi ngân hàng đổi tiền TỰ HỌC : Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 9 Tự làm bài tập bài 9 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 10	2.5		2.5		1.5	1,2,3,4	
10	10	Chữa bài tập bài 9 Bài 10: 他住哪儿 - Từ vựng: các từ liên quan đến nói số điện thoại, nơi chốn - Ngữ pháp:	1		4		1.5		

		Trật tự ngữ pháp trong câu tiếng Hán Câu vị ngữ động từ Cách nói số điện thoại Nói: Biết cách hỏi và nói số điện thoại, TỰ HỌC : Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 10 Tự làm bài tập bài 10 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 11						
11	11	Kiểm tra giữa kỳ Bài 11: 我们都是留学生 - Từ vựng: các từ nói về học sinh - Ngữ pháp: Câu hỏi dùng 吗 Trạng ngữ Cách dùng phó từ “也” “都” TỰ HỌC: Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 11 Tự làm bài tập bài 11 trong sách trang 92-97 Chuẩn bị từ mới bài 12	2			3	1.5	1,2,3,4
12	12	Chữa kiểm tra giữa kì Bài 12: 你在哪儿学习 Từ mới liên quan đến học tập Ngữ pháp: Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn Định ngữ và trợ từ kết cấu “的” Giới từ “在” “给” TỰ HỌC: Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài	2.5	2.5			1.5	1,2,3,4

		12 Tự làm bài tập bài 12 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 13							
13	13	Bài 13: 这是不是中药 Các từ chỉ đồ vật, màu sắc • Ngữ pháp: Câu vị ngữ tính từ Câu nghi vấn chính phản Kết cấu chữ “的” TỰ HỌC: Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 13 Tự làm bài tập bài 13 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 14		2			3	1.5	1,2,3, 4
14	14	Chữa bài tập bài 13 Bài 14: 你的车是新的 还是旧的 • Từ vựng: các từ liên quan đến phương tiện giao thông • Ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ - vị Câu hỏi lựa chọn Câu hỏi tính lược TỰ HỌC: Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 14 Tự làm bài tập bài 14 trong sách học Chuẩn bị từ mới bài 15	2		3			1.5	1,2,3, 4
15	15	Chữa bài tập bài 14 Bài 15: 你们公司有多 少职员 • Từ vựng: các từ liên quan đến nghề nghiệp, công việc • Ngữ pháp:	2.5		2.5			3	

		Câu chữ “有” Cách đọc con số Hỏi số lượng : cách dùng “几” và “多少” Cụm từ số lượng: số từ + lượng từ + danh từ TỰ HỌC : Đọc và ghi âm lại từ mới và bài khoá bài 15 Tự làm bài tập bài 15 trong sách học							
		Tổng	20	10	30		15	22,5	

16. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

7. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình, giải thích	x	x		
Dạy theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Chia nhóm, cặp	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

8. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x		
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x
Tự nghiên cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp nhận kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 1

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình

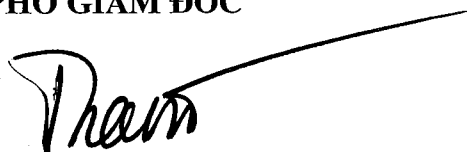
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập cá nhân theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第一册 上. 北京语言大学出版社
(Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 1. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)
- a. *Học liệu tham khảo*
- 李晓琪主编 2005. 博雅汉语 I. 初级起步篇。北大版 长期进修汉语教材。
- 孟国主编 2011 原声汉语 (初级实况听力教程) 北大版
- 石佩芝主编 2005 汉语水平考试(一级) 北大版 - 刘云
- 刘红英主编 2015 汉语水平考试(一级) 北京语言大学出版社

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. Nguyễn Thị Trường Giang

Trịnh Thị Diệu Huyền

Nguyễn Thị Việt Nga

28/11

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Tiếng Trung cơ bản 2

Tên học phần bằng tiếng Anh: GENERAL CHINESE 2

Mã học phần: NN01019

Loại môn học: Cơ sở

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: Bắt buộc

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: Tiếng Trung cơ bản 1

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: ThS. Trần Thị Thanh Huyền:

Điện thoại 0983445866. – mail: tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试), tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên nắm chắc được phần ngữ âm, cách viết chữ Hán, kiến thức ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như thời gian, công việc, sở thích, học tập, hỏi đường.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

+ Ngữ âm:

Trang bị kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Trung (gồm phụ âm, nguyên âm, phân biệt âm và thanh điệu, trọng âm và biến điệu trong câu); đọc đúng phiên âm la-tinh, thanh điệu.

+ **Ngữ pháp:** Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc sơ cấp trong khung năng lực ngoại ngữ. Nắm được một số mẫu câu, từ chỉ thời gian làm trạng ngữ, câu hỏi lựa chọn

“还是”、“或者”, sự tiến hành của động tác 在、正在、正, câu có 2 tân ngữ, câu liên

động, câu kiêm ngữ, phương vị từ, động từ năng nguyện 会、要、想、能 câu dùng giới từ làm trạng ngữ, bổ ngữ khả năng biểu thị trạng thái.... ,cách dùng “又...又...”
“有一点儿”“一点儿”

+ **Từ vựng:** Trang bị vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề thường gặp trong giao tiếp hằng ngày như nắm được 1 số từ đề nói về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày như thời gian, học tập, sở thích

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa Trung Quốc liên quan và tác động đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) để thể hiện các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

Kỹ năng: Phát triển kỹ năng ngôn ngữ ở bậc trung cấp (bậc 4 Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试)

+ **Kỹ năng đọc:** Có thể đọc hiểu nội dung cả bài khóa trong bài học, và hiểu ý chính của một đoạn văn ngắn liên quan đến các chủ đề thuộc các lĩnh vực như cá nhân, học tập, môi trường, giải trí, nơi chốn, đồ vật sở thích, gia đình, công việc...

+ **Kỹ năng nghe hiểu:** Có thể nghe hiểu các phát ngôn ngắn, với tốc độ tương đối chậm, và Nghe hiểu các tình huống giao tiếp mua bán, hỏi đường, công việc yêu thích, việc học tập

+ **Kỹ năng viết:** Có thể viết được các câu ghép, câu phức ở mức độ tương đối đơn giản, email, notes, các đoạn văn ngắn có liên kết để diễn đạt bản thân, trình bày một vấn đề đơn giản liên quan đến các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, như viết thư mời dự sự kiện, hỏi về thông tin, mô tả bản thân, nơi chốn, sự kiện.

+ **Kỹ năng nói:** Có thể tương tác tương đối thành công và phù hợp về văn hoá với những người nói tiếng Trung về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực trong cuộc sống hằng ngày như học tập, sở thích, nơi chốn, mơ ước, môi trường, giải trí, đi mua sắm, hỏi đường, thời gian.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện ý thức tự học và luyện tập, chủ động sử dụng tiếng Trung như đọc, nghe, giao tiếp ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng tương tác khi làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Nắm được và ghi nhớ các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp tương đương HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)).	Thuyết trình, giải thích Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

		kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	
CLO2	Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm), ứng phó tốt và giao tiếp độc lập trong các tình huống đơn giản.	Thuyết trình, giải thích Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, diễn đạt bản thân như viết email ngắn, đoạn văn ngắn có liên kết, và trong tương tác với người nói tiếng Trung một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.	Dạy theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp, bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO4	Có hứng thú với môn học, có khả năng tự học và tương tác tốt thể hiện ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động sử dụng tiếng Trung như đọc, nghe tiếng Trung, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ lên lớp và các hoạt động tự học.	Bài tập thực hành, tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

4. Nội dung chi tiết học phần

T	Tu	Nội dung	Số tiết	CDR
---	----	----------	---------	-----

T	ần		Lý thuyết		Thực hành				học phần (CL Os)
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng g LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến	Tự học	
1	1	第十六课 你常去图书馆吗? 教学目标与要求 掌握时间状语, 了解“还是”、“或者”的区别, 运用课文对话介绍自己的日常活动 教学内容 1.生词 2.语法: 时间状语 “还是”、“或者”: “还是”用于疑问句, “或者”用于陈述句; 3.注释: “我们”、“咱们”; “吧”的语气: 请求或建议, 同意和应答, “跟”引导的介宾短语 4. 课文 5. 语音 6.练习 TỰ HỌC: 听录音, 做作业, 写生词	0		5			0	
2	2	第十七课 他在做什么呢? 教学目标与要求 掌握动作的正在进行, 运用“怎么+动词”提问 教学内容 1.生词 2.语法: 动作的正在进行: 在、正在、正 “怎么+动词”提问 双宾语句 4. 课文 5.语音	2.5		2.5			1.5	1,2,3, 5

		6.练习 TỰ HỌC : 听录音, 做作业, 写生词 第十八课 我去邮局寄包裹 教学目标与要求 掌握连动句 教学内容 1.生词 2.语法: 连动句: “到.....做.....”, “用.....做.....” , 表达目的和方式的两种基本类型 3. 课文 4.注释 : 顺便你给我买几张邮票吧。 5.语音: 逻辑重音 6.练习 TỰ HỌC : 听录音, 做作业, 写生词							
3	3	第十九课 我试试可以吗? 教学目标与要求了解动词的重叠, 人民币的单位, 运用课文对教学内容 1. 生词 2. 语法: 动词的重叠: 表达轻松的语气, 说明动作短且时间短 “又.....又.....”的用法 : 表示同时存在的条件或状况 “一点儿”和“有点儿”的区别 “太.....了”表示不满,	2		3			1.5	1,2,3,5

		极少数时候表示赞叹 3.课文 4注释：人民币的单位 5 语音：词重音 6.练习 TỰ HỌC : • 听录音，做作业 ，写生词						
4	4	第二十一 我们七点一刻出发 教学目标与要求 掌握汉语时刻的表达， 运用课文对话介绍作息 制度 教学内容 1. 生词 2. 语法 时点词：年、月、日、 点、刻、分，排列顺序 从大到小 时点词在句中的充当的 成分：主语、谓语、定 语、状语，时间状语要 放在地点状语前面 3. 课文 4注释：我们去朋友那 儿聊天 同学们 5语音：词重音 6练习 TỰ HỌC : 听录音，做作业，写生 词	2			3	1.5	1,2,3, 5
5	5	二十二课 我打算请老师教 京剧 教学目标与要求 掌握兼语句，运用课文 对话表达兴趣 教学内容	2.5		2.5		1.5	

		1. 生词 2. 语法 使动用法和兼语句：动宾短语和主谓短语部分重合在一起，动宾短语的宾语兼作主谓短语的主语所构成的兼语短语作谓语的句子，兼语前的动词往往有使令意义。 使令动词：请、叫、让、派、打算 “对……感兴趣” 3. 课文 4. 注释：- 你喜欢看京剧，是吗？ 5. 语音 练习 TỰ HỌC： 听录音，做作业，写生词							
6	6	第二十三课 学校里边有邮局吗 教学目标与要求 掌握存现句和方位词，运用课文对话问路 教学内容 1. 生词 2. 语法 1. 方位词 2. 存现句：在、有、是 3. “从……”、“离……” 3. 课文 4. 注释 5. 语音 6.练习 TỰ HỌC： 听录音，做作业，写生		2			3	1.5	1,2,3,4,5

		词							
7	7	第二十四课 我想学太极拳 教学目标与要求 掌握所学能愿动词，运用“怎么”询问原因，运用能愿动词表达愿望 教学内容 1. 生词 2. 语法： 能愿动词：想、会、要、能、可以用“怎么”询问原因 3. 课文 4. 注释：离这儿有多远？有七八百米，多？ 5. 语音 TỰ HỌC： 听录音，做作业，写生词	2.5	2.5			1.5	1,2,3,5	
8	8	第二十五课： 她学得很好 教学目标与要求 掌握状态补语的语义、用法，了解原因的表达 教学内容 1. 生词 2. 语法 2.1. 状态补语：形容词或动词后用“得”连接的补语 肯定式：动词+得+形容词 否定式：动词+得+不+		2		3	1.5	1,2,3,4,5	

		形容词 正反式：动词+得+形容词+不+形容词 2.2 “为什么”表示原因 2.3 “还可以” 4. 课文 5. 注释 6. 练习							
9	9	第二十六课 田芳去哪儿了？ 1. 课文 (一) 田方去哪儿了 (二) 他又来电话了 2. 生词 3. 注释 (一)你给我打电话了吧 (二) 你不是上托福班吗？ (三)是不是？ 4. 语法 (一)语气助词了（1） (二)再 和又 5. 练习 TỰ HỌC: 听录音，做作业，写生词	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5
10	10	第二十七课 玛丽哭了？ 1. 课文 (一) 你怎么了？ 二) 玛丽哭了。 2. 生词 3. 注释 (一) 怎么了？ (二) 就吃了一些鱼和牛肉。 (三) 别难过了 (四) 跳跳舞 4. 语法 (一)动作的完成 (动词+了) (二) 因为.... 所以.....	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		5. 练习 TỰ HỌC: 听录音, 做作业, 写生词							
1 1	11	KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4			1.5	
1 2	12	第二十八课 我吃了早饭就来了 1. 课文 (一) 我吃了早饭就来了 (二) 我早就下班了 2. 生词 3. 注释(一)这几套房厨房、卧室还可以, 但是客厅面积小了点。 (二) 我还是要上下午都有阳光的。 4. 语法 (一) “就” 和 “才” (二) 要是(的话)就... (三) 虽然.....但是..... 5. 练习 TỰ HỌC: 听录音, 做作业, 写生词		2			3	1.5	1,2,3,5
1 3	13	第二十九课 我都做对了。 1. 课文 (一) 我都作对了 (二) 看完电影又做作业 2. 生词 3. 注释 4. 语法	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5

		(一)动作结果的表达: 结果补语 (二) 结果补语: 上、成、到 (三)主谓词 做定语 5. 练习 TỰ HỌC: 听录音, 做作业, 写生词							
1 4	14	第三十课 我来了两个多月了 1.课文 (一) 我来了两个多月了 (二) 我每天都练习一个多小时。 2. 生词 3. 注释 (一)对这儿的生活习惯了吧。 (二) 炼了好几年了 (三)三天打鱼, 两天晒网 4. 语法 (一)时量补语 (二) 概数的表达 (三)离合动词 5. 练习 TỰ HỌC : 听录音, 做作业, 写生词	2			3	1.5	1,23, 5	
1 5	15	ÔN TẬP	2		3		3		
		TỔNG	20	10	30		15	22,5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	x									
CLO2			x							
CLO3										

CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình, giải thích	x	x		
Dạy theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Chia nhóm, cặp	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x		
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x
Tự nghiên cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp nhận kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 2

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập cá nhân theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第一册 上. 北京语言大学出版社
(Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 2. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)

10.2. Học liệu tham khảo

- 李晓琪主编 2005. 博雅汉语 I. 初级起步篇。北大版 长期进修汉语教材。
- 孟国主编 2011 原声汉语 (初级实况听力教程) 北大版-
- 石佩芝主编2005 汉语水平考试(一级) 北大版 -刘云 ,
- 刘红英主编 2015汉语水平考试(一级) 北京语言大学出版社 -

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS,TS.Nguyễn Thị Trường Giang

GV BIÊN SOẠN



Nguyễn Hồng Thủy

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Việt Nga

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 3**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **GENERAL CHINESE 3**

Mã học phần: **NN01021**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 90 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 3

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: ThS. Trần Thị Thanh Huyền

Điện thoại, email: 0983 445 866 – tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ:*

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS, GVC	0382355235	xiang51073@yahoo.com
2.	Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GVC	0983445866	tthuyenthanh@gmail.com
3.	Nguyễn Hồng Thủy	ThS, GV	0989326549	hongthuyajc@gmail.com
4.	Trịnh Thị Diệu Huyền	ThS, GV	01673651665	huyen.hocvien@gmail.com
5.	Nguyễn Thanh Phương	ThS, GV	0912880642	phannhatkhanganh@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình

huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Trang bị kiến thức cơ bản trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở bậc HSK3

- Kiến thức

+ **Ngữ âm** : Phát âm chuẩn các từ đơn lẻ, các câu ngắn và dài. Trong giao tiếp, khi phải nói cả đoạn dài có thể nói lưu loát với tốc độ từ chậm tới vừa; có khả năng tự phát hiện ra lỗi và điều chỉnh lỗi phát âm sai; dần hoàn thiện kỹ năng phát âm của mình.

+ **Ngữ pháp**: Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc sơ trung cấp. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các cấu trúc câu hay dùng thường ngày, các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc như câu so sánh, câu sử dụng bổ ngữ xu hướng đơn, trợ từ ngữ khí 了, các liên từ 不但.....而且....., bổ ngữ động lượng, lặp lại hình dung từ....

+ **Từ vựng**: Có thể diễn đạt một cách rõ ràng, rành mạch về các chủ đề đã được học, biết cách kết hợp các từ, cụm từ một cách tự nhiên và linh hoạt; có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.

+ **Văn hóa**: Được trang bị một số kiến thức văn hóa của người Trung Quốc liên quan và ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) thể hiện trong các chủ đề được học, biết cách sử dụng các yếu tố ngôn ngữ dựa theo ngữ cảnh văn hóa cụ thể.

- Kỹ năng

Kỹ năng: *Phát triển kỹ năng ngôn ngữ ở bậc sơ trung cấp (bậc 3 Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试)*

+ **Kỹ năng đọc hiểu**: Đọc lưu loát, và hiểu được nội dung các hội thoại đơn giản có tính truyền tải thông tin; Đọc lướt nhanh nội dung các văn bản để xác định các thông tin cần tìm, nắm được ý chính của đoạn văn bản và hoàn thành một vài nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu của giảng viên

+ **Kỹ năng nghe hiểu**: Nắm được ý chính khi nghe các thông tin sự kiện đơn giản hàng ngày. Hiểu được các từ khóa, điểm chính của trong các bài được nghe liên quan đến các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí...

+ **Kỹ năng nói**: Giao tiếp cơ bản, khá tự tin về các chủ đề học tập sinh hoạt thường ngày hay không thường ngày. Biểu đạt được mong muốn, sở thích, yêu cầu của các nhân một cách rõ ràng, mạch lạc, đôi lúc có thể ngập ngừng khi thiếu vốn từ nhưng về cơ bản không ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp; Trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc trong được học trong sách một cách rõ ràng, rành mạch.

+ **Kỹ năng viết**: Viết được các đoạn hội thoại ngắn và vừa một cách đơn giản, dễ hiểu, viết các bài đoạn hội thoại có nội dung tương tự bài đã học về những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong một văn bản đơn giản, có tính kết nối;

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Trung thông qua các hoạt động đọc, nghe, giao tiếp ngoài giờ học. Yêu thích việc học tiếng Trung, có khả năng tự tra cứu, tự làm việc độc lập, có đam mê học hỏi và nghiên cứu nền văn hóa Trung Quốc.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Nhận diện và ghi nhớ các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)).	Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép Học theo tình huống, đóng vai Tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp Làm bài tập thực hành ở nhà Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản trong tiếng Trung (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm)	Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép Học theo tình huống, đóng vai, tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp, làm bài tập thực hành ở nhà Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, tự tin trong tương tác với người nói tiếng Trung khi nói về các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày.	Học theo tình huống, đóng vai Tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp, Làm bài tập thực hành ở nhà Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu,	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

		xem phim, xem các chương trình có liên quan.	
CLO4	Phân tích, đánh giá các tình huống giao tiếp, các hội thoại bằng Tiếng Trung để có cách diễn đạt và sử dụng ngôn ngữ phù hợp	Học theo tình huống, đóng vai Tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp, Làm bài tập thực hành ở nhà Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO5	Thể hiện ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Trung như nghe nói đọc viết, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ lên lớp.	Học theo tình huống, đóng vai Tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp, Làm bài tập thực hành ở nhà Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự học

4. Nội dung học phân và lịch trình giảng dạy

T T	Tu ần	Nội dung	Số tiết						CDR học phần (CL Os)
			Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	第一课:我比你更喜欢音乐 一、课文 (一)北京比上海大吧 (二)我比你更喜欢音乐 二、生词	0		5			0	

		三、注释 (一)怎么说呢 (二)我还是喜欢古典音乐 (三)这几年变化很大 (四)上海的气温比北京高得多							
2	2	四、语法 (一)比较句:“比”字句,A有没有B(那么)+形容词、“更”和“最” (二)数量补语 (三)感叹句 Tự học 五、练习1,2,3,4	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5
3	3	第二课:我们那儿的冬天跟北京一样冷 一、课文 (一) 我们那儿的冬天跟北京一样冷 (二) 我跟你不一样 Tự học 二、生词 三、注释 (一)好了 (二)我只是对中国历史感兴趣 四、语法 (一)比较句:跟.....一样/不一样 (二)不但.....而且..... ... 五、练习	2		3			1.5	1,2,3,5
4	4	第三课 冬天快要到了 一、课文 (一)快走吧,要上课了 (二)我姐姐下个月就要结婚了 Tự học		2			3	1.5	1,2,3,5

		二、生词							
5	5	三、注释 (一).....着呢 (二)都.....了 (三)着什么急 (四)该换电池了 (五)有什么好事啦 四、语法 (一)变化的表达:语气助词“了”(2) (二)动作即将发生 (三)状语与结构助词“地” (四)无主语句 Tự học 五、练习	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5
6	6	第四课: 快上来吧,要开车了 一、课文 (一)我给您捎来了一些东西 (二)快上来吧,要开车了 Tự học 二、生词		2			3	1.5	1,2,3,5
7	7	三、注释 (一)小林 (二)你不是到台湾开教学研讨会去了吗? (三)慢走 (四)还麻烦你跑一趟 (五)不回来的同学跟我说一声 四、语法:动作趋向的表达:简单趋向补语:动词+来/去 Tự học 五、练习	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5
8	8	第五课: 我听过钢琴协奏曲《黄河》		2			3	1.5	1,2,3,5

		》 一、课文 (一) 我吃过中药 (二)你以前来过中国吗 (三)我听过钢琴协奏曲《黄河》 二、生词 三、注释 (一)《黄河》 (二)《梁祝》 (三).....极了 (四)我一次病也没得过 (五)好借好还,再借不难 Tự học 三、语法 (一) 经历和经验的表达:动词+过 (二)动作行为进行的数量:动量补语 (三)序数的表达 五、练习							
9	9	第六课 我是跟旅游团一起来的 一、课文 (一)我是跟旅游团一起来的 (二)你的汉语是在哪儿学的 Tự học 二、生词 - Kiểm tra giữa kỳ	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5
10	10	三、注释 (一)孔子 (二)马马虎虎 (三)老外 四、语法 (一)是.....的 (二)一.....就..... (三)程度的表达:形	1		4			1.5	

		容词重叠 Tự học 五、练习							
1 1	11	第七课:我的护照你找到了没有 一、课文 (一) 我的护照你找到了没有 (二)我是球迷 二、生词 三、注释 (一)我找了半天也没找着 (二)我看球迷一个个都有点儿不正常 四、语法 (一)主谓谓语句(2) (二)结果补语:在、着(zháo)、好、成 Tự học 五、练习		2			3	1.5	1,2,3,5
1 2	12	第八课: 我的眼镜摔坏了 一、课文 (一) 我们的照片洗好了 (二) 我的眼镜摔坏了 Tự học 二、生词	2.5		2.5			1.5	1,2,3,4,5
1 3	13	三、注释 (二)我的眼镜摔坏了 (一)不怎么样 (二)颜色深了一点儿 (三)别提了 (四)差(一)点儿 (五)今天倒霉得很 四、语法 (一)被动意义的表达:被动句 (二)量词重叠	2.5		2.5			1.5	1,2,3,5

		(三)一年比一年 Tự học 五、练习							
1 4	14	第九课：钥匙忘拔 下来了一、课文 二、生词 三、语法 动作趋向的表达:复 合趋向补语 Tự học 四、练习		2			3	1.5	1,2,3, 4,5
1 5	15	第十课 会议厅的门开着呢 一、课文 (一) 会议厅的门 开着呢 (二)墙上贴着红双 喜字 Tự học 二、生词 三、语法 动作或状态的持续: 动词+着 四、练习	2		3			3	1,2,3, 4,5
		TỔNG	20	10	30		15	22,5	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1										
CLO2										
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

6. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành làm việc theo nhóm, theo cặp	x	x	x	x	x
Làm bài tập thực hành ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu, tự tra cứu từ điển, chủ động tiếp thu kiến thức qua các việc đọc sách, đọc tài liệu, xem phim, xem các chương trình có liên quan.	x	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 1:
 - + Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp – hình thức trực tiếp
 - + Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 3

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CDR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên	20%	1,2,3,4,5

quá trình			cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp		
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập cá nhân theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第册二上. 北京语言大学出版社
(Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 3. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)

10.2. Học liệu tham khảo

- 邱军主编 2018. 成功之路 I。进步篇1。北京语言大学出版社。
- 姜丽萍主编 2015汉语水平考试(3级) 北京语言大学出版社

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GV BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA





PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang Nguyễn Thanh Phương Nguyễn Thị Việt Nga

23/11/17

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 4**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **GENERAL CHINESE 4**

Mã học phần: **NN01022**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (trong đó 1.5 tín chỉ lý thuyết, 1 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 67,5 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 1

Môn học tiên quyết: tiếng Trung cơ bản 1, 2, 3

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: ThS. Trần Thị Thanh Huyền

Điện thoại, email: 0983 445 866 – tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ:

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS, GVC	0382355235	xiang51073@yahoo.com
2	Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GVC	0983445866	tthuyenthanh@gmail.com
3	Nguyễn Hồng Thủy	ThS, GV	0989326549	hongthuyajc@gmail.com
4	Trịnh Thị Diệu Huyền	ThS, GV	01673651665	huyen.hocvien@gmail.com
5	Nguyễn Thanh Phương	ThS, GV	0912880642	<u>phannhatkhanganh1@gmail.com</u>

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở bậc HSK4

+ **Ngữ âm** : Giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với tốc độ chính xác ở mức chấp nhận được; nhìn chung có khả năng kiểm soát tốt, tuy còn chịu ảnh hưởng rõ ràng của tiếng mẹ đẻ. Vẫn có lỗi, nhưng người nói vẫn thể hiện nỗ lực trong việc diễn đạt ý mình.

+ **Ngữ pháp**: Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc trung cấp trong khung năng lực ngoại ngữ. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ có tính “công thức”, hay dùng thường ngày và các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc như câu chữ bẻ, câu bị động, câu tăng tiến, các liên từ kết nối câu ghép dài có 4 đến 5 phân câu...

+ **Từ vựng**: Có đủ vốn từ để diễn đạt ý mình, để có thể miêu tả một cách rõ ràng, bày tỏ quan điểm và triển khai lập luận mà không thấy có dấu hiệu phải tìm từ khi bàn về đa số các đề tài liên quan đến cuộc sống như công việc, du lịch, các sự kiện mới xảy ra, phong tục tập quán...

+ **Văn hóa**: Trang bị một số kiến thức văn hóa của người Trung Quốc liên quan và ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) thể hiện trong các chủ đề như du lịch, có khó khăn thì tìm cảnh sát, một số phong tục tập quán của người Trung Quốc...

Kỹ năng: Phát triển kỹ năng ngôn ngữ ở bậc trung cấp (bậc 4 Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试)

+ **Kỹ năng đọc hiểu**: Có thể hiểu được các bài khóa đơn giản có tính truyền tải thông tin về những đề tài được ưa thích hay thuộc chuyên môn của bản thân với mức độ hiểu chấp nhận được. Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, và thu nhập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể. Tìm ra và hiểu được thông tin phù hợp trong các tài liệu thường nhật, ví dụ như thư từ, sách quảng cáo hay các tài liệu chính thức, ngắn. Nhận ra được lập luận khi đọc về vấn đề, mặc dù chưa hiểu được một cách chi tiết.

+ **Kỹ năng nghe hiểu**: Hiểu được các thông tin sự kiện đơn giản về các đề tài phổ biến hàng ngày hay các đề tài liên quan đến công việc, xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc. Hiểu được thêm điểm chính của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng quanh các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí...bao gồm cả đoạn tường thuật ngắn.

+ **Kỹ năng nói** : Giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân. Diễn tả suy nghĩ của mình về các đề tài trừu tượng hay liên quan đến lĩnh vực văn hóa, ví dụ như phim ảnh, sách, âm nhạc...

Tường thuật lại một cách chi tiết những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng. Nói về ước mơ, hi vọng và tham vọng, giải thích ngắn gọn cho các ý kiến, kế hoạch và hành động, Trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc trong lĩnh

vực của mình một cách rõ ràng và hầu như là dễ theo dõi, với điểm chính được giải thích với tốc độ chính xác phù hợp.

+ **Kỹ năng viết:** Viết được các văn bản đơn giản, dễ hiểu, có liên kết về nhiều loại đề tài quen thuộc ưa thích bằng cách kết nối một loạt các sự kiện cụ thể thành một chuỗi tuyến tính, mô tả đơn giản, chi tiết về nhiều đề tài ưa thích; viết các bài tường thuật về những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong một văn bản đơn giản, có tính kết nối.; viết bài mô tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây (có thực hay tưởng tượng); thuật lại một câu chuyện; ghi lại các tin nhắn trao đổi yêu cầu, giải trình vấn đề.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:** Nâng cao ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Có hứng thú với tiếng Trung, có khả năng làm việc độc lập, có đam mê học hỏi và nghiên cứu nền văn hóa Trung Quốc.

3. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Hình thức KTĐG
CLO1	Nhớ và hiểu được các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ trung cấp tương đương HSK 4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)).	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	- Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO2	Hiểu được các loại câu và các cấu trúc đúng ngữ pháp để có thể sử dụng trong giao tiếp thông thường như đi du lịch, phong tục tập quán, đi xem trình diễn nghệ thuật, mô tả bản thân bị sự cố...	Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin, tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng uyển chuyển các kiến thức đã học vào thực tế sử dụng ngôn ngữ. Có thể chủ động hỏi đáp, thuyết trình về một chủ đề nào đó, bước đầu có khả năng đưa ra quan điểm cá nhân, phản đối hay đồng tình với đối phương.	Bài tập tình huống, cho người học đóng vai, Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, tra cứu thông tin thực hành tự luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	Đánh giá việc chuyên cần, việc thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ

CLO4	Phân tích được các tình huống trong giao tiếp để áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thiện một đoạn văn hoàn chỉnh, sử dụng chính xác các kiến thức đã học để tương tác bằng tiếng Trung một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối phức tạp liên quan đến cuộc sống thực tế như mô tả về bản thân bị sự cố, ý nghĩa của một số phong tục của người Trung Quốc...	Dạy học theo tình huống, đóng vai, làm nhóm, cặp và lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập và giờ tự học, bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi cuối kỳ
CLO5	Thể hiện ý thức và khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Anh như đọc, nghe tiếng Anh, giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, thông qua kết quả của các hoạt động tự học.	Lớp học đảo ngược, thực hành cá nhân, quay video thực hành ngôn ngữ dưới hình thức phỏng vấn hoặc đóng tiểu phẩm theo nhóm (Projects)	Đánh giá ý thức học tập trên lớp, bài tập về nhà và giờ tự học

	Tuầ n	Nội dung	Số tiết						CD R học phầ n (C LO s)
			Lý thuyết		Thực hành			T ự họ c	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòn g LT	Tại phòn g thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Bài 1 前边开过来一辆空车 一、 课文 (一) 前边开过来一辆空 车 (二) 年轻人打扮得越来 越漂亮了 二、 生词 三、 注释 (一)四合院 (二) 在家靠父母， 出门	0		5			2, 5	

		靠朋友 四、语法 (一)人或事物的存在和出现: 存现句 (二)变化的表达: “越来越....” 和“越.....越....” 五、练习 TỰ HỌC: 听录音, 做作业, 写生词							
2	2	Bài 2 为什么把“福”字倒贴在门上 一、 课文 (一) 我们把教室布置成了会场 (二)把对联贴在大门两边 (三)为什么把“福”字倒着贴在门上呢? 二、生词 三、注释 (一)过春节的时候, 差不多家家都贴“福”字 (二)哟, 可不是 四、语法: “把” 句子 五、练习 TỰ HỌC: -做 练习3, 5, 6 - 阅读与录下自己读的课文2	3	2			2, 5	1,2,3,5	
3	3	Bài 3 请把护照和机票给我 一、 课文 (一) 请把护照和机票给我 (二) 你把火打开 二、生词 三、注释 (一)没什么呀 四、语法		2			3	2, 5	1,2,3,5

		(一) “把”字句 五、练习 TỰ HỌC: -写一段文章: 你毕业后的理想工作							
4	4	Bài 4 我的腿被自行车撞伤了 一、 课文 (一) 我的腿被自行车撞伤了 (二)钱包让小偷偷走了 二、生词 三、注释 (一)还好, 骨头没被撞伤 (二)钱不多, 才几十块钱 (三)你说倒霉不倒霉? (四)可气不可气? 四、语法 (一) 被动词语的表达: “被”字句 (二)又 五、练习 TỰ HỌC: -做 练习4,7 - 阅读与录下自己读的课文4	2.5		2.5			2, 5	1,2,3,5
5	5	Bài 5 京剧看得懂, 但是听不懂 一、 课文 (一) 京剧看得懂, 但是听不懂 (二)她有事, 去不了 二、生词 三、注释 (一)脸谱 (二)古代 四、语法 (一)可能补语 (1) (二)动作能否发生或完成: 动词+得/不+了	3		2			2, 5	1,2,3,4,5

		(三)空间能否容纳: 动词 +得/了 + 下 五、练习 TỰ HỌC: -复习生词, 课文 -写一段文章 你家乡的天气						
6	6	Bài 6 山这么高, 你爬得上去吗 一、 课文 (一) 山怎么高, 你爬上去吗? (二) 我担心自己演不好 二、生词 三、注释 (一)世上无难事, 只怕有心人 (二)加油 (三)没问题 四、语法 (一)可能补语 (2) (二)可能补语与状语补语 (三)只要.....就..... 五、练习 TỰ HỌC: - 阅读与录下自己读的课文6 -写一段文章 你学习汉语的情况	2			3	2, 5	1, 2, 3, 5
7	7	Bài 7 我想起来了 一、 课文 (一)我想起来了 (二) 我们还想学下去 二、生词 三、注释 (一)要是让我们自己花钱可租不起 (二)我们公司就搞中外文	3	2			2, 5	1, 2, 3, 4, 5

		化交流的 四、语法 (一) 动作结果的表达: 趋向 补语的引申用法 (二)只有.....才..... 五、练习 TỰ HỌC: -做 练习3, 5, 6 - 阅读与录下自己读的课 文7							
8	8	ÔN TẬP + KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4				
9	9	Bài 8 寒假你打算去哪儿旅行 一、 课文 (一) 吃什么都可以 (二) 你是哪儿冷去哪 儿啊 二、生词 三、注释 (一) “桂林山水甲天下” (二) 上有天堂, 下有苏杭 四、语法 (一) 疑问代词的活用 (二) 两个动作同时进行: 一边 ... 一边..... (三) 连续动作的顺序 五、练习 TỰ HỌC: - 阅读与录下自己读的课 文8 -写一段文章 一次去玩儿	3		2			2, 5	1,2 ,3, 5
10	10	Bài 9 有困难找民警 一、 课文 (一) 吃什么都可以 (二) 你是哪儿冷去哪 儿啊 二、生词		2			3	2, 5	1,2 ,3, 5

		三、注释 (一)“桂林山水甲天下” (二)上有天堂，下有苏杭 四、语法 (一)疑问代词的活用 (二)两个动作同时进行： 一边... 一边..... (三)连续动作的顺序 五、练习 TỰ HỌC: -做 练习5, 6 - 阅读与录下自己读的课文9							
11	11	Bài 10 吉利的数字+ Ôn tập 一、课文 (一)吉利的数字 (二)宴会上的规矩 二、生词 三、注释 (一)相声 (二)什么话 (三)以后你有什么问题就来问我好了 (四)笑一笑，十年少 (五)“六”与“九” 四、语法 (一)反问句 (二)强调意义的表达： 连.....也/都..... (三)强调肯定：二次否定 五、练习 TỰ HỌC: - 阅读与录下自读的课文10 -写一段文章 你的爱好	1		1.5				1,2 ,3, 5
		TỔNG	16.5	6	21		9	22 ,5	

4. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	x									
CLO2			x							
CLO3										
CLO4										
CLO5										
Tổng hợp học phần										

6. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thuyết trình, giải thích, cung cấp thông tin	x	x			
Dạy theo tình huống, cho người học đóng vai,	x	x	x	x	
Chia nhóm, cặp và cho người học luyện tập theo nhóm, cặp, sử dụng lớp học đảo ngược	x	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành cá nhân ở nhà, chữa và nhận xét	x	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, giao bài tập quay video thực hành ngôn ngữ	x	x	x	x	x

6. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x			
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	x	x
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu tài liệu trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ, quay video thực hành ngôn ngữ	x	x	x	x	x

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 4

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Thực tiếp	Thực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học, giờ cá nhân: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập về nhà theo đúng thời hạn quy định theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

- 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第册二下. 北京语言大学出版社
(Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 4. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)

10.2. Học liệu tham khảo

- 邱军主编 2018. 成功之路 II。进步篇。北京语言大学出版社。
- 刘红英主编 2015汉语水平考试(4级) 北京语言大学出版社
- 孟国主编 2011 原声汉语 II (初级实况听力教程) 北大版-

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GV BIÊN SOẠN



TRƯỞNG KHOA



PGS,TS.Nguyễn Thị Trường Giang

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Việt Nga